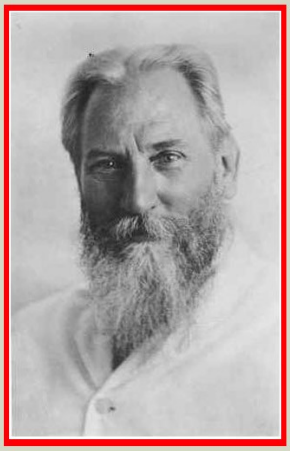
C.W. Leadbeater



CON NGƯỜI
HỮU HÌNH VÀ VÔ HÌNH

Man, Visible and Invisible

minhtrietmoi.org

Man Visible And Invisible

Examples of Different Types of Men as

Seen by Means of Trained Clairvoyance

C. W. Leadbeater

WITH FRONTISPIECE, THREE DIAGRAMS,

AND TWENTY-TWO COLOURED ILLUSTRATIONS

MỤC LỤC

MỤC LỤC **3**

LIST OF ILLUSTRATIONS 5

CHAPTER I 7

HOW THESE THINGS ARE KNOWN—CÁCH NHỮNG ĐIỀU NÀY ĐƯỢC BIẾT 7

CHAPTER II 10

THE PLANES OF NATURE—CÁC CÕI GIỚI CỦA TỰ NHIÊN 10

CHAPTER III 13

CLAIRVOYANT SIGHT—THÔNG NHÃN 13

CHAPTER IV 18

MAN'S VEHICLES—CÁC THỂ (VẬN CỤ) CỦA CON NGƯỜI 18

CHAPTER V 24

THE TRINITY—BA NGÔI 24

CHAPTER VI 29

THE EARLIER OUTPOURINGS—NHỮNG LẦN TUÔN TRÀO ĐẦU TIÊN 29

CHAPTER VII 33

THE ANIMAL GROUP-SOUL—HỒN NHÓM THÚ VẬT 33

CHAPTER VIII 37

THE UPWARD CURVE—VÒNG CUNG THĂNG THƯỢNG 37

CHAPTER IX 40

HUMAN CONSCIOUSNESS—TÂM THỨC CON NGƯỜI 40

CHAPTER X 44

THE THIRD OUTPOURING—LẦN TUÔN TRÀO THỨ BA 44

CHAPTER XI 52

HOW MAN EVOLVES—CON NGƯỜI TIẾN HOÁ NHƯ THẾ NÀO 52

CHAPTER XII 56

WHAT HIS BODIES SHOW US—NHỮNG THỂ CỦA CON NGƯỜI CHO CHÚNG TA BIẾT ĐIỀU GÌ 56

CHAPTER XIII 59

COLORS AND THEIR MEANING—MÀU SẮC VÀ Ý NGHĨA 59

CHAPTER XIV 64

THE COUNTERPART—ĐỐI PHẦN 64

CHAPTER XV 70

EARLY STAGES OF MAN'S DEVELOPMENT—NHỮNG GIAI ĐOẠN ĐẦU TIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI 70

CHAPTER XVI....75
THE ORDINARY PERSON—NGƯỜI BÌNH THƯỜNG....75
CHAPTER XVII....81
SUDDEN EMOTIONS—NHỮNG CẢM XÚC THÌNH LÌNH....81
CHAPTER XVIII....90
MORE PERMANENT CONDITIONS—CÁC TÌNH TRẠNG LÂU DÀI HƠN....90
CHAPTER XIX....108
THE DEVELOPED MAN—NGƯỜI PHÁT TRIỂN....108
CHAPTER XX....117
THE HEALTH-AURA—HÀO QUANG SỨC KHOẺ....117
CHAPTER XXI....122
THE CAUSAL BODY OF THE ADEPT—NHÂN THỂ CỦA VỊ CHÂN SƯ....122

CHƯƠNG 1-4

LIST OF ILLUSTRATIONS

Plate 1-Ý nghĩa của màu sắc....6
Plate 2-Các Cõi giới của Tự nhiên....20
Plate 3-Ba Ngôi....29
Plate 4-Vòng Cung thăng thượng....36
Plate 5-Nhân thể người sơ khai....49
Plate 6-Thể trí của Người sơ khai....69
Plate 7-Thể cảm dục của người sơ khai....71
Plate 8-Nhân thể của Người bình thường....74
Plate 9-Thể trí của người bình thường....76
Plate 10-Thể cảm dục của người bình thường....77
Plate 11- Cơn Bộc Phát Cảm Xúc Thương Yêu....80
Plate 12- Sự Sùng kính Đột Ngột....83
Plate 13-Cơn giận mãnh liệt....85
Plate 14-Nỗi sợ hãi....88
Plate 15-Một người bình thường đang yêu....91
Plate 16-Người cáu kỉnh....94
Plate 17-Người hà tiện....96
Plate 18-Trầm cảm sâu sắc....98
Plate 19-Người sùng đạo....101
Plate 20-Người khoa học....103
Plate 21-Nhân thể của Người Phát triển....105
Plate 22-Thể trí của người phát triển....106
Plate 23-Thể cảm dục của người phát triển....107
Plate 24-Hào quang sức khoẻ bình thường....115
Plate 25-Hào quang sức khoẻ của người bệnh....116
Plate 26-Nhân thể của vị Chân sư....121



Plate 1-Ý nghĩa của màu sắc

CHAPTER I

HOW THESE THINGS ARE KNOWN—CÁCH NHỮNG ĐIỀU NÀY ĐƯỢC BIẾT

MAN is a curiously complex being, and his evolution, past, present and future, is a study of perennial interest for all who can see and understand. Through what toilsome eternities of gradual development he has come to be what he is, to what round in the long ladder of his progress he has now attained, what possibilities of further progress the veil of the future conceals from us, these are questions to which few can be indifferent —questions which have been occurring all through the ages to everyone who has thought at all.

CON NGƯỜI là một thực thể phức tạp kỳ lạ, và sự tiến hóa của y—quá khứ, hiện tại và tương lai—là một chủ đề luôn thu hút sự quan tâm bền bỉ của tất cả những ai có khả năng nhìn và hiểu. Qua những thời kỳ dài dằng dặc phát triển từ từ và khó nhọc, con người đã trở thành như hiện tại. Con người đã đạt đến bậc nào trong chiếc thang dài của sự tiến bộ này, và những khả năng tiến hóa nào mà bức màn tương lai đang che giấu? Đây là những câu hỏi mà rất ít người có thể thờ ơ—những câu hỏi đã nảy sinh suốt các thời đại đối với bất kỳ ai đã từng suy tư.

In the Western world the answers given have been many and various. There has been much dogmatic assertion, based on differing interpretations of alleged revelation; there have been many ingenious speculations, the fruit in some cases of close metaphysical reasoning. But dogmatism meets us with a story which is on the face of it manifestly impossible, while speculation moves chiefly along entirely materialistic lines, and endeavors to arrive at a satisfactory result by ignoring half of the phenomena for which we have to account. Neither dogmatism nor speculation approaches the problem from a practical point of view, as a matter which can be studied and investigated like any other science.

Trong thế giới phương Tây, các câu trả lời đưa ra rất đa dạng. Có nhiều khẳng định giáo điều dựa trên các cách giải thích khác nhau của những mặc khải được cho là chính thống; cũng có những suy đoán khéo léo, đôi khi là kết quả của lập luận siêu hình sâu sắc. Tuy nhiên, giáo điều đưa ra cho chúng ta một câu chuyện mà ngay từ đầu đã rõ ràng là không thể xảy ra, trong khi các suy đoán chủ yếu đi theo hướng hoàn toàn duy vật, và cố gắng đạt được một kết quả thỏa đáng bằng cách bỏ qua một nửa các hiện tượng mà chúng ta cần giải thích. Cả giáo điều lẫn suy đoán đều không tiếp cận vấn đề từ góc độ thực tế, như một lĩnh vực có thể được nghiên cứu và điều tra giống như bất kỳ ngành khoa học nào khác.

Theosophy comes forward with a theory based upon entirely different foundations. While in no way depreciating the knowledge to be gained either by study of the ancient scriptures or by philosophical reasoning, it nevertheless regards the constitution and the evolution of man as matters, not of speculation, but of simple investigation. When so examined, they prove to be parts of a magnificent scheme, coherent and readily comprehensible—a scheme which, while it agrees with and explains much of the old religious teaching, is yet in no way dependent on it, since it can be verified at every step by the use of the inner faculties which, though as yet latent in the

Thông Thiên Học xuất hiện với một lý thuyết dựa trên những nền tảng hoàn toàn khác biệt. Trong khi không hề coi nhẹ kiến thức có thể thu được từ việc nghiên cứu các kinh sách cổ xưa hoặc từ lý luận triết học, nó vẫn xem cấu trúc và sự tiến hóa của con người không phải là vấn đề của suy đoán, mà là một cuộc điều tra đơn giản. Khi được xem xét như vậy, những điều này chứng minh là một phần của một kế hoạch vĩ đại, mạch lạc và dễ hiểu—một kế hoạch mà, trong khi phù hợp với và giải thích nhiều giáo lý tôn giáo cổ xưa, lại hoàn toàn không phụ thuộc vào chúng, vì có thể được kiểm chứng ở mọi bước bằng cách sử dụng các năng lực nội tại, những năng lực tuy vẫn còn tiềm ẩn ở đa số nhân

majority of mankind, have already been brought into working order by a number among our students.

loại nhưng đã được phát triển ở một số học viên trong chúng ta.

For the past history of man, this theory depends not only upon the concurrent testimony of the tradition of the earlier religions, but upon the examination of a definite record—a record which can be seen and consulted by anyone who possesses the degree of clairvoyance requisite to appreciate the vibrations of the finely subdivided matter upon which it is impressed. For its knowledge as to the future which awaits humanity, it depends, first, upon logical deduction from the character of the progress already made; second, on direct information supplied by men who have already reached those conditions which for most of us still constitute a more or less remote future; and third, on the comparison which anyone who has the privilege of seeing them may make between highly evolved men at various levels. We can imagine that a child who did not otherwise know the course of nature might reason that he would presently grow up and become a man, merely from the fact that he had already grown to a certain extent and in a certain way, and that he saw around him other children and young people at every stage of growth between his own and the adult level.

Đối với lịch sử quá khứ của con người, lý thuyết này không chỉ dựa trên lời chứng đồng thời của các truyền thống tôn giáo cổ, mà còn dựa trên việc nghiên cứu một hồ sơ xác định—một hồ sơ mà bất kỳ ai sở hữu mức độ thông nhãn cần thiết để cảm nhận được các rung động của chất liệu tinh tế nơi nó được ghi nhận đều có thể nhìn thấy và tham khảo. Đối với kiến thức về tương lai đang chờ đợi nhân loại, lý thuyết này dựa, trước tiên, vào suy luận logic từ đặc tính của những tiến bộ đã đạt được; thứ hai, vào thông tin trực tiếp được cung cấp bởi những người đã đạt đến các điều kiện mà đối với hầu hết chúng ta vẫn còn là một tương lai xa xôi; và thứ ba, vào sự so sánh mà bất kỳ ai có đặc quyền nhìn thấy cũng có thể thực hiện giữa những con người tiến hóa cao ở các mức độ khác nhau. Chúng ta có thể hình dung rằng một đứa trẻ, nếu không biết rõ quy luật tự nhiên, có thể suy luận rằng y sẽ trưởng thành và trở thành người lớn, chỉ từ thực tế là y đã phát triển đến một mức độ nhất định theo một cách nhất định, và rằng y nhìn thấy xung quanh mình những đứa trẻ và thanh niên ở mọi giai đoạn phát triển từ mức độ của y đến trình độ người trưởng thành.

The study of the condition of man at the present time, of the immediate methods for his evolution, and of the effect upon that evolution of his thoughts, his emotions, his actions—all this is regarded by theosophical students as a matter of the application of well-known laws as a broad, general principle, and then of careful observations, of painstaking comparison of many cases in order to comprehend the detailed working of these laws. It is, in fact, simply a question of sight, and this book is published in the hope, first, that it may help earnest students who do not yet possess this sight to realize how the soul and its vehicles appear when examined by its means; and second, that the persons who are now beginning to exercise this vision more or less perfectly, may by it be helped to understand the *meaning* of what they see.

Nghiên cứu về tình trạng hiện tại của con người, về các phương pháp tức thời để y tiến hóa, và về ảnh hưởng của những suy nghĩ, cảm xúc, hành động của y đối với sự tiến hóa đó—tất cả những điều này được các học viên Thông Thiên Học xem như là sự áp dụng của các định luật được biết đến rộng rãi như một nguyên tắc chung, và sau đó là sự quan sát cẩn thận, so sánh kỹ lưỡng nhiều trường hợp để hiểu được cách vận hành chi tiết của các định luật này. Thực chất, đây đơn giản là một vấn đề về thị kiến, và cuốn sách này được xuất bản với hy vọng, trước tiên, rằng nó có thể giúp các học viên nghiêm túc, những người chưa sở hữu thị kiến này, nhận ra linh hồn và các phương tiện của nó xuất hiện như thế nào khi được xem xét thông qua thị kiến đó; và thứ hai, rằng những người đang bắt đầu thực hành năng lực thị kiến này ở mức độ hoàn thiện hơn hoặc ít hơn có thể nhờ cuốn sách này hiểu được ý nghĩa

của những gì họ thấy.

I am perfectly aware that the world at large is not yet convinced of the existence of this power of clairvoyant sight; but I also know that all who have really studied the question have found the evidence for it irresistible. If any intelligent person will read the authenticated stories quoted in my book *Clairvoyance*, and will then turn from them to the books from which they were selected, he will see at once that there is an overwhelming mass of evidence in favor of the existence of this faculty. To those who themselves can see, and are daily in the habit of exercising this higher vision in a hundred different ways, the denial of the majority that such sight is possible naturally seems ridiculous. For the clairvoyant the question is not worth arguing. If a blind man came up to us and assured us that there was no such thing as ordinary physical sight, and that we were deluded in supposing that we possessed this faculty, we in our turn should probably not feel it worth while to argue at great length in defense of our supposed delusion. We should simply say: "I certainly do see, and it is useless to try to persuade me that I do not; all the daily experiences of my life show me that I do; I decline to be argued out of my definite knowledge of positive facts." Now this is precisely how the trained clairvoyant feels when ignorant people serenely pronounce that it is quite, impossible that he should possess a power which he is at that very moment using to read the thoughts of those who deny it to him!

Tôi hoàn toàn nhận thức được rằng thế giới nói chung chưa bị thuyết phục về sự tồn tại của năng lực thông nhãn này; nhưng tôi cũng biết rằng tất cả những ai thực sự nghiên cứu vấn đề này đều thấy bằng chứng cho nó không thể bác bỏ. Nếu bất kỳ người nào thông minh đọc những câu chuyện xác thực được trích dẫn trong cuốn sách của tôi "Thông nhãn", và sau đó xem xét các cuốn sách từ đó chúng được chọn, họ sẽ ngay lập tức thấy rằng có một khối lượng bằng chứng áp đảo ủng hộ sự tồn tại của năng lực này. Đối với những người tự mình có thể thấy và hàng ngày thực hành năng lực thị kiến cao này theo hàng trăm cách khác nhau, sự phủ nhận của số đông rằng thị kiến như vậy là không thể dĩ nhiên trở nên lố bịch. Đối với người thông nhãn, câu hỏi này không đáng để tranh luận. Nếu một người mù đến và khẳng định với chúng ta rằng không có cái gọi là thị giác thể chất thông thường, và rằng chúng ta đã bị lừa khi cho rằng mình có năng lực này, chúng ta có lẽ cũng không cảm thấy đáng để tranh luận lâu dài nhằm bảo vệ điều mà y cho là ảo tưởng của mình. Chúng ta đơn giản nói: "Tôi chắc chắn nhìn thấy, và vô ích khi cố thuyết phục tôi rằng tôi không nhìn thấy; tất cả những trải nghiệm hàng ngày của đời tôi cho thấy tôi nhìn thấy; tôi từ chối bị lý luận ép buộc từ bỏ tri thức chắc chắn của mình về những sự kiện tích cực." Đây chính xác là cảm giác của người thông nhãn được huấn luyện khi những người vô tri điềm nhiên tuyên bố rằng không thể nào y sở hữu một năng lực mà y đang sử dụng ngay tại thời điểm đó để đọc suy nghĩ của những người phủ nhận nó!

I am not attempting, therefore, in this book to prove that clairvoyance is a reality; I take that for granted, and proceed to describe what is seen by its means. Neither will I here repeat the details given in the little book which I have mentioned as to the methods of clairvoyance, but will confine myself to such brief statement of the broad principles of the subject as is absolutely necessary in order that this book shall be comprehensible to one who has not studied other theosophical literature.

Do đó, trong cuốn sách này, tôi không cố gắng chứng minh rằng thông nhãn là một thực tế; tôi xem điều đó là hiển nhiên và tiếp tục mô tả những gì được nhìn thấy thông qua nó. Tôi cũng không lặp lại ở đây những chi tiết đã được đưa ra trong cuốn sách nhỏ mà tôi đã đề cập liên quan đến các phương pháp thông nhãn, mà chỉ giới hạn vào những tuyên bố ngắn gọn về các nguyên tắc rộng lớn của chủ đề này, như là điều hoàn toàn cần thiết để cuốn sách này có thể dễ hiểu đối với người chưa nghiên cứu các tài liệu khác của Thông Thiên Học.

CHAPTER II

THE PLANES OF NATURE—CÁC CÕI GIỚI CỦA TỰ NHIÊN

THE first point which must be clearly comprehended is the wonderful complexity of the world around us—the fact that it includes enormously more than comes within the range of ordinary vision.

ĐIỂM đầu tiên cần được hiểu rõ là sự phức tạp kỳ diệu của thế giới xung quanh chúng ta—thực tế rằng nó bao gồm nhiều hơn rất nhiều so với những gì nằm trong tầm nhìn thông thường.

We are all aware that matter exists in different conditions, and that it may be made to change its conditions by variation of pressure and temperature. We have the three well-known states of matter, the solid, the liquid, and the gaseous, and it is the theory of science that all substances can, under proper variation of temperature and pressure, exist in all these conditions.

Chúng ta đều nhận thức rằng vật chất tồn tại trong các trạng thái khác nhau, và có thể thay đổi trạng thái bằng cách điều chỉnh áp suất và nhiệt độ. Chúng ta có ba trạng thái quen thuộc của vật chất: rắn, lỏng, và khí, và khoa học hiện đại cho rằng mọi chất có thể tồn tại ở tất cả các trạng thái này khi thay đổi áp suất và nhiệt độ thích hợp.

Occult chemistry shows us another and higher condition than the gaseous, into which also all substances known to us can be translated or transmuted; and to that condition we have given the name of etheric. We may have, for example, hydrogen in an etheric condition instead of as a gas; we may have gold or silver or any other element either as a solid, a liquid, or a gas, or in this other higher state which we call etheric.

Hóa học huyền môn cho thấy một trạng thái cao hơn trạng thái khí, mà tất cả các chất chúng ta biết đều có thể chuyển đổi hoặc biến đổi thành; trạng thái này được gọi là dĩ thái. Ví dụ, chúng ta có thể có hydro trong trạng thái dĩ thái thay vì khí; hoặc vàng, bạc, hoặc bất kỳ nguyên tố nào khác cũng có thể tồn tại ở dạng rắn, lỏng, khí, hoặc trong trạng thái cao hơn này.

In ordinary science we speak of an atom of oxygen, an atom of hydrogen, an atom of any of the substances which chemists call elements, the theory being that that is an element which cannot be further reduced, and that each of these elements has its atom and an atom, as we may see from the Greek derivation of the word, means that which cannot be cut, or further subdivided. Occult science has always taught that all these so-called elements are not in the true sense of the word elements at all; that what we call an atom of oxygen or hydrogen can under certain circumstances be broken up. By repeating this breaking-up process it is found that there is one substance at the back of all substances, and different combinations of its ultimate Units give us what in chemistry are called atoms of oxygen or hydrogen, gold or silver, lithium or platinum, etc. When these

Trong khoa học thông thường, chúng ta nói về nguyên tử oxy, nguyên tử hydro, hay nguyên tử của bất kỳ chất nào mà các nhà hóa học gọi là nguyên tố, dựa trên lý thuyết rằng nguyên tố là những chất không thể phân nhỏ hơn nữa, và rằng mỗi nguyên tố có nguyên tử của riêng nó—nguyên tử, theo nghĩa gốc Hy Lạp của từ này, có nghĩa là "không thể chia cắt." Khoa học huyền bí luôn dạy rằng tất cả các nguyên tố được gọi là nguyên tố thực ra không phải là nguyên tố thực sự; rằng cái mà chúng ta gọi là nguyên tử oxy hay hydro, trong những điều kiện nhất định, có thể bị phá vỡ. Khi lặp lại quá trình phân chia này, chúng ta phát hiện rằng tồn tại một chất nền tảng cho tất cả các chất, và các tổ hợp khác nhau của các đơn vị cơ bản của nó tạo ra cái mà hóa học gọi là nguyên tử oxy, hydro, vàng, bạc, lithium, hoặc platinum, v.v. Khi phá vỡ tất cả các nguyên tử này, chúng ta quay trở

are all broken up we get back to a set of Units which are all identical, except that some of them are positive and some negative.

lại với một tập hợp các đơn vị giống hệt nhau, ngoại trừ việc một số là tích cực và một số là tiêu cực.

The study of these units and of the possibilities of their combination is in itself one of most enthralling interest. Even these, however, are found to be units only from the point of view of our physical plane; that is to say, there are methods by which even they can be subdivided, but when they are so broken up they give us matter belonging to a different realm of nature. Yet this higher matter also is not simple but complex; and we find that it also exists in a series of states of its own, corresponding very fairly to the states of physical matter which we call solid, liquid, gaseous, or etheric. Again, by carrying on our process of subdivision far enough we reach another unit—the unit of that realm of nature to which occultists have given the name of the astral world.

Việc nghiên cứu các đơn vị này và khả năng kết hợp của chúng tự thân đã là một chủ đề cực kỳ hấp dẫn. Tuy nhiên, ngay cả những đơn vị này cũng chỉ là đơn vị từ quan điểm của cõi giới vật lý của chúng ta; tức là, chúng vẫn có thể bị phân chia nhỏ hơn, nhưng khi bị phân chia, chúng trở thành vật chất thuộc về một cõi giới khác của tự nhiên. Tuy nhiên, vật chất cao hơn này cũng không đơn giản mà rất phức tạp; và chúng ta phát hiện rằng nó cũng tồn tại ở một chuỗi trạng thái riêng của mình, tương ứng khá tốt với các trạng thái vật chất vật lý mà chúng ta gọi là rắn, lỏng, khí, hoặc dĩ thái. Một lần nữa, khi tiếp tục quá trình phân chia đủ xa, chúng ta đạt đến một đơn vị khác—đơn vị của cõi giới tự nhiên mà các nhà huyền bí học gọi là cõi cảm dục.

Then the whole process may be repeated; for by further subdivision of that astral unit we find ourselves dealing with another still higher and more refined world, though a world which is still material. Once again we find matter existing in definitely marked conditions corresponding at that much higher level to the states with which we are familiar; and the result of our investigations brings us once again to a unit—the unit of this third great realm of nature, which in Theosophy we call the mental world. So far as we know, there is no limit to this possibility of subdivision, but there is a very distinct limit to our capability of observing it. However, we can see enough to be certain of the existence of a considerable number of these different realms, each of which is in one sense a world in itself, though in another and wider sense all are parts of one stupendous whole.

Quá trình này có thể lặp lại; bởi khi phân chia đơn vị cảm dục, chúng ta đang xử lý một thế giới cao hơn, tinh tế hơn, nhưng vẫn là thế giới vật chất. Một lần nữa, chúng ta thấy rằng vật chất tồn tại ở những trạng thái xác định rõ ràng, tương ứng ở mức cao hơn nhiều với các trạng thái mà chúng ta quen thuộc; và kết quả của việc điều tra dẫn chúng ta đến một đơn vị khác—đơn vị của cõi giới thứ ba lớn này, mà trong Thông Thiên Học được gọi là cõi trí. Theo như chúng ta biết, không có giới hạn cho khả năng phân chia này, nhưng có một giới hạn rất rõ ràng đối với khả năng quan sát của chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy đủ để chắc chắn về sự tồn tại của một số lượng đáng kể các cõi giới khác nhau, mỗi cõi vừa là một thế giới riêng biệt, nhưng đồng thời cũng là một phần của một tổng thể vĩ đại.

In our literature these different realms of nature are frequently spoken of as planes, because in our study it is sometimes convenient to image them as one above another, according to the different degrees of density of the matter of which they are composed. It will be seen that in the accompanying diagram (Plate II) they are drawn in this way; but it must be very carefully borne in mind that this

Trong tài liệu của chúng ta, những cõi giới tự nhiên khác nhau này thường được gọi là các cõi, vì trong nghiên cứu, đôi khi thuận tiện hình dung chúng như các tầng nằm chồng lên nhau, dựa trên mức độ đậm đặc khác nhau của vật chất tạo thành chúng. Trong sơ đồ kèm theo (Hình II), chúng được vẽ theo cách này; nhưng cần nhớ rõ rằng sự sắp xếp này chỉ nhằm thuận tiện và là biểu tượng, hoàn toàn không

arrangement is merely adopted for convenience and as a symbol, and that it in no way represents the actual relations of these various planes. They must not be imagined as lying above one another like the shelves of a book-case, but rather as filling the same space and interpenetrating one another. It is a fact well known to science that even in the hardest substances no two atoms ever touch one another; always each atom has its field of action and vibration, and every molecule in turn has its larger field; so that there is always space between them under any possible circumstances. Every physical atom is floating in an astral sea—a sea of astral matter which surrounds it and fills every interstice in this physical matter. The mental matter in its turn interpenetrates the astral in precisely the same manner; so that all these different realms of nature are not in any way separated in space, but are all existing around us and about us here and now, so that to see them and to investigate them it is not necessary for us to make any movement in space, but only to open within ourselves the senses by means of which they can be perceived.

đại diện cho mối quan hệ thực tế giữa các cõi. Chúng không nên được hình dung như nằm trên nhau giống như các kệ sách, mà nên được hình dung như cùng lấp đầy một không gian và thâm nhập lẫn nhau. Khoa học đã biết rõ rằng ngay cả trong những chất cứng nhất, không có hai nguyên tử nào thực sự chạm nhau; mỗi nguyên tử luôn có trường hành động và rung động riêng, và mỗi phân tử lại có trường lớn hơn; vì vậy, luôn có không gian giữa chúng trong bất kỳ điều kiện nào. Mỗi nguyên tử vật lý đang nổi trong một biển cảm dục—một biển vật chất cảm dục bao quanh nó và lấp đầy mọi khoảng trống trong vật chất vật lý này. Vật chất trí tuệ, theo cách tương tự, thâm nhập vật chất cảm dục; do đó, tất cả các cõi giới tự nhiên này không bị tách biệt bởi không gian, mà tồn tại xung quanh chúng ta, ngay ở đây và bây giờ. Để thấy và nghiên cứu chúng, chúng ta không cần di chuyển trong không gian, mà chỉ cần mở ra bên trong chúng ta những giác quan cho phép nhận thức chúng.

CHAPTER III

CLAIRVOYANT SIGHT—THÔNG NHÃN

THIS brings before us another very important consideration. All these varieties of finer matter exist not only in the world without, but they exist in man also. He has not only the physical body which we see, but he has also within him what we may describe as bodies appropriate to these various planes of nature, and consisting in each case of their matter. In man's physical body there is etheric matter as well as the solid matter which is visible to us (see Plates XXIV and XXV); and this etheric matter is readily visible to the clairvoyant. In the same way a more highly developed clairvoyant, who is capable of perceiving the more refined astral matter, sees the man represented at that level by a mass of that matter, which is in reality his body or vehicle as regards that plane; and exactly the same thing is true with regard to the mental plane in its turn. The soul of man has not one body, but many bodies, for when sufficiently evolved he is able to express himself on all these different levels of nature, and he is therefore provided with a suitable vehicle of the matter belonging to each, and it is through these various vehicles that he is able to receive impressions from the world to which they correspond.

ĐIỀU này đưa chúng ta đến một xem xét quan trọng khác. Tất cả các dạng vật chất tinh vi hơn này không chỉ tồn tại trong thế giới bên ngoài, mà chúng còn tồn tại trong con người. Con người không chỉ có thân xác mà chúng ta thấy được, mà còn có trong mình những thể phù hợp với các cõi giới tự nhiên khác nhau, mỗi thể được cấu thành từ loại vật chất thuộc về cõi giới đó. Trong thân xác con người có vật chất dĩ thái bên cạnh vật chất rắn mà chúng ta có thể nhìn thấy (xem Hình XXIV và XXV); và vật chất dĩ thái này dễ dàng được nhìn thấy bởi người thông nhãn. Tương tự, một người thông nhãn phát triển cao hơn, có khả năng nhận thức vật chất cảm dục tinh vi, sẽ nhìn thấy con người được biểu thị ở cấp độ đó bởi một khối vật chất, thực chất là thể hay phương tiện của y đối với cõi giới đó; và điều tương tự cũng đúng với cõi trí. Linh hồn của con người không chỉ có một thể mà có nhiều thể, vì khi tiến hóa đủ, y có thể biểu hiện trên tất cả các cấp độ tự nhiên khác nhau, và vì thế được cung cấp một phương tiện phù hợp từ loại vật chất thuộc về mỗi cấp độ. Chính thông qua các phương tiện này mà y có thể nhận được ấn tượng từ thế giới tương ứng.

We must not think of the man as creating these vehicles for himself in the course of his future evolutions, for every man possesses them from the beginning, though he is by no means conscious of their existence. We are constantly using to a certain extent this higher matter within ourselves, even though it be unconsciously. Every time that we think, we set in motion the mental matter within us, and a thought is clearly visible to a clairvoyant as a vibration in that matter, set up first of all within the man, and then affecting matter of the same degree of density in the world around him. But before this thought can be effective on the physical plane it has to be transferred from that mental matter into astral matter; and when it has excited similar vibrations

Chúng ta không nên nghĩ rằng con người tạo ra những phương tiện này cho bản thân trong quá trình tiến hóa tương lai, vì mỗi người đã sở hữu chúng ngay từ đầu, dù không hề ý thức về sự tồn tại của chúng. Chúng ta luôn sử dụng vật chất cao hơn này ở một mức độ nhất định trong chính mình, ngay cả khi điều đó là vô thức. Mỗi lần chúng ta suy nghĩ, chúng ta làm cho vật chất trí tuệ bên trong chuyển động, và một ý nghĩ có thể được nhìn thấy rõ ràng bởi người thông nhãn như một rung động trong vật chất đó, khởi đầu từ bên trong con người và sau đó ảnh hưởng đến vật chất cùng cấp độ đậm đặc trong thế giới xung quanh. Nhưng trước khi ý nghĩ này có thể tác động hiệu quả lên cõi trần, nó cần được chuyển từ vật chất trí tuệ sang vật chất cảm dục; và khi nó gây ra những rung động tương

in that, the astral matter in its turn affects the etheric matter, creating sympathetic vibrations in it; and that in turn acts upon the denser physical matter, the grey matter of the brain.

tự trong vật chất cảm dục, vật chất cảm dục lần lượt tác động lên vật chất dĩ thái, tạo ra những rung động đồng cảm trong đó; và cuối cùng điều này ảnh hưởng đến vật chất vật lý đậm đặc, cụ thể là chất xám trong não bộ.

So every time we think, we go through a much longer process than we know; just as every time we feel anything we go through a process of which we are quite unconscious. We touch some substance and feel that it is too hot, and we snatch away our hand from it instantaneously as we think. But science teaches us that this process is not instantaneous, and that it is not the hand which feels, but the brain; that the nerves communicate the idea of intense heat to the brain, which at once telegraphs back along the nerve-threads the instruction to withdraw the hand; and it is only as a result of all this that the withdrawal takes place, though it seems to us to be immediate. The process has a definite duration, which can be measured by sufficiently fine instruments; the rate of its motion is perfectly well defined and known to physiologists. Just in the same way thought appears to be an instantaneous process; but it is not, for every thought has to go through the stages which I have described. Every impression which we receive in the brain through the senses has to pass up through these various grades of matter before it reaches the real man, the ego, the soul within.

Như vậy, mỗi lần chúng ta suy nghĩ, chúng ta thực hiện một quá trình dài hơn nhiều so với nhận thức của chúng ta; cũng giống như mỗi khi chúng ta cảm thấy điều gì đó, chúng ta thực hiện một quá trình mà chúng ta hoàn toàn không ý thức. Chẳng hạn, khi chạm vào một vật nóng, chúng ta cảm thấy nó quá nóng và lập tức rụt tay lại như thể theo phản xạ tức thì. Nhưng khoa học dạy rằng quá trình này không phải tức thời, và không phải bàn tay cảm nhận mà là não bộ; rằng các dây thần kinh truyền thông tin về nhiệt độ cao đến não, và não ngay lập tức phản hồi dọc theo các sợi thần kinh để ra lệnh rút tay lại; và chỉ sau tất cả những điều này, tay mới rụt lại, mặc dù chúng ta cảm nhận nó diễn ra ngay lập tức. Quá trình này có một khoảng thời gian xác định, có thể đo lường được bằng các công cụ đủ chính xác; tốc độ của nó được các nhà sinh lý học biết rất rõ. Tương tự, suy nghĩ có vẻ như là một quá trình tức thời; nhưng thực tế không phải vậy, vì mỗi suy nghĩ phải trải qua các giai đoạn như đã mô tả. Mỗi ấn tượng mà chúng ta nhận được trong não qua các giác quan đều phải truyền qua các cấp độ vật chất khác nhau trước khi đến được con người thực sự, chân ngã, linh hồn bên trong.

We have here a kind of system of telegraphy between the physical plane and the soul; and it is important to realize that this telegraph-line has intermediate stations. It is not only from the physical plane that impressions can be received; the astral matter within a man, for example, is not only capable of receiving a vibration from etheric matter and transmitting it to the mental matter, but it is also quite capable of receiving impressions from the surrounding matter of its own plane, and transmitting those through the mental body to the real man within. So the man may use his astral body as a means for receiving impressions from and observing the astral world which surrounds him; and in exactly the same way through his mental body he may observe and obtain

Ở đây, chúng ta có một dạng hệ thống truyền thông giữa cõi trần và linh hồn; và điều quan trọng là nhận ra rằng hệ thống truyền thông này có các trạm trung gian. Không chỉ từ cõi trần mà ấn tượng có thể được nhận, mà vật chất cảm dục bên trong con người, chẳng hạn, không chỉ có khả năng nhận rung động từ vật chất dĩ thái và truyền đến vật chất trí tuệ, mà còn hoàn toàn có khả năng nhận ấn tượng từ vật chất xung quanh thuộc cõi giới của nó, rồi truyền qua thể trí đến con người thực sự bên trong. Như vậy, con người có thể sử dụng thể cảm dục của mình để nhận ấn tượng và quan sát thế giới cảm dục bao quanh; và tương tự, thông qua thể trí, y có thể quan sát và thu nhận thông tin từ thế giới trí tuệ. Nhưng để làm được những điều này, y phải học cách làm chúng, tức là, y phải học cách tập

information from the mental world. But in order to do either of these things, he must first learn how they are done; that is to say, he must learn to focus his consciousness in his astral body or in his mental body, just as it is now focussed in the physical brain. I have already treated this subject fully in my book *Clairvoyance*, so that I need do no more than refer to it here.

trung ý thức trong thể cảm dục hoặc thể trí, giống như hiện tại nó đang tập trung trong não vật lý. Điều này đã được bàn luận đầy đủ trong cuốn sách "Thông nhãn", nên tôi không cần nói thêm ở đây.

It should always be remembered that all this is a matter of direct knowledge and certainty to those who are in the habit of studying it, although it is presented to the consideration of the world merely as a hypothesis; but even the man who approaches the subject for the first time must surely see that in suggesting this we are not in any way claiming faith in a miracle, but simply inviting investigation of a system. The higher grades of matter follow on in orderly sequence from those which we already know, so that though to some extent each plane may be regarded as a world in itself, it is yet also true that the whole is in reality one great world, which can be fully seen only by the highly developed soul.

Cần luôn nhớ rằng tất cả những điều này là tri thức trực tiếp và chắc chắn đối với những người thường xuyên nghiên cứu nó, mặc dù được trình bày cho thế giới như một giả thuyết; nhưng ngay cả một người lần đầu tiếp cận chủ đề này chắc chắn cũng phải thấy rằng khi đưa ra điều này, chúng ta không hề yêu cầu niềm tin vào phép lạ, mà đơn giản là mời gọi sự điều tra một hệ thống. Các cấp độ vật chất cao hơn tiếp nối một cách trật tự từ những cấp độ mà chúng ta đã biết; vì vậy, mặc dù ở một mức độ nào đó mỗi cõi có thể được xem như một thế giới riêng biệt, nhưng cũng đúng khi nói rằng toàn bộ thực sự là một thế giới vĩ đại, chỉ có thể được nhìn thấy hoàn toàn bởi linh hồn phát triển cao.

To aid us in our grasp of this, let us take an illustration which, although impossible in itself, may yet be useful to us as suggesting rather startling possibilities. Suppose that instead of the sight which we now possess, we had a visual apparatus arranged somewhat differently. In the human eye we have both solid and liquid matter; suppose that both these orders of matter were capable of receiving separate impressions, but each only from that type of matter in the outside world to which it corresponded. Suppose also that among men some possessed one of these types of sight and some another. Consider how very curiously imperfect would be the concept of the world obtained by each of these two types of men. Imagine them as standing on the seashore; one being able to see only solid matter, would be utterly unconscious of the ocean stretched before him, but would see instead the vast cavity of the ocean-bed, with all its various inequalities, and the fishes and other inhabitants of the deep would appear to him as floating in the air above this enormous valley. If there were clouds in the sky

Để giúp chúng ta hiểu rõ hơn về điều này, hãy xem xét một ví dụ, mặc dù tự thân nó là không thể, nhưng vẫn có thể hữu ích khi gợi ý những khả năng đáng kinh ngạc. Giả sử rằng thay vì thị giác mà chúng ta hiện có, chúng ta sở hữu một cơ quan thị giác được sắp xếp khác đi. Trong mắt người, chúng ta có cả vật chất rắn và lỏng; giả sử rằng cả hai dạng vật chất này đều có khả năng nhận các ấn tượng riêng biệt, nhưng mỗi dạng chỉ nhận được ấn tượng từ loại vật chất tương ứng trong thế giới bên ngoài. Giả sử thêm rằng trong loài người, một số người sở hữu một loại thị giác và một số khác lại sở hữu loại kia. Hãy xem xét khái niệm thế giới mà mỗi nhóm người này thu được sẽ kỳ lạ và không hoàn chỉnh như thế nào. Hãy hình dung họ đứng trên bờ biển; một người chỉ có thể nhìn thấy vật chất rắn sẽ hoàn toàn không nhận thức được đại dương trải dài trước mặt, mà thay vào đó y sẽ thấy một thung lũng khổng lồ của đáy đại dương với mọi bất đối xứng của nó, và các loài cá cùng những sinh vật khác dưới đáy biển sẽ xuất hiện với y như đang lơ lửng trong không khí trên thung lũng rộng lớn này. Nếu trên bầu trời có mây, chúng sẽ hoàn toàn vô

they would be entirely invisible to him, since they are composed of matter in the liquid state; for him the sun would be always shining in the daytime, and he would be unable to comprehend why, on what to us is a cloudy day, its heat should be so much diminished; if a glass of water were offered to him, it would appear to him to be empty.

hình đối với y vì chúng được cấu tạo từ vật chất lỏng; đối với y, mặt trời sẽ luôn chiếu sáng vào ban ngày, và y sẽ không thể hiểu tại sao, vào một ngày mà chúng ta gọi là nhiều mây, sức nóng của mặt trời lại giảm đi đáng kể. Nếu một ly nước được đưa cho y, nó sẽ dường như trống rỗng đối với y.

Contrast with this the appearance which would be presented before the eyes of the man who saw only matter in the liquid condition. He would indeed be conscious of the ocean, but for him the shore and the cliffs would not exist; he would perceive the clouds very clearly, but would see almost nothing of the landscape over which they were moving. In the case of the glass of water he would be entirely unable to see the vessel, and would therefore be quite unable to understand why the water should so mysteriously preserve the special shape given to it by the invisible glass. Imagine these two persons standing side by side, each describing the landscape as he saw it, and each feeling perfectly certain that there could be no other kind of sight but his in the universe, and that anyone claiming to see anything more or anything different must necessarily be either a dreamer or a deceiver!

Ngược lại, hãy tưởng tượng cảnh tượng trước mắt của một người chỉ nhìn thấy vật chất ở trạng thái lỏng. Y sẽ nhận thức được đại dương, nhưng đối với y, bờ biển và các vách đá sẽ không tồn tại; y sẽ nhìn thấy rất rõ các đám mây, nhưng gần như không thấy được cảnh quan trên đất liền nơi các đám mây đang trôi qua. Trong trường hợp ly nước, y sẽ hoàn toàn không thể nhìn thấy chiếc ly, và do đó không thể hiểu tại sao nước lại một cách bí ẩn giữ được hình dạng đặc biệt do chiếc ly vô hình tạo ra. Hãy tưởng tượng hai người này đứng cạnh nhau, mỗi người miêu tả cảnh quan theo cách họ nhìn thấy, và mỗi người đều cảm thấy hoàn toàn chắc chắn rằng không thể có loại thị giác nào khác ngoài loại của mình trong vũ trụ, và bất kỳ ai tuyên bố nhìn thấy bất cứ điều gì khác hoặc nhiều hơn nhất định phải là một kẻ mơ mộng hoặc kẻ lừa đảo!

We can smile over the incredulity of these hypothetical observers; but it is exceedingly difficult for the average man to realize that in proportion to the whole that is to be seen, his power of vision is very much more imperfect than either of theirs would be in relation to the world as he sees it. And he also is strongly disposed to hint that those who see a little more than he does must really be drawing upon their imagination for their alleged facts. It is one of the commonest of our mistakes to consider that the limit of our power of perception is also the limit of all that there is to perceive. Yet the scientific evidence is indisputable, and the infinitesimal proportion (as compared to the whole) of the groups of vibrations by which alone we can see or hear is a fact about which there can be no doubt. The clairvoyant is simply a man who develops within himself the power to respond to another octave out of the stupendous gamut of possible vibrations, and so enables himself to see more of the world around him than those of more

Chúng ta có thể mỉm cười trước sự ngờ vực của những nhà quan sát giả định này; nhưng điều cực kỳ khó khăn đối với người bình thường là nhận ra rằng so với toàn bộ những gì có thể nhìn thấy, khả năng thị giác của mình thực sự còn kém hoàn thiện hơn rất nhiều so với thị giác của hai người trong ví dụ trên đối với thế giới mà họ thấy được. Và y cũng thường có xu hướng ngụ ý rằng những người nhìn thấy nhiều hơn một chút so với y hẳn đang tưởng tượng ra các sự kiện mà họ tuyên bố. Một trong những sai lầm phổ biến nhất của chúng ta là coi giới hạn của khả năng nhận thức của mình cũng là giới hạn của mọi thứ có thể nhận thức được. Tuy nhiên, bằng chứng khoa học là không thể phủ nhận, và tỷ lệ nhỏ bé (so với tổng thể) của các nhóm rung động mà nhờ đó chúng ta có thể nhìn hoặc nghe được là một thực tế không thể chối cãi. Người thông nhãn đơn giản là một người đã phát triển trong mình khả năng đáp ứng với một cung bậc rung động khác trong chuỗi vô hạn của các rung động có thể có, và nhờ đó y có thể nhìn thấy nhiều

limited perception.

hơn về thế giới xung quanh mình so với những người có khả năng nhận thức hạn chế hơn.

CHAPTER IV

MAN'S VEHICLES—CÁC THỂ (VẬN CỤ) CỦA CON NGƯỜI

If we turn to Plate II we shall see there a diagram of these planes of nature, and we shall also observe the names which have been employed to designate the vehicles or bodies of man which correspond to them. It will be noticed that the names used in theosophical literature for the higher planes are derived from Sanskrit, for in Western philosophy we have as yet no terms for these worlds composed of finer states of matter. Each of these names has its especial meaning, though in the case of the higher planes it indicates only how little we know of those conditions.

Nếu chúng ta chuyển sang Hình II, chúng ta sẽ thấy một sơ đồ về các cõi giới của thiên nhiên và cũng sẽ nhận ra các tên được sử dụng để chỉ các vận cụ hoặc thể của con người tương ứng với chúng. Có thể nhận thấy rằng các tên được sử dụng trong văn học Thông Thiên Học cho các cõi giới cao hơn được lấy từ tiếng Sanskrit, vì trong triết học phương Tây chúng ta hiện tại chưa có thuật ngữ cho những thế giới này, vốn được cấu thành từ các trạng thái vật chất tinh tế hơn. Mỗi tên này đều mang một ý nghĩa đặc biệt, mặc dù trong trường hợp của các cõi giới cao hơn, nó chỉ ra rằng chúng ta biết rất ít về những điều kiện đó.

Nirvana has for ages been the term employed in the East to convey the idea of the highest conceivable spiritual attainment. To reach Nirvana is to pass beyond humanity, to gain a level of peace and bliss far above earthly comprehension. So absolutely is all that is earthly left behind by the aspirant who attains its transcendent glory, that some European Orientalists fell at first into the mistake of supposing that it was an entire annihilation of the man—an idea than which nothing could be more utterly the opposite of the truth. To gain the full use of the exalted consciousness of this exceedingly elevated spiritual condition is to reach the goal appointed for human evolution during this aeon or dispensation—to become an adept, a man who is something more than man. For the vast majority of humanity such progress will be attained only after cycles of evolution, but the few determined souls who refuse to be daunted by difficulties, who as it were take the kingdom of heaven by violence, may find this glorious prize within their reach at a much earlier period.

Niết bàn đã từ lâu là thuật ngữ được sử dụng ở phương Đông để truyền đạt ý tưởng về sự đạt được tinh thần cao nhất mà con người có thể hình dung. Đạt đến Nirvana là vượt ra ngoài nhân loại, đạt đến một mức độ hòa bình và hạnh phúc vượt xa sự hiểu biết của thế gian. Sự thoát ly hoàn toàn khỏi mọi điều thuộc về trần gian của người chí nguyện khi đạt đến sự vinh quang siêu việt này đã khiến một số học giả phương Tây ban đầu nhầm lẫn cho rằng đó là sự tiêu diệt hoàn toàn bản ngã của con người—một ý tưởng hoàn toàn trái ngược với sự thật. Việc sử dụng đầy đủ tâm thức siêu việt của trạng thái tinh thần cực cao này là đạt đến mục tiêu được chỉ định cho sự tiến hóa của nhân loại trong đại kiếp hoặc thời kỳ này—trở thành một Chân sư, một con người vượt lên trên phạm trù con người. Đối với phần lớn nhân loại, tiến trình này chỉ đạt được sau các chu kỳ tiến hóa, nhưng một số ít những linh hồn quyết tâm, không nản lòng trước khó khăn, như thể họ chiếm lấy "vương quốc thiên đàng bằng bạo lực," có thể tìm thấy phần thưởng rực rỡ này trong tầm tay của họ sớm hơn nhiều.

Of the states of consciousness above this we naturally know nothing, except that they exist. "Para" signifies "beyond", and "Maha" means "great", so all the information conveyed by the names of these conditions is that the first is "the

Về các trạng thái ý thức cao hơn Nirvana, chúng ta tự nhiên không biết gì ngoại trừ sự tồn tại của chúng. "Para" có nghĩa là "bên ngoài," và "Maha" có nghĩa là "vĩ đại," vì vậy tất cả thông tin được truyền đạt qua các tên gọi của những trạng thái này chỉ ra

plane beyond Nirvana", and the second is "the greater plane beyond Nirvana"—showing that those who bestowed these appellations thousands of years ago either possessed no more direct information than we have, or else, possessing it, despaired of finding any words in which it could be expressed.

rằng trạng thái đầu tiên là "cõi giới bên ngoài Nirvana," và trạng thái thứ hai là "cõi giới vĩ đại hơn bên ngoài Nirvana"—cho thấy rằng những người đặt ra các tên này hàng ngàn năm trước hoặc không có thông tin trực tiếp hơn chúng ta, hoặc nếu có, họ cũng không tìm được từ ngữ nào để diễn đạt nó.

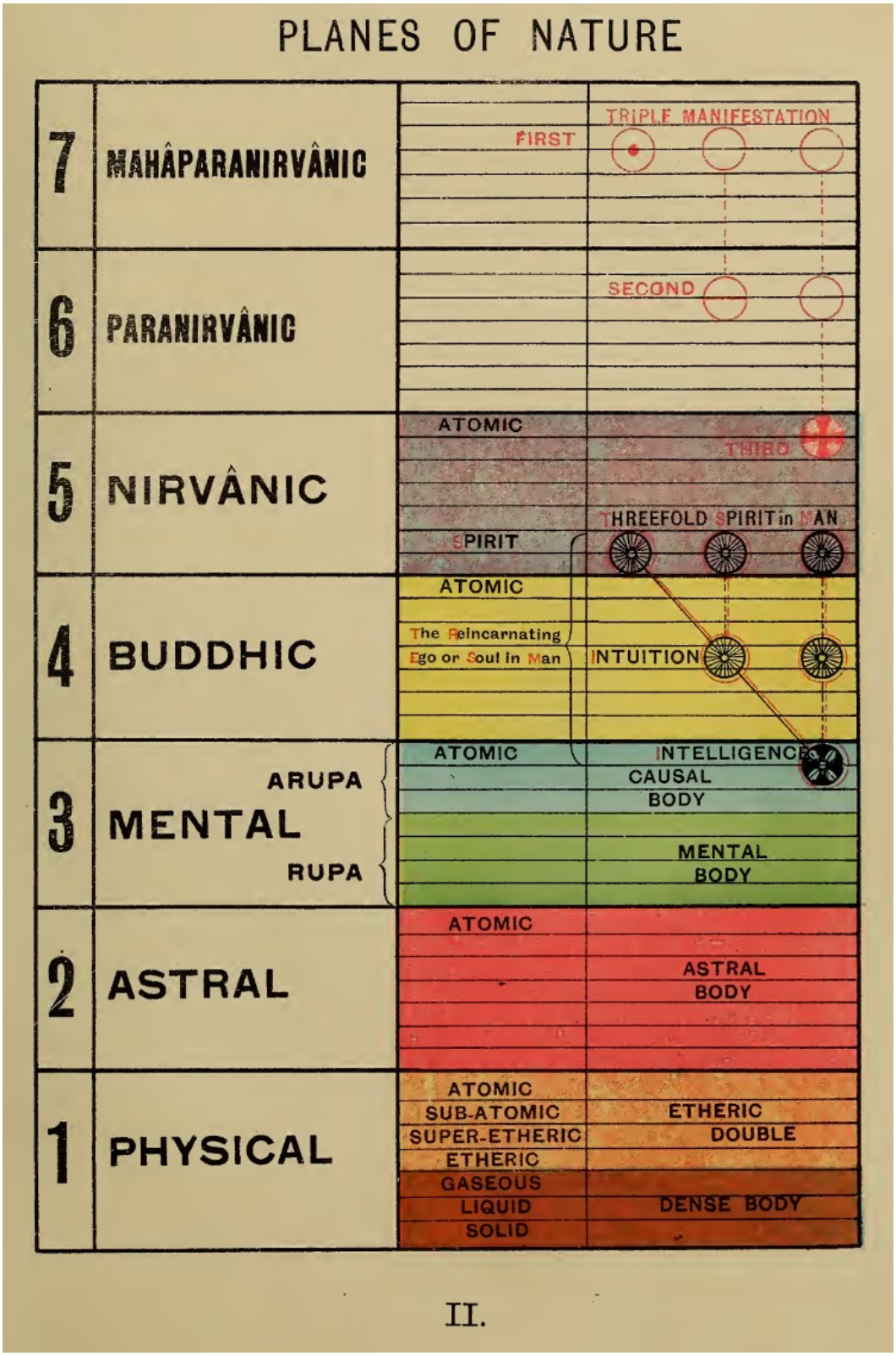


Plate 2-Các Cõi giới của Tự nhiên

The name of Buddhi has been given to that principle or component part of man which manifests itself through the matter of the fourth plane, while the mental plane is the sphere of action of what we call the mind in man. It will be observed that this plane is divided into two parts, which are distinguished by a difference in color and the names of “rupa” and “Arupa”, meaning respectively “having form” and “formless”. These are names given in order to indicate a certain quality of the matter of the plane; in the lower part of it the matter is very readily moulded by the action of human thought into definite forms, while on the higher division this does not occur, but the more abstract thought of that level expresses itself to the eye of the clairvoyant in flashes or streams. A fuller account of this will be found in the book *Thought forms*, where are portrayed many of the interesting figures created by the action of thoughts and emotions.

Tên gọi Bồ đề (Buddhi) được dành cho nguyên lý hoặc thành phần trong con người biểu hiện qua vật chất của cõi thứ tư, trong khi cõi trí (mental plane) là phạm vi hoạt động của cái mà chúng ta gọi là trí tuệ trong con người. Có thể thấy rằng cõi giới này được chia thành hai phần, được phân biệt bằng sự khác biệt về màu sắc và tên gọi “Rupa” và “Arupa,” nghĩa là “có hình tướng” và “không có hình tướng.” Đây là những tên gọi được sử dụng để chỉ ra một phẩm chất nhất định của vật chất thuộc cõi giới này; ở phần thấp hơn của nó, vật chất rất dễ dàng được định hình bởi hành động tư tưởng của con người thành các hình tướng rõ ràng, trong khi ở phần cao hơn, điều này không xảy ra, nhưng tư tưởng trừu tượng hơn ở mức độ này biểu hiện trước mắt của người có thông nhãn thành các tia sáng hoặc dòng chảy. Một mô tả đầy đủ hơn về điều này có thể được tìm thấy trong cuốn *Hình tư tưởng* (Thought Forms), nơi mô tả nhiều hình thú vị được tạo ra bởi hành động của tư tưởng và cảm xúc.

The name “astral” is not of our choosing; we have inherited it from the medieval alchemists. It signifies “starry”, and is supposed to have been applied to the matter of the plane next above the physical because of the luminous appearance which is associated with the more rapid rate of its vibration. The astral plane is the world of passion, of emotion and sensation; and it is through man’s vehicle on this plane that all his feelings exhibit themselves to the clairvoyant investigator. The astral body of man is therefore continually changing in appearance as his emotions change, as we shall presently show in detail.

Tên gọi “cảm dục” (astral) không phải do chúng ta chọn, mà được thừa hưởng từ các nhà giả kim trung cổ. Nó có nghĩa là “sáng chói như sao”, và được cho là đã được áp dụng cho vật chất của cõi giới kế tiếp trên cõi trần bởi vì sự xuất hiện phát sáng liên quan đến tốc độ rung động nhanh hơn của nó. Cõi cảm dục là thế giới của đam mê, cảm xúc và cảm giác; và chính qua thể cảm xúc của con người trên cõi giới này mà mọi cảm giác của y biểu hiện trước nhà nghiên cứu thông nhãn. Do đó, thể cảm xúc của con người liên tục thay đổi hình dạng khi cảm xúc của y thay đổi, như chúng ta sẽ trình bày chi tiết ngay sau đây.

In our literature certain tints have usually been employed to represent each of the lower planes, following a table of colors given by Madame Blavatsky in her monumental work *The Secret Doctrine*;[3] but it should be clearly understood that these are employed simply as distinctive marks—that they are merely symbolical, and are not in any way intended to imply a preponderance of a particular hue in the plane to which it is applied. All known colors, and many which are at present unknown to us, exist upon each of these higher planes of nature; but as we rise from one stage to another, we find them ever more delicate and more

Trong văn học của chúng ta, một số sắc thái nhất định thường được sử dụng để đại diện cho mỗi cõi giới thấp hơn, theo một bảng màu được Madame Blavatsky đưa ra trong tác phẩm kinh điển của bà *Giáo Lý Bí Nhiệm* (The Secret Doctrine); nhưng cần phải hiểu rõ rằng những sắc thái này chỉ đơn thuần được sử dụng như các dấu hiệu phân biệt—chúng chỉ mang tính biểu tượng và không nhằm ngụ ý bất kỳ sự trội hơn nào của một sắc thái cụ thể trên cõi giới được áp dụng. Tất cả các màu sắc được biết đến, và nhiều màu sắc hiện tại chưa được biết đến, đều tồn tại trên mỗi cõi giới cao hơn của thiên nhiên; nhưng khi chúng ta tiến lên từ một cấp độ này đến

luminous, so that they might be described as higher octaves of color. An attempt is made to indicate this in our illustrations of the various vehicles appropriate to these planes, as will be seen later.

cấp độ khác, chúng trở nên tinh tế và sáng rực hơn, vì vậy chúng có thể được mô tả như các bát âm cao hơn của màu sắc. Một nỗ lực được thực hiện để chỉ ra điều này trong các hình của chúng ta về các thể phù hợp với các cõi giới này, như sẽ thấy sau.

It will be noticed that the number of planes is seven, and that each of them in turn is divided into seven sub-planes. This number seven has always been considered as holy and occult, because it is found to underlie manifestation in various ways. In the lower planes which are within the reach of our investigation the sevenfold subdivision is very clearly marked; and all indications seem to warrant the assumption that in those higher realms which are as yet beyond our direct observation a similar arrangement obtains, allowing for the difference of conditions.

Có thể nhận thấy rằng số lượng các cõi giới là bảy, và mỗi cõi lại được chia thành bảy cõi phụ. Số bảy luôn được xem là linh thiêng và huyền bí, bởi vì nó được tìm thấy là nền tảng của sự biểu hiện trong nhiều cách khác nhau. Trong các cõi giới thấp hơn, vốn nằm trong phạm vi điều tra của chúng ta, sự phân chia bảy phần được đánh dấu rất rõ ràng; và tất cả các dấu hiệu dường như đều chứng minh giả thuyết rằng trong những cõi giới cao hơn mà chúng ta hiện tại chưa thể quan sát trực tiếp, một sự sắp xếp tương tự cũng tồn tại, cho phép sự khác biệt về điều kiện.

As man learns to function in these higher types of matter, he finds that the limitations of the lower life are transcended, and fall away one by one. He finds himself in a world of many dimensions, instead of one of three only; and that fact alone opens up a whole series of entirely new possibilities in various directions. The study of these additional dimensions is one of the most fascinating that can be imagined. Short of really gaining the sight of the other planes, there is no method by which so clear a conception of astral life can be obtained as by the realization of the fourth dimension.

Khi con người học cách hoạt động trong các loại vật chất cao hơn này, y nhận thấy rằng những hạn chế của đời sống thấp hơn bị vượt qua và dần dần mất đi. Y phát hiện rằng mình đang ở trong một thế giới có nhiều chiều kích, thay vì chỉ ba chiều; và thực tế đó một mình đã mở ra một loạt các khả năng hoàn toàn mới theo nhiều hướng. Việc nghiên cứu thêm về các chiều kích bổ sung này là một trong những điều thú vị nhất mà chúng ta có thể tưởng tượng. Trừ khi thực sự đạt được cái nhìn của các cõi giới khác, không có phương pháp nào giúp ta có thể hình dung rõ ràng hơn về đời sống cảm dục ngoài sự nhận thức về chiều thứ tư.

It is not my object at the moment to describe all that is gained by the wonderful extension of consciousness which belongs to these higher planes—indeed, I have done that already to some extent in a previous book. For the present we need refer only to one line of investigation—that connected with the constitution of man, and how he came to be what he is.

Tôi không có ý định mô tả tất cả những gì đạt được nhờ sự mở rộng tuyệt diệu của tâm thức vốn thuộc về các cõi giới cao hơn này—thật vậy, tôi đã làm điều đó phần nào trong một cuốn sách trước đây. Hiện tại, chúng ta chỉ cần đề cập đến một hướng điều tra—liên quan đến cấu tạo của con người, và cách mà y trở thành như hiện tại.

The history of his earlier evolution can be obtained by examination of those ineffaceable records of the past from which all that has happened since the solar system came into existence may be recovered, and caused to pass before the mind's eye; so that the observer sees everything as though he had been present when it occurred, with the

Lịch sử tiến hóa ban đầu của y có thể thu nhận được thông qua việc nghiên cứu các bản ghi bất biến của quá khứ, từ đó mọi sự kiện xảy ra kể từ khi hệ mặt trời hình thành có thể được tái hiện, và khiến chúng xuất hiện trước mắt của trí tuệ; để người quan sát thấy mọi thứ như thể y đã có mặt khi chúng xảy ra, với lợi thế lớn lao là có thể giữ lại bất

enormous additional advantage of being able to hold any single scene as long as may be required for careful examination, or to pass a whole century of events in review in a few moments if desired. This wonderful reflection of the divine memory cannot be consulted with perfect certainty below the mental plane, so for the ready reading of this earlier history it is necessary that the student shall at least have learnt to use with freedom the senses of his mental body; and if he is so fortunate as to have under his control the faculties of the still higher causal body, his task will be easier still. The question of these records has been more fully dealt with in Chapter VII of my little book on *Clairvoyance*, to which the reader may be referred for further details.

kỳ cảnh đơn lẻ nào trong thời gian cần thiết để kiểm tra cẩn thận, hoặc xem lại toàn bộ một thế kỷ sự kiện chỉ trong vài phút nếu muốn. Sự phản chiếu kỳ diệu của trí nhớ Thiêng Liêng này không thể được tham vấn một cách hoàn hảo dưới cõi trí, vì vậy để đọc được lịch sử ban đầu này một cách dễ dàng, người học phải ít nhất học cách sử dụng thành thạo các giác quan của thể trí; và nếu y may mắn kiểm soát được các năng lực của thể nhân quả cao hơn, nhiệm vụ của y sẽ trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Vấn đề về các bản ghi này đã được đề cập đầy đủ hơn trong Chương VII của cuốn sách nhỏ của tôi về Thông nhãn (Clairvoyance), nơi mà độc giả có thể tham khảo để biết thêm chi tiết.

CHƯƠNG 5-9

CHAPTER V

THE TRINITY—BA NGÔI

WE must now endeavor to understand how man comes into existence amidst this wonderful system of the planes of nature, and in order to do that we shall find ourselves compelled to take an excursion into the domain of theology.

Chúng ta giờ đây cần cố gắng hiểu cách con người xuất hiện giữa hệ thống tuyệt vời của các cõi giới thiên nhiên này, và để làm điều đó, chúng ta sẽ thấy mình buộc phải đi sâu vào lĩnh vực thần học.

When we search these records in order to discover the origin of man, what do we see? We find that man is the resultant of an elaborate and beautiful evolutionary scheme, and that in him three streams of divine life may be said to converge. One of the sacred scriptures of the world speaks of God as having made man in His own image—a statement which, when it is properly understood, is seen to embody a great occult truth. Religions agree in describing the Deity as threefold in His manifestation, and it will be found that the soul of man is also threefold.

Khi chúng ta tìm kiếm những bản ghi chép này để khám phá nguồn gốc của con người, chúng ta thấy gì? Chúng ta thấy rằng con người là kết quả của một kế hoạch tiến hóa tinh vi và đẹp đẽ, và rằng trong y có thể nói ba dòng chảy của sự sống thiêng liêng hội tụ. Một trong những kinh điển thiêng liêng của thế giới đã nói về việc Thượng Đế tạo dựng con người theo hình ảnh của Ngài—một tuyên bố mà khi hiểu đúng, sẽ thấy chứa đựng một chân lý huyền bí vĩ đại. Các tôn giáo đồng ý mô tả Thượng Đế là tam phân trong sự biểu hiện của Ngài, và cũng sẽ thấy rằng linh hồn con người cũng là tam phân.

It will, of course, be understood that we are speaking now not of the Absolute, the Supreme, and the Infinite (for of Him naturally we can know nothing, except that He *is*), but of that glorious Manifestation of Him who is the great Guiding Force or Deity of our own solar system—who is called in our philosophy the Logos of the system. Of Him is true all that we have ever heard predicated of the Deity—all that is good, the love, the wisdom, the power, the patience and compassion, the omniscience, the omnipresence, the omnipotence—all of this, and much more, is true of the Solar Logos, in whom, in very truth, we live and move and have our being. Unmistakable evidence of His action and His purpose surrounds us on every side as we study the life of the higher planes.

Dĩ nhiên, cần phải hiểu rằng chúng ta đang nói không phải về Đấng Tuyệt Đối, Đấng Tối Cao, và Đấng Vô Hạn (về Ngài, tự nhiên chúng ta không thể biết gì ngoại trừ rằng Ngài tồn tại), mà về sự Biểu Hiện vinh quang của Ngài, Đấng là Mãnh Lực Hướng Dẫn vĩ đại hay Thượng Đế của hệ mặt trời chúng ta—Đấng mà trong triết học của chúng ta được gọi là Thái Dương Thượng Đế (Solar Logos) của hệ thống này. Về Ngài, mọi điều chúng ta từng nghe về Thượng Đế—mọi điều thiện lành, tình thương, minh triết, quyền năng, sự kiên nhẫn và từ bi, sự toàn tri, hiện diện khắp nơi, và toàn năng—tất cả điều này, và còn nhiều hơn thế nữa, đều đúng với Thái Dương Thượng Đế, trong Ngài, thật sự, chúng ta sống, vận động và tồn tại. Bằng chứng không thể nhầm lẫn về hành động và mục đích của Ngài bao quanh chúng ta mọi phía khi chúng ta nghiên cứu đời sống của các cõi giới cao hơn.

As He shows Himself to us in His work the Solar Logos is undoubtedly triple—three and yet one, a religion has long ago told us.

Khi Ngài biểu hiện qua công việc của Ngài, Thái Dương Thượng Đế chắc chắn là ba ngôi—ba mà một, như một tôn giáo đã nói từ lâu.

It is obviously impossible to picture this divine manifestation in any way, for it is necessarily entirely beyond our power either of representation or comprehension, yet a small part of its action may perhaps to some extent be brought within our grasp by the employment of certain simple symbols, such as those adopted in Plate II. It will be seen that on the seventh or highest plane of our system the triple manifestation of our Logos is imaged by three circles, representing His three aspects. Each of these aspects appears to have its own quality and power. In the First Aspect He does not manifest Himself on any plane below the highest, but in the Second He descends to the sixth plane, arid draws round Himself a garment of its matter, thus making a quite separate and lower expression of Him. In the Third Aspect He descends to the upper potion of the fifth plane, and draws round Himself matter of that level, thus making a third manifestation. It will be observed that these three manifestations on their respective planes are entirely distinct one from the other, and yet we have only to follow up the dotted lines to see that these separate persons are nevertheless in truth but aspects of the one. Quite separate, when

Hiển nhiên là không thể hình dung sự biểu hiện thiêng liêng này bằng bất kỳ cách nào, vì nó hoàn toàn vượt ngoài khả năng biểu diễn hay hiểu biết của chúng ta, nhưng một phần nhỏ trong hành động của Ngài có thể, đến mức nào đó, được nắm bắt qua việc sử dụng một số biểu tượng đơn giản, như những biểu tượng được áp dụng trong Hình II. Có thể thấy rằng trên cõi thứ bảy, hay cao nhất, của hệ thống chúng ta, sự biểu hiện ba ngôi của Thái Dương Thượng Đế được hình dung qua ba vòng tròn, biểu thị ba khía cạnh của Ngài. Mỗi khía cạnh dường như có phẩm chất và năng lực riêng. Trong Khía Cạnh Thứ Nhất, Ngài không biểu hiện trên bất kỳ cõi nào thấp hơn cõi cao nhất, nhưng trong Khía Cạnh Thứ Hai, Ngài hạ xuống cõi thứ sáu, khoác lên mình một lớp vật chất của cõi này, và như thế tạo ra một biểu hiện riêng biệt và thấp hơn. Trong Khía Cạnh Thứ Ba, Ngài hạ xuống phần trên của cõi thứ năm, khoác lên mình vật chất của mức độ này, và như vậy tạo nên biểu hiện thứ ba. Có thể thấy rằng ba biểu hiện này trên các cõi giới tương ứng hoàn toàn tách biệt nhau, nhưng nếu chúng ta theo các đường nét chấm, sẽ thấy rằng những cá nhân riêng biệt này thực chất chỉ là các khía cạnh của một thực thể. Hoàn toàn tách biệt, khi được xem là các cá

regarded as persons, each on his own plane—quite unconnected diagonally, as it were; yet each having his perpendicular connection with himself at the level where these three are one.

Thus we see a very real meaning in the insistence of the Church "that we worship one God in Trinity, and Trinity in Unity, neither confounding the persons nor dividing the substance"—that is to say, never confusing in our minds the work and functions of the three separate manifestations, each on his own plane, yet never for a moment forgetting the Eternal Unity of the "substance", that which lies behind all alike on the highest plane.

It is instructive to notice here exactly the true meaning of this word person. It is compounded of the two Latin words *per* and *sona*, and therefore signifies "that through which the sound comes"—the mask worn by the Roman actor to indicate the part which he happened at the moment to be playing. Thus we very appropriately speak of the group of temporary lower vehicles which a soul assumes when he descends into incarnation as his "personality". Thus also these separate manifestations of the One on different planes are rightly thought of as persons.

Thus we see how it can be said:—"There is one person of the Father, another of the Son, and another of the Holy Ghost; but the Godhead of the Father, of the Son, and of the Holy Ghost is all one—the glory equal, the majesty co-eternal." Truly the manifestations are distinct, each on its own plane, and consequently one appears lower than another; yet we have only to look back to the seventh plane to realize that "in this Trinity none is afore or after other, none is greater or less than another, but the whole three Persons are co-eternal together and co-equal". So also "every Person by himself is God and Lord", "and yet they are not three Lords, but one Lord".

See also how clear and luminous become many of the statements concerning the Second Aspect and His descent into matter. There is another and far wider meaning for this, as will be seen in Plate III, but what is true of that grander descent is true also

nhân, mỗi cá nhân trên cõi của mình—hoàn toàn không liên kết chéo, như vậy; nhưng mỗi cá nhân đều có mối liên kết thẳng đứng với chính Ngài ở mức độ nơi mà ba khía cạnh này hợp nhất.

Do đó, chúng ta thấy một ý nghĩa rất thật trong sự nhấn mạnh của Giáo hội rằng "chúng ta tôn thờ một Thượng Đế trong Ba Ngôi, và Ba Ngôi trong Một, không nhầm lẫn các Ngôi cũng như không phân chia bản thể"—nghĩa là, không bao giờ nhầm lẫn trong tâm trí chúng ta về công việc và chức năng của ba biểu hiện riêng biệt, mỗi biểu hiện trên cõi của mình, nhưng cũng không bao giờ quên sự Thống Nhất Vĩnh Cửu của "bản thể," điều nằm đằng sau tất cả trên cõi cao nhất.

Rất hữu ích khi nhận ra ý nghĩa thực sự của từ "Ngôi" (person) ở đây. Từ này được ghép từ hai từ Latin *per* và *sona*, có nghĩa là "cái mà qua đó âm thanh phát ra"—một mặt nạ mà các diễn viên La Mã đeo để chỉ vai diễn mà họ đang thể hiện. Do đó, chúng ta rất phù hợp khi nói về nhóm các thể tạm thời thấp hơn mà một linh hồn khoác lên khi y nhập thể như là "phàm ngã" (personality) của y. Tương tự, các biểu hiện riêng biệt của Đấng Duy Nhất trên các cõi khác nhau được xem như các Ngôi (persons) là hoàn toàn đúng.

Do đó, chúng ta thấy rằng có thể nói:—"Có một ngôi của Đức Cha, một ngôi của Đức Con, và một ngôi của Đức Thánh Linh; nhưng thần tính của Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh là một—vinh quang bình đẳng, uy nghi đồng vĩnh cửu." Thực sự, các biểu hiện là riêng biệt, mỗi biểu hiện trên cõi của mình, và vì thế, một biểu hiện dường như thấp hơn biểu hiện khác; nhưng chúng ta chỉ cần nhìn lại cõi thứ bảy để nhận ra rằng "trong Ba Ngôi này, không ai đi trước hoặc đi sau ai, không ai lớn hơn hoặc nhỏ hơn ai, nhưng cả ba Ngôi đều đồng tồn tại vĩnh cửu và bình đẳng." Vì vậy, "mỗi Ngôi tự bản thân là Thượng Đế và Chúa," "và dù vậy, họ không phải ba Chúa, mà chỉ là Chúa Duy Nhất."

Hãy nhìn xem những tuyên bố liên quan đến Khía Cạnh Thứ Hai và sự hạ xuống vật chất của Ngài trở nên rõ ràng và sáng tỏ như thế nào. Có một ý nghĩa khác rộng lớn hơn nhiều về điều này, như sẽ thấy trong Hình III, nhưng điều đúng với sự hạ

of this, for when we think of the Aspect on the higher plane as the essential Godhead ensouling the manifestation in matter relatively lower, though still high above our ken, we see how He is "God, of the substance of his Father, begotten before the world; but man, of the substance of his Mother, born in the world". For as an aspect of the divine He existed before the solar system, but His manifestation in the matter of the sixth plane took place during the life of that system.

xuống vĩ đại hơn đó cũng đúng ở đây, bởi khi chúng ta nghĩ về Khía Cạnh trên cõi cao hơn như là Thiên tính thiết yếu thấm nhuần biểu hiện trong vật chất tương đối thấp hơn, mặc dù vẫn vượt xa sự hiểu biết của chúng ta, chúng ta thấy rằng Ngài là "Thượng Đế, từ bản chất của Đức Cha, được sinh ra trước thế giới; nhưng là người, từ bản chất của Đức Mẹ, sinh ra trong thế giới." Vì là một khía cạnh của Thiên tính, Ngài đã tồn tại trước khi hệ mặt trời hình thành, nhưng sự biểu hiện của Ngài trong vật chất của cõi thứ sáu xảy ra trong suốt sự sống của hệ thống này.

So, "although he be God and Man, yet he is not two, but one Christ; one, not by conversion of the Godhead into flesh, but by taking of the manhood into God". One, that is, not only because of the essential Unity, but because of the glorious power of drawing back into Himself all that has been acquired by the descent into lower matter. But this belongs more especially to that greater descent illustrated for us in Plate III.

Vì vậy, "mặc dù Ngài là Thượng Đế và Con Người, nhưng Ngài không phải là hai, mà là một Đấng Christ; một, không phải bởi sự chuyển đổi thần tính thành xác thịt, mà bởi sự đưa nhân tính vào thần tính." Một, không chỉ vì sự Thống Nhất Thiết Yếu, mà còn bởi năng lực vinh quang để thu hồi lại tất cả những gì đã đạt được qua sự hạ xuống vật chất thấp hơn. Nhưng điều này thuộc về sự hạ xuống vĩ đại hơn, được hình cho chúng ta trong Hình III.

The greatest schism which has ever occurred in the Christian Church was that between the Eastern and Western branches, the Greek Church and the Roman. The doctrinal reason alleged for it was the supposed corruption of the truth, by the introduction into the Creed of the word *filioque* at the Council of Toledo in the year [589][1]

Sự chia rẽ lớn nhất từng xảy ra trong Giáo hội Cơ đốc là sự tách rời giữa các nhánh Đông và Tây, tức Giáo hội Hy Lạp và Giáo hội La Mã. Lý do giáo lý được đưa ra là sự cho rằng chân lý đã bị biến đổi, qua việc đưa từ *filioque* vào Tín điều tại Công đồng Toledo vào năm [859].

The question at issue was whether the Holy Ghost proceeded from the Father alone, or from the Father and the Son. Our diagram enables us to see what was the point at issue; and furthermore, it shows us, curiously enough, that both parties were right, and that if they had only clearly understood the matter there need have been no schism at all.

Vấn đề tranh cãi là liệu Đức Thánh Linh phát xuất từ Đức Cha mà thôi, hay từ cả Đức Cha và Đức Con. Sơ đồ của chúng ta cho thấy vấn đề nằm ở đâu; và hơn nữa, nó còn cho thấy, một cách đáng ngạc nhiên, rằng cả hai bên đều đúng, và rằng nếu họ hiểu rõ vấn đề, hẳn không cần xảy ra bất kỳ sự chia rẽ nào.

The Latin Church held, quite reasonably, that there could be no manifestation on the fifth plane of a

Giáo hội Latin giữ vững một cách hợp lý rằng không thể có biểu hiện nào trên cõi thứ năm của

[1] Câu trên đề cập đến một sự kiện lịch sử quan trọng trong lịch sử Kitô giáo: cuộc ly giáo giữa Giáo hội Đông phương (Giáo hội Chính thống Hy Lạp) và Giáo hội Tây phương (Giáo hội Công giáo La Mã). Cụ thể, sự kiện này liên quan đến việc thêm từ filioque (có nghĩa là "và từ Chúa Con") vào Kinh Tin Kính (Creed) tại Công đồng Toledo. Từ "năm" trong câu trên chưa được điền vào, nhưng bối cảnh lịch sử cho thấy Công đồng Toledo, nơi cụ thể hóa từ filioque trong Kinh Tin Kính, diễn ra vào năm 589.

Force which admittedly came from the seventh, without a passage through the intermediate sixth, so they declared that He proceeded from the Father and the Son. The Greek Church, on the other hand, insisted absolutely on the distinctness of the Three Manifestations, and quite rightly protested against any theory of a procession from the First Manifestation through the Second such as would be typified in our diagram if we drew a diagonal line through the First, Second, and Third. The dotted line on the right of Plate II, showing how the Third Aspect descends through the planes and finally manifests on the Fifth, is of course the key to the true line of procession, and the absolute harmony of the two conflicting ideas.

một Thần Lực rõ ràng đến từ cõi thứ bảy mà không thông qua cõi thứ sáu trung gian, vì thế họ tuyên bố rằng Ngài phát xuất từ cả Đức Cha và Đức Con. Ngược lại, Giáo hội Hy Lạp nhấn mạnh sự phân biệt tuyệt đối của Ba Biểu hiện, và hoàn toàn đúng khi phản đối bất kỳ lý thuyết nào về sự phát xuất từ Biểu hiện Thứ Nhất thông qua Biểu hiện Thứ Hai, như sẽ được hình trong sơ đồ nếu chúng ta vẽ một đường chéo qua Biểu hiện Thứ Nhất, Thứ Hai, và Thứ Ba. Đường nét chấm bên phải của Hình II, chỉ ra cách Khía Cạnh Thứ Ba hạ xuống qua các cõi và cuối cùng biểu hiện trên cõi thứ Năm, tất nhiên là chìa khóa để hiểu đúng đường phát xuất, và sự hài hòa tuyệt đối của hai ý tưởng đối lập.

The wonderful way in which man is made in the image of God may be seen by comparing the triad of the human soul with the Trinity in manifestation above it. So astonishingly material have been the orthodox conceptions, that this text has literally been interpreted as referring to the physical body of man, and made to mean that God created man's body in a shape which He foresaw as that which Christ would choose to assume when He came on earth.

Cách tuyệt vời mà con người được tạo dựng theo hình ảnh của Thượng Đế có thể thấy rõ qua việc so sánh Tam nguyên của linh hồn con người với Ba Ngôi trong sự biểu hiện bên trên. Các quan niệm chính thống, vì quá vật chất hóa, đã diễn giải câu này theo nghĩa đen là nói về thể xác của con người, và cho rằng Thượng Đế đã tạo dựng cơ thể của con người theo hình dáng mà Ngài thấy trước sẽ là hình dáng mà Đức Christ sẽ chọn khi Ngài đến thế gian.

A glance at Plate II shows us at once the true meaning of those words. Not the physical body of man, but the constitution of his soul, reproduces with marvellous exactitude the method of Divine manifestation. Just as three aspects of the Divine are seen on the seventh plane, so the Divine Spark of the spirit in man is seen to be triple in its appearance on the fifth plane. In both cases the Second Aspect is able to descend one plane lower, and to clothe itself in the matter of that plane; in both cases the Third Aspect is able to descend two planes and repeat the process. So in both cases there is a Trinity in Unity, separate in its manifestations, yet one in the reality behind.

Chỉ cần một cái nhìn vào Hình II là có thể thấy ngay ý nghĩa thật sự của những lời này. Không phải thể xác của con người, mà là cấu trúc của linh hồn y, đã tái tạo một cách kỳ diệu phương pháp Biểu hiện Thiêng Liêng. Cũng như ba khía cạnh của Thiên tính được thấy trên cõi thứ bảy, thì Tia Lửa Thiêng của tinh thần trong con người cũng được thấy là có ba khía cạnh trong sự xuất hiện của nó trên cõi thứ năm. Trong cả hai trường hợp, Khía Cạnh Thứ Hai có thể hạ xuống một cõi thấp hơn, và khoác lên mình vật chất của cõi đó; trong cả hai trường hợp, Khía Cạnh Thứ Ba có thể hạ xuống hai cõi và lặp lại quá trình này. Vì vậy, trong cả hai trường hợp, có một Tam Nguyên trong Thống Nhất, riêng biệt trong biểu hiện, nhưng đồng nhất trong thực tại ẩn sau.

Each of the three Aspects or Persons or Manifestations of the Logos has an especial part to play in the preparation and development of the soul of man. What these parts are we shall endeavor to

Mỗi trong ba Khía Cạnh hoặc Ngôi hoặc Biểu hiện của Thái Dương Thượng Đế đều có một vai trò đặc biệt trong việc chuẩn bị và phát triển linh hồn của con người. Chúng ta sẽ cố gắng làm rõ những vai

make clear by the help of the diagram given on Plate III. The horizontal subdivisions indicate the planes, precisely as in Plate II, and above them will be seen three symbols belonging to the series described by Madame Blavatsky in *The Secret Doctrine*. The highest represents the First Aspect of the Logos, and bears only a central dot, signifying the primary manifestation in our system. The Second Aspect of the Logos is symbolized by a circle divided by a diameter, showing the dual manifestation which is always associated with the Second Person of any of the Trinities, while the lowest circle contains the Greek Cross, one of the most usual symbols of the Third Aspect.

trò này với sự hỗ trợ của sơ đồ trong Hình III. Các phân khu ngang chỉ ra các cõi giới, giống như trong Hình II, và bên trên chúng sẽ thấy ba biểu tượng thuộc loạt mô tả của Madame Blavatsky trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*. Biểu tượng cao nhất đại diện cho Khía Cạnh Thứ Nhất của Thái Dương Thượng Đế, và chỉ có một điểm trung tâm, biểu thị sự biểu hiện ban đầu trong hệ thống của chúng ta. Khía Cạnh Thứ Hai được biểu thị bằng một vòng tròn được chia đôi bởi một đường kính, biểu thị sự biểu hiện nhị nguyên luôn được liên kết với Khía Cạnh Thứ Hai của bất kỳ Tam Nguyên nào, trong khi vòng tròn thấp nhất chứa Thập Giá Hy Lạp, một trong những biểu tượng phổ biến nhất của Khía Cạnh Thứ Ba.

CHAPTER VI

THE EARLIER OUTPOURINGS—NHỮNG LẦN TUÔN TRÀO ĐẦU TIÊN

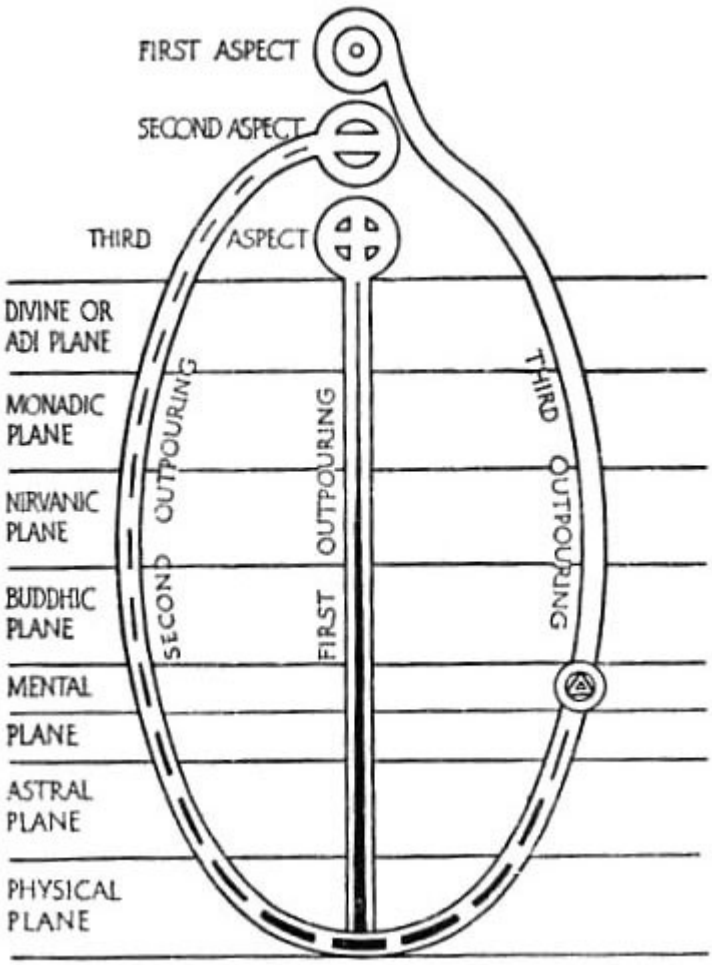


Plate 3-Ba Ngôi

IT is from this Third Aspect that the first movement towards the formation of the system comes. Previous to this movement we have in existence nothing but the atomic state of matter in each of the planes of nature, none of the aggregations or combinations which make up the lower sub-planes of each having yet been formed. But into this sea of virgin matter (the true Virgin Maria) pours down the Holy Spirit, the Lifegiver, as He is called in the Nicene Creed; and by the action

Chính từ Khía Cạnh Thứ Ba mà chuyển động đầu tiên hướng tới sự hình thành hệ thống xuất hiện. Trước chuyển động này, chỉ tồn tại trạng thái nguyên tử của vật chất trên mỗi cõi giới của thiên nhiên, chưa có bất kỳ sự tập hợp hay kết hợp nào hình thành nên các cõi phụ thấp hơn của mỗi cõi. Nhưng vào trong biển vật chất nguyên sơ này (được gọi là Đức Mẹ Đồng trinh *Maria* đích thực), Đức Thánh Linh—Đấng Ban Sự Sống, như Ngài được gọi trong Tín điều Nicene—đổ xuống; và

of His glorious vitality the units of matter are awakened to new powers and possibilities of attraction and repulsion, and thus the lower subdivisions of each plane come into existence. It will be seen that this is symbolized in the diagram by a line descending from the lowest circle straight through all the planes, growing broader and darker as it comes, to show how the Divine Spirit becomes more and more veiled in matter as it descends, until many are quite unable to recognize it as divine at all. Yet the living force is nevertheless there, even when it is most strictly confined in the lowest of its forms.

thông qua sự sống động vinh quang của Ngài, các đơn vị vật chất được đánh thức với những quyền năng và khả năng mới về hấp dẫn và đẩy lùi, nhờ đó các phân chia thấp hơn của mỗi cõi giới xuất hiện. Điều này được biểu thị trong sơ đồ bằng một đường thẳng đi xuống từ vòng tròn thấp nhất, xuyên qua tất cả các cõi giới, ngày càng mở rộng và tối dần khi đi xuống, cho thấy Thiên Tính ngày càng bị che khuất trong vật chất khi hạ xuống, đến mức nhiều người hoàn toàn không nhận ra đó là thiêng liêng. Tuy nhiên, năng lượng sống vẫn luôn hiện hữu, ngay cả khi nó bị giam cầm nghiêm ngặt nhất trong những hình thái thấp nhất của mình.

Into this matter thus vivified, the second great out-pouring of the Divine Life descends. Thus the Second Person of the Trinity takes form not of the "virgin" or unproductive matter alone, but of the matter which is already instinct and pulsating with the life of the Third Person, so that both the life and the matter surround Him as a vesture, and thus in very truth He is "incarnate of the Holy Ghost and the Virgin Mary", which is the true rendering of a prominent passage in the Christian creed. (See *The Christian Creed*.)

Vào trong vật chất đã được sinh động hóa này, dòng tuôn chảy thiêng liêng vĩ đại thứ hai của Sự Sống Thiêng Liêng đổ xuống. Do đó, Khía Cạnh Thứ Hai của Ba Ngôi không khoác hình tướng từ vật chất "trinh nguyên" hay chưa sản sinh, mà từ vật chất đã thấm nhuần và rung động với sự sống của Khía Cạnh Thứ Ba, để cả sự sống và vật chất bao quanh Ngài như một tấm áo choàng. Do đó, quả thực Ngài "nhập thể từ Đức Thánh Linh và Đức Maria Đồng Trinh," điều này là cách diễn giải đúng đắn của một đoạn nổi bật trong Tín điều Cơ đốc. (*Xem The Christian Creed*.)

Very slowly and gradually this resistless flood pours down through the various planes and kingdoms, spending in each of them a period equal in duration to one entire incarnation of a planetary chain, a period which, if measured as we measure time, would cover many millions of years. This flood is symbolized in Plate III by the line which, starting from the second of the circles, sweeps down the left-hand side of the oval, gradually darkening as it approaches its nadir. After passing that point it commences its upward arc and rises through the physical, astral and lower mental planes until it meets the third great outpouring, which is typified by the line starting from the highest circle and forming the right-hand side of the great oval. Of this meeting we shall say more hereafter, but for the moment let us turn our attention to the descending arc. To aid us the better to comprehend this, let us turn to Plate IV. This diagram, though it looks so different, in fact corresponds very closely with Plate III; the

Dòng tuôn chảy mạnh mẽ này chảy xuống qua các cõi và các giới một cách chậm rãi và dần dần, trải qua mỗi cõi một thời kỳ tương đương với một lần hóa thân hoàn chỉnh của một dãy hành tinh—một giai kỳ mà nếu được đo theo cách chúng ta đo thời gian, sẽ kéo dài hàng triệu năm. Dòng chảy này được biểu thị trong Hình III bằng đường nét bắt đầu từ vòng tròn thứ hai, quét xuống bên trái của hình oval, dần dần tối dần khi tiến gần điểm thấp nhất của nó. Sau khi vượt qua điểm đó, nó bắt đầu cung đi lên, trỗi dậy qua các cõi trần, cảm dục và hạ trí, cho đến khi gặp dòng tuôn chảy vĩ đại thứ ba, được biểu thị bằng đường nét bắt đầu từ vòng tròn cao nhất và tạo nên bên phải của hình oval lớn. Chúng ta sẽ nói thêm về cuộc gặp gỡ này sau, nhưng lúc này hãy tập trung vào cung đi xuống. Để hiểu rõ hơn, chúng ta hãy nhìn vào Hình IV. Mặc dù sơ đồ này có vẻ rất khác, nhưng thực ra nó tương ứng rất chặt chẽ với Hình III; cột màu sắc khác nhau ở bên trái giống hệt với đường cong đi xuống ở bên trái trong Hình III, và tất cả các hình chóp tam giác tạo

variously colored column on the left is identical with the downward-sweeping curve on our left in Plate III, and all the pyramidal figures which make the rest of the diagram are simply representations of the earlier part of the upward curve on the right of Plate III, pictured at various stages of its growth.

thành phần còn lại của sơ đồ chỉ đơn thuần là sự biểu diễn các phần đầu của cung đi lên ở bên phải của Hình III, được thể hiện tại các giai đoạn phát triển khác nhau.

It will be observed that at different stages of its descent it is called by special names. As a whole, it is often spoken of as monadic essence, more especially when clothed only in the ultimate matter of the various planes; but when on its downward course it energises in the matter of the higher part of the mental plane, it is known as the First Elemental Kingdom. After spending a whole chain-period [4] in that evolution, it descends to the lower or rupa levels of the same plane, and there it ensouls the Second Elemental Kingdom for another chain-period. Its next aeon is spent on the astral level, where it is called the Third Elemental Kingdom, or very often simply elemental essence of the astral plane. At both of these stages it is very intimately connected with man, as it enters largely into the composition of his various vehicles, and influences his thought and action. This, however, is beside our present subject, and for a full description of this action of the "desire-elemental" and the "mental-elemental" upon man we must refer our readers to other Theosophical works. A chapter upon the desire-elemental will be found in *The Other Side of Death*.

Có thể nhận thấy rằng ở các giai đoạn khác nhau trong sự đi xuống của nó, nó được gọi bằng những tên đặc biệt. Tổng thể, nó thường được gọi là tinh hoa Chân thần (monadic essence), đặc biệt là khi chỉ khoác lên mình vật chất tối thượng của các cõi giới khác nhau; nhưng khi trên hành trình đi xuống, nó hoạt động trong vật chất của phần cao hơn của cõi trí, nó được biết đến như Giới Hành Khí Thứ Nhất (First Elemental Kingdom). Sau khi trải qua toàn bộ một giai kỳ của dãy hành tinh trong sự tiến hóa này, nó hạ xuống các mức thấp hơn hoặc rupa của cùng một cõi, và tại đây nó nhập thể vào Giới Hành Khí Thứ Hai (Second Elemental Kingdom) trong một giai kỳ khác của dãy. Kỷ nguyên tiếp theo của nó được trải qua trên cõi cảm dục, nơi nó được gọi là Giới Hành Khí Thứ Ba (Third Elemental Kingdom), hoặc thường được gọi đơn giản là tinh chất hành khí cảm dục của cõi cảm dục (elemental essence of the astral plane). Ở cả hai giai đoạn này, nó liên kết mật thiết với con người, vì nó chiếm phần lớn trong cấu trúc của các thể khác nhau của y và ảnh hưởng đến tư tưởng và hành động của y. Tuy nhiên, điều này nằm ngoài chủ đề hiện tại của chúng ta, và để có một mô tả đầy đủ về hành động của "tinh linh dục vọng" (desire-elemental) và "tinh linh trí tuệ" (mental-elemental) lên con người, chúng ta phải giới thiệu bạn đọc tới các tác phẩm Thông Thiên Học khác. Một chương về tinh linh dục vọng có thể được tìm thấy trong *The Other Side of Death*.

When this great life-wave of divine force reaches the lowest point of its destined course it is immersed in physical matter; and at this period, and for some time after it has begun its long upward journey, it is energizing or ensouling the mineral kingdom of the particular chain upon which it happens to be at the moment. At this stage it has sometimes been called "the mineral monad", just as at later periods of its evolution it has been named "the vegetable monad" and "the animal

Khi làn sóng sự sống vĩ đại của năng lượng thiêng liêng này đạt đến điểm thấp nhất trong hành trình định trước, nó đắm mình vào vật chất vật lý; và tại thời điểm này, cũng như trong một khoảng thời gian sau khi nó bắt đầu hành trình đi lên dài dằng dặc, nó đang hoạt động hoặc nhập thể vào giới kim thạch của dãy hành tinh cụ thể mà nó đang hiện diện. Ở giai đoạn này, đôi khi nó được gọi là "Chân thần khoáng vật" (mineral monad), giống như ở các giai đoạn sau của sự tiến hóa, nó được gọi

monad". But all these titles are somewhat misleading, because they seem to suggest that one great monad animates the entire kingdom.

là "Chân thần thực vật" (vegetable monad) và "Chân thần động vật" (animal monad). Nhưng tất cả các danh hiệu này đều có phần gây hiểu lầm, vì chúng dường như gợi ý rằng một Chân thần vĩ đại duy nhất là động lực cho toàn bộ giới.

Even when this monadic essence first comes before us, in the earliest of the elemental kingdoms, it is already not one monad, but many—not one great life-stream, but many parallel streams, each possessing characteristics of its own. The whole scheme tends increasingly toward differentiation, and as these streams descend from kingdom to kingdom they divide and subdivide more and more. It may be that there is a, point before all this evolution at which we may think of the great outpouring as homogeneous, though no man has ever seen it in that condition; and at the conclusion of the first great stage of evolution it is finally divided into individualities, each man being a separate soul, though as yet an undeveloped soul.

Ngay cả khi tinh hoa Chân thần này lần đầu tiên xuất hiện trước chúng ta, trong giới hành khí đầu tiên, nó đã không phải là một Chân thần duy nhất, mà là nhiều Chân thần—không phải một dòng sống vĩ đại duy nhất, mà là nhiều dòng sống song song, mỗi dòng có những đặc tính riêng. Toàn bộ kế hoạch ngày càng hướng tới sự phân hóa, và khi các dòng sống này đi xuống từ giới này đến giới khác, chúng chia tách và phân chia ngày càng nhiều hơn. Có thể có một điểm trước tất cả sự tiến hóa này mà chúng ta có thể nghĩ về dòng tuôn chảy vĩ đại như là đồng nhất, mặc dù chưa từng ai nhìn thấy nó trong trạng thái đó; và ở cuối giai đoạn tiến hóa lớn đầu tiên, nó cuối cùng được phân chia thành những cá thể riêng lẻ, mỗi người là một linh hồn riêng biệt, mặc dù vẫn là một linh hồn chưa phát triển.

Now at all points between these two extremes its condition is something intermediate; there is always subdivision, but it is not yet carried to the point of individualization. It must never be forgotten that we are dealing all the while with the evolution of the ensouling force or life, and not of the outward form; and this ensouling energy evolves by means of the qualities acquired in physical incarnation. In the vegetable kingdom, for example, we have not a soul for one plant, but one group-soul for an enormous number of plants—perhaps in some cases for a whole species. In the animal kingdom this subdivision has proceeded much further, and though it may still be true among low forms of insect life that one soul animates many millions of bodies, in the case of the higher animals a comparatively small number of physical forms are the expression of one group-soul.

Ở tất cả các điểm giữa hai cực này, trạng thái của nó là trung gian; luôn có sự phân chia, nhưng nó chưa đạt đến mức độ biệt ngã hóa. Chúng ta không bao giờ được quên rằng chúng ta đang luôn xử lý với sự tiến hóa của năng lượng hoặc sự sống nhập thể, chứ không phải của hình tướng bên ngoài; và năng lượng nhập thể này tiến hóa nhờ các phẩm chất đạt được trong các lần nhập thể vật lý. Trong giới thảo mộc, chẳng hạn, chúng ta không có một linh hồn cho mỗi cây, mà là một nhóm-linh hồn (group-soul) cho một số lượng lớn cây—có lẽ trong một số trường hợp là toàn bộ một loài. Trong giới động vật, sự phân chia này đã tiến xa hơn nhiều, và mặc dù có thể vẫn đúng rằng trong các dạng sống côn trùng thấp, một linh hồn điều khiển hàng triệu cơ thể, nhưng đối với các loài động vật cao hơn, số lượng thể vật lý tương đối nhỏ biểu thị cho một nhóm-linh hồn duy nhất.

CHAPTER VII

THE ANIMAL GROUP-SOUL—HỒN NHÓM THÚ VẬT

THIS idea of the group-soul seems to many students novel and difficult; perhaps an Oriental simile may help us to understand it more readily. They tell us that the group-soul is like the water in a bucket, while if we suppose a tumbler full of water withdrawn from that bucket, we shall have a representation of the soul of the single animal. The water in the glass is for the time quite separate from that in the bucket, and it takes the form of the glass which contains it. Suppose that we put into that glass a certain amount of coloring matter, so that the water in it acquires a distinctive hue of its own; that coloring matter will represent the qualities developed in the temporarily separated soul by the various experiences through which it passes.

Ý tưởng về hồn nhóm (group-soul) dường như mới mẻ và khó hiểu đối với nhiều học viên; có lẽ một hình ảnh so sánh theo phong cách phương Đông sẽ giúp chúng ta dễ dàng hiểu hơn. Họ cho rằng hồn nhóm giống như nước trong một cái xô, trong khi nếu chúng ta rút ra một cốc nước đầy từ cái xô đó, điều đó sẽ tượng trưng cho linh hồn của một động vật đơn lẻ. Nước trong cốc, trong khoảng thời gian đó, hoàn toàn tách biệt với nước trong xô và mang hình dáng của chiếc cốc chứa đựng nó. Hãy giả định rằng chúng ta thêm vào cốc nước một lượng chất màu nào đó, làm cho nước trong cốc có một sắc thái riêng biệt; chất màu này sẽ đại diện cho những phẩm chất được phát triển trong linh hồn tạm thời tách rời qua các trải nghiệm mà nó đã trải qua.

The death of the animal will be typified by pouring back the water from the glass into the bucket, when the coloring matter will at once spread through the whole of the water, tinting it faintly. In exactly the same way, whatever qualities have been developed during the life of the separated animal will be distributed through the whole group-soul after his death.

Cái chết của con vật sẽ được hình bằng việc đổ lại nước từ cốc vào xô, khi đó chất màu sẽ ngay lập tức lan ra toàn bộ nước, nhuộm nhẹ tất cả. Chính xác theo cách đó, bất kỳ phẩm chất nào đã được phát triển trong suốt cuộc đời của con vật riêng lẻ sẽ được phân tán khắp hồn nhóm sau khi nó chết.

It would be impossible to take again out of the bucket the same glass of water, but every glassful taken out afterwards will necessarily be colored by the matter brought in from that first glass. If it were possible to take out of the bucket exactly the same molecules of water, to reproduce the first glassful exactly, that would be a veritable reincarnation; but since that is not possible, we have instead the re-absorption of the temporary soul into the group-soul—a process in which, nevertheless, everything that has been gained by the temporary separation is carefully preserved.

Sẽ không thể lấy lại chính xác cốc nước ban đầu từ xô, nhưng mọi cốc nước lấy ra sau đó sẽ tất nhiên bị ảnh hưởng bởi chất màu đã mang vào từ cốc đầu tiên. Nếu có thể lấy ra từ xô chính xác các phân tử nước ban đầu để tái tạo cốc nước đầu tiên, thì điều đó sẽ là một sự tái sinh thực sự; nhưng vì điều đó không thể, chúng ta có sự tái hấp thu của linh hồn tạm thời vào hồn nhóm—một quá trình mà trong đó, tuy nhiên, mọi thứ đã đạt được qua sự tách biệt tạm thời đều được bảo tồn cẩn thận.

Not one glass at a time only, but many glasses simultaneously, are filled from each bucket; and each one of them brings back to the group-soul its own quota of evolved quality. Thus in time many

Không chỉ một cốc nước duy nhất, mà nhiều cốc nước đồng thời được lấy từ mỗi xô; và mỗi cốc nước mang về hồn nhóm phần phẩm chất tiến hóa riêng của nó. Do đó, theo thời gian, nhiều phẩm chất

different qualities are developed within each group-soul, and of course manifest themselves as inherent in every animal which is an expression of it. Hence came the definite instincts with which certain creatures are born. The duckling, the moment it is set free from the egg, seeks the water and can swim fearlessly, even though it may have been hatched by a hen which dreads water, and is terribly worried to find her charges rushing to what she supposes to, be destruction. But that fragment of a group-soul which is functioning through the duckling knows perfectly well from previous experience that the water is its natural element, and the tiny body fearlessly carries out its behests.

khác nhau được phát triển trong mỗi hồn nhóm, và tất nhiên chúng biểu hiện như những bản năng bẩm sinh trong mỗi con vật là biểu hiện của hồn nhóm đó. Do vậy, các bản năng cụ thể với những sinh vật nhất định đã xuất hiện. Ví dụ, ngay khi vịt con được giải thoát khỏi trứng, nó tìm kiếm nước và có thể bơi một cách tự nhiên, dù rằng nó có thể được ấp bởi một con gà mái vốn sợ nước và vô cùng lo lắng khi thấy bầy con của mình lao xuống cái mà nó tưởng là sự hủy diệt. Nhưng phần của hồn nhóm đang hoạt động thông qua con vịt con biết rất rõ, từ kinh nghiệm trước đó, rằng nước là môi trường tự nhiên của nó, và cơ thể nhỏ bé không ngần ngại thực hiện mệnh lệnh này.

All the while within each group-soul the tendency to further and further subdivision is steadily working. It manifests itself in a phenomenon, which, though upon a higher plane, has a curious resemblance to the way in which a cell divides. In the group-soul, which may be thought of as vividly animating a great mass of matter on the mental plane, a kind of scarcely perceptible film appears, as we might suppose a sort of barrier gradually to form itself across the bucket. The water at first filters through this barrier to some extent, but nevertheless the glasses of water taken out from one side of that barrier are always returned to the same side, so that by degrees the water on one side becomes differentiated from the water on the other, and then the barrier gradually densifies and becomes impenetrable, so that we have eventually two buckets instead of one.

Trong suốt quá trình này, trong mỗi hồn nhóm, xu hướng phân chia ngày càng xa hơn vẫn đang hoạt động một cách đều đặn. Điều này biểu hiện như một hiện tượng, mặc dù ở trên một cõi cao hơn, có một sự tương đồng kỳ lạ với cách mà một tế bào phân chia. Trong hồn nhóm, vốn có thể được nghĩ đến như một khối vật chất sống động trên cõi trí, xuất hiện một lớp màng mờ nhạt, giống như một loại rào cản dần dần tự hình thành trong xô. Ban đầu, nước có thể thấm qua lớp rào cản này ở mức độ nào đó, nhưng những cốc nước được lấy từ một bên của lớp rào luôn được trả lại cùng phía đó, làm cho nước ở một bên dần khác biệt với nước ở phía bên kia. Sau đó, lớp rào cản này dần trở nên đặc và không thể thấm qua, dẫn đến việc cuối cùng chúng ta có hai xô thay vì một.

This process is constantly repeated, until by the time that we reach the really higher animals a comparatively small number of bodies is attached to each group-soul. It is found that the individualization which lifts an entity definitely from the animal kingdom into the human, can take place only from certain types of animals. Only among domesticated creatures, and by no means among all classes of even those, does this individualization occur. It must of course be remembered that we are very little more than half through the evolution of this chain of worlds, and it is only at the end of this evolution that the

Quá trình này liên tục lặp lại, cho đến khi chúng ta đạt đến các loài động vật thực sự cao cấp, chỉ còn một số lượng tương đối nhỏ cơ thể được gắn với mỗi hồn nhóm. Người ta phát hiện rằng sự biệt ngã hóa, điều nâng một thực thể rõ ràng từ giới động vật lên thành con người, chỉ có thể xảy ra từ một số kiểu động vật nhất định. Sự biệt ngã hóa chỉ xảy ra ở một số loài động vật được thuần hóa, và không phải ở tất cả các loài ngay cả trong nhóm này. Tất nhiên, cần phải nhớ rằng chúng ta mới chỉ đi được một nửa chặng đường tiến hóa của chuỗi thế giới này, và chỉ đến cuối quá trình tiến hóa này giới động vật mới đạt đến nhân tính. Do đó, bất kỳ con vật nào

animal kingdom is expected to attain humanity. Naturally, therefore, any animal which is now attaining or even approaching individualization must be very remarkably in advance of the others, and the number of such cases is consequently very small. Still they do occasionally occur, and they are of extreme interest to us as indicating the manner in which we ourselves came into existence in the remote past. The lunar animal kingdom, out of which we were individualized, was at a somewhat lower level than the animal kingdom of the present day; but the principle adopted seems to have been almost precisely the same.

hiện đang đạt đến hoặc thậm chí gần kề sự biệt ngã hóa đều phải vượt trội rất đáng kể so với những con vật khác, và số trường hợp như vậy do đó là rất ít. Tuy nhiên, chúng vẫn xảy ra đôi khi, và chúng có ý nghĩa vô cùng thú vị đối với chúng ta, vì chúng chỉ ra cách mà chính chúng ta đã xuất hiện trong quá khứ xa xôi. Giới động vật trên hành tinh Mặt Trăng, từ đó chúng ta được biệt ngã hóa, ở một mức độ thấp hơn so với giới động vật ngày nay; nhưng nguyên tắc được áp dụng dường như gần như hoàn toàn giống nhau.

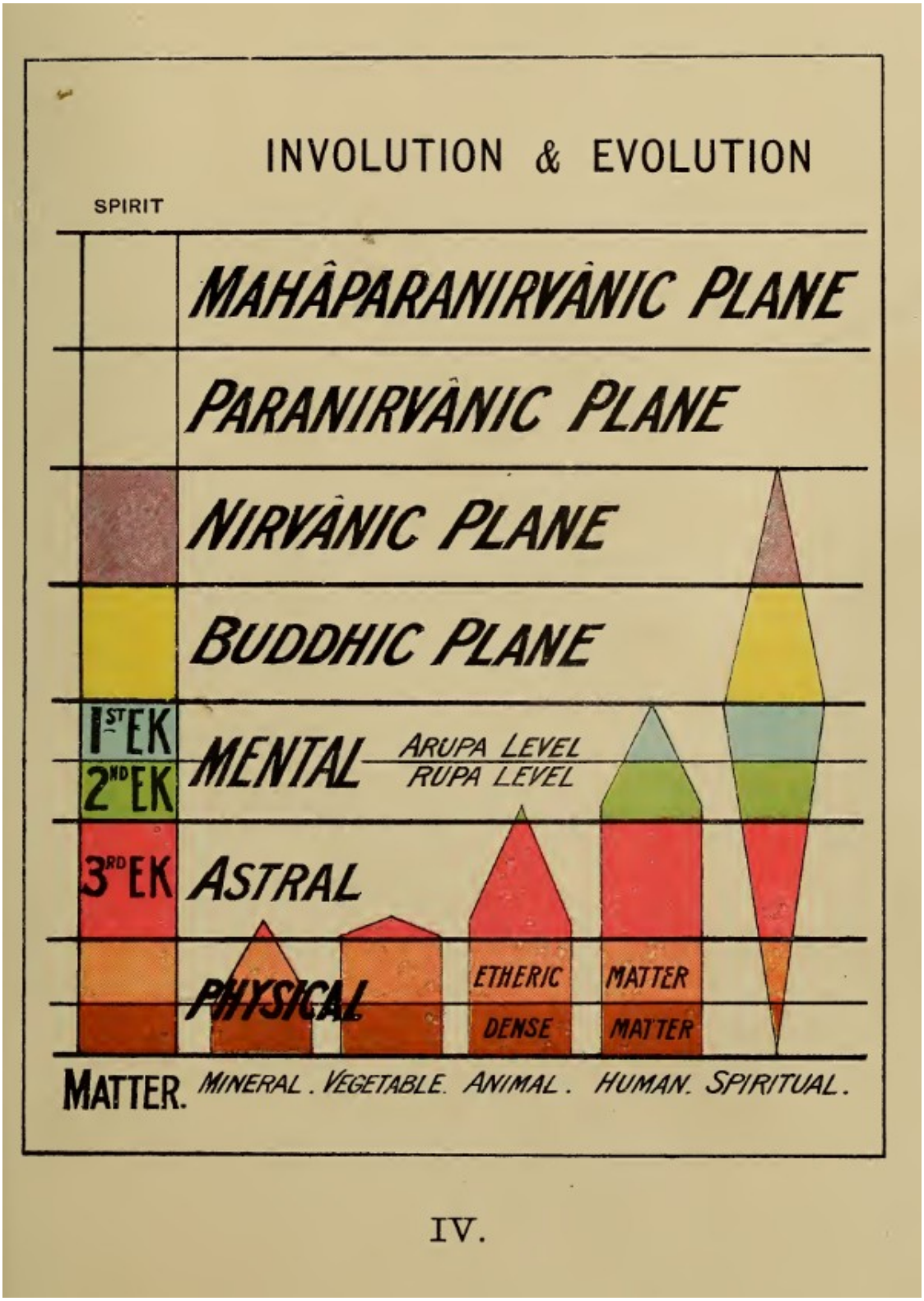


Plate 4-Vòng Cung thăng thượng

CHAPTER VIII

THE UPWARD CURVE—VÒNG CUNG THĂNG THƯỢNG

BEFORE explaining this in detail we must refer once more to Plate IV. It will be remembered that the variously colored bands which occupy the principal part of this diagram are intended to signify various stages in the upward progress of the monadic essence. In its downward course, which is indicated by the column to the left of the diagram, it simply aggregates round itself the different kinds of matter on the various planes, evolving that matter by accustoming and adapting it to convey vibrations and impressions, and at the same time acquiring for itself the power to receive and respond readily to these impressions at their respective levels. But when it has reached the lowest point of its immersion in matter, and turns to begin the grand upward sweep of evolution towards divinity, its work then is somewhat different. Its object then is to develop its consciousness fully at these various levels, learning to control the bodies which it constructs from them, and to use them definitely as vehicles, so that they shall not only serve as bridges to carry impressions from without to the soul, but shall also enable that soul to express itself on their several planes through their instrumentality.

Trước khi giải thích chi tiết, chúng ta cần một lần nữa quay lại Hình IV. Như đã biết, các dải màu sắc khác nhau chiếm phần chính của sơ đồ này được dùng để biểu thị các giai đoạn khác nhau trong tiến trình đi lên của tinh hoa Chân thần (monadic essence). Trong hành trình đi xuống, được biểu thị bằng cột ở phía bên trái sơ đồ, nó chỉ đơn giản là tập hợp quanh mình các loại vật chất khác nhau trên các cõi giới, tiến hóa vật chất đó bằng cách làm quen và thích nghi để truyền đạt các rung động và ấn tượng, đồng thời tự mình phát triển năng lực tiếp nhận và phản ứng nhanh chóng với những ấn tượng đó trên các mức độ tương ứng. Nhưng khi nó đã đạt đến điểm thấp nhất trong sự chìm đắm vào vật chất và bắt đầu hành trình đi lên vĩ đại của tiến hóa hướng tới thiêng liêng, thì công việc của nó có phần khác biệt. Mục tiêu của nó lúc này là phát triển đầy đủ ý thức trên các mức độ này, học cách kiểm soát các thể mà nó xây dựng từ chúng, và sử dụng chúng một cách rõ ràng như những phương tiện để không chỉ đóng vai trò như những cây cầu đưa các ấn tượng từ bên ngoài vào linh hồn, mà còn giúp linh hồn thể hiện chính mình trên các cõi giới khác nhau thông qua các công cụ này.

In this effort it naturally begins with the lowest matter, since its vibrations, though they are the largest and coarsest, are also the least powerful or penetrating, and therefore the easiest to control. Thus it happens that man, although possessing in a more or less latent condition so many higher principles, is yet at first for a long time fully conscious only in his physical body, and afterwards very gradually develops the consciousness in his astral vehicle, while in his mental body it comes at a still later stage.

Trong nỗ lực này, nó tự nhiên bắt đầu với vật chất thấp nhất, vì các rung động của vật chất này, mặc dù lớn nhất và thô sơ nhất, lại ít mạnh mẽ hoặc xâm nhập nhất, do đó dễ kiểm soát nhất. Vì vậy, con người, mặc dù sở hữu ở dạng tiềm năng nhiều nguyên lý cao hơn, nhưng lúc đầu trong một thời gian dài chỉ có ý thức đầy đủ trong thể xác của mình, và sau đó rất chậm rãi phát triển ý thức trong thể cảm dục của mình, trong khi ý thức trong thể trí của y chỉ xuất hiện ở giai đoạn muộn hơn.

Turning to Plate IV, we see that we have a separate band or ribbon to represent each of the kingdoms. It will be noticed that in the band corresponding to the mineral kingdom we have the full width developed only in the denser part of the physical

Nhìn vào Hình IV, chúng ta thấy rằng có một dải hoặc ruy băng riêng để biểu thị mỗi giới. Trong dải tương ứng với giới khoáng vật, chúng ta thấy chiều rộng đầy đủ chỉ được phát triển trong phần đậm đặc của cõi trần, và ở phần của dải tương ứng với

plane, and that in the part of the band which corresponds to etheric physical matter the band grows steadily narrower as we approach the higher planes. This of course indicates that in the mineral kingdom the control of the soul over the higher part of the etheric matter is not yet perfectly developed. It will be noticed also that there is a small point of red, showing that a certain amount of consciousness is already working through astral matter—that is to say, that a certain amount of desire is already manifesting itself.

vật chất dĩ thái thuộc cõi trần, dải ngày càng hẹp dần khi tiến gần đến các cõi cao hơn. Điều này, dĩ nhiên, cho thấy rằng trong giới khoáng vật, sự kiểm soát của linh hồn đối với phần cao hơn của vật chất dĩ thái vẫn chưa được phát triển hoàn hảo. Cũng sẽ thấy rằng có một điểm màu đỏ nhỏ, biểu thị rằng một mức độ ý thức nhất định đã hoạt động qua vật chất cảm dục—nói cách khác, một mức độ dục vọng đã bắt đầu thể hiện.

It may seem strange to many people to speak of desire in connection with the mineral kingdom; but every chemist knows that in chemical affinity we have already a very distinct manifestation of preference on the part of various elements; and what is that but a commencement of desire? One element has so strong a desire for the company of another that it will instantly forsake, in order to join it, any other substance with which it may happen to be in association. Indeed, it is by means of our knowledge of these likes and dislikes of the various elements that we obtain various gases when we want them. For example, oxygen and hydrogen are combined in water, but if we throw sodium into the water we find that oxygen likes sodium better than hydrogen, and promptly deserts the latter to combine with the former; so we have a compound called sodium hydroxide instead of water, and the released hydrogen escapes. Or if we put zinc filings into diluted hydrochloric acid (which is hydrogen combined with chlorine) we find that the chlorine proceeds to abandon the hydrogen in order to join the zinc, so that zinc chloride remains, while hydrogen is given off and may be collected. So it will be seen that we are justified in speaking of the action of desire in the mineral kingdom.

Điều này có thể khiến nhiều người ngạc nhiên khi nói về dục vọng trong mối liên hệ với giới khoáng vật; nhưng bất kỳ nhà hóa học nào cũng biết rằng trong ái lực hóa học, chúng ta đã có một biểu hiện rất rõ ràng về sự ưu tiên giữa các nguyên tố; và điều đó chẳng phải là khởi đầu của dục vọng sao? Một nguyên tố có "dục vọng" mạnh mẽ đến mức ngay lập tức rời bỏ bất kỳ chất nào nó đang liên kết để kết hợp với chất mà nó "ưa thích" hơn. Thật vậy, nhờ kiến thức về những sự yêu và ghét này của các nguyên tố mà chúng ta có thể tạo ra các loại khí khi cần. Ví dụ, oxy và hydro kết hợp trong nước, nhưng nếu chúng ta thả natri vào nước, chúng ta thấy rằng oxy "ưa thích" natri hơn hydro và nhanh chóng rời bỏ hydro để kết hợp với natri; do đó, chúng ta có hợp chất natri hydroxide thay vì nước, và hydro được giải phóng. Tương tự, nếu chúng ta cho kẽm vào axit clohydric pha loãng (là sự kết hợp của hydro với clo), chúng ta thấy rằng clo sẽ rời bỏ hydro để kết hợp với kẽm, tạo thành kẽm clorua, trong khi hydro được giải phóng và có thể được thu thập. Vì vậy, chúng ta có lý khi nói về sự hành động của dục vọng trong giới khoáng vật.

If we now look at the band which symbolizes the vegetable kingdom we shall see that it is of full width not only in the dense physical, but also in the etheric part. We shall see also that the point typifying desire is more fully developed, betokening a far greater capacity of utilizing the lower astral matter. Those who have studied botany will be aware that likes and dislikes (that is

Nếu nhìn vào dải biểu thị giới thảo mộc, chúng ta sẽ thấy rằng nó có chiều rộng đầy đủ không chỉ trong phần đậm đặc của cõi trần mà còn cả trong phần dĩ thái. Cũng sẽ thấy rằng điểm biểu thị dục vọng phát triển đầy đủ hơn, cho thấy khả năng sử dụng vật chất cảm dục thấp hơn vượt trội. Những người đã học thực vật học sẽ nhận thức rằng sự yêu và ghét (tức là các hình thức dục vọng) xuất hiện rõ

to say, forms of desire) are very much more prominent in the vegetable world than in the mineral, and that many plants exhibit a great deal of ingenuity and sagacity in attaining their ends, limited though these ends may be from our point of view.

ràng hơn nhiều trong giới thảo mộc so với giới khoáng vật, và rằng nhiều loài thực vật biểu hiện sự khéo léo và thông minh đáng kể để đạt được mục tiêu của chúng, dù từ quan điểm của chúng ta, các mục tiêu đó có thể bị giới hạn.

When we turn to the band representing the animal kingdom we find that consciousness has advanced very much further. It will be noticed that the band is of full width not only through the whole of the physical plane, but in the lowest sub-plane of the astral as well, showing that the animal is capable to the fullest possible extent of experiencing the lower desires, although the rapid narrowing of the band as we reach the higher sub-planes proclaims that his capacity for the higher desires is much more limited. Still it does exist; and so it happens that in exceptional cases he may manifest an exceedingly high quality of affection or devotion.

Khi chúng ta nhìn vào dải biểu thị giới động vật, chúng ta thấy rằng ý thức đã tiến xa hơn nhiều. Dải này có chiều rộng đầy đủ không chỉ qua toàn bộ cõi trần mà còn cả ở cõi phụ thấp nhất của cõi cảm dục, cho thấy rằng động vật có khả năng trải nghiệm dục vọng thấp nhất ở mức tối đa, mặc dù sự thu hẹp nhanh chóng của dải khi tiến tới các cõi phụ cao hơn cho thấy khả năng trải nghiệm dục vọng cao hơn của chúng bị giới hạn nhiều hơn. Tuy nhiên, khả năng đó vẫn tồn tại; và do đó, trong những trường hợp đặc biệt, chúng có thể biểu hiện một phẩm chất tình cảm hoặc sự tận tụy vô cùng cao.

It will be observed also that the band representing the animal kingdom ends in a point of green, signifying that at this stage there is already a development of intelligence, employing mental matter for its manifestation. It used at one time to be supposed that reason was the quality which distinguished man from the animals—that he possessed this faculty, while they had only instinct. As regards the higher domestic animals, however, that is certainly a mistake; anyone who has kept a dog or a cat, and made a friend of him will surely have observed that such creatures undoubtedly do exercise the power of reason from cause to effect, although naturally the lines along which their reason can work are few and limited, and the faculty itself is far less powerful than ours. In the case of the average animal the point is quite correctly shown as embracing only the lowest variety of reason, acting in the matter of the lowest subdivision of the mental plane; but with the highly developed domestic animal the point might readily extend even to the highest of the four lower levels, though, of course, it would remain only a point, and by no means the full width of the band.

Cũng sẽ thấy rằng dải biểu thị giới động vật kết thúc bằng một điểm màu xanh lá cây, biểu thị rằng ở giai đoạn này, đã có sự phát triển của trí thông minh, sử dụng vật chất trí tuệ để biểu hiện. Trước đây, người ta từng cho rằng lý trí là phẩm chất phân biệt con người với động vật—rằng con người sở hữu năng lực này, trong khi động vật chỉ có bản năng. Tuy nhiên, đối với các loài động vật được thuần hóa cao, điều đó chắc chắn là một sai lầm; bất kỳ ai từng nuôi chó hoặc mèo và làm bạn với chúng chắc chắn sẽ nhận thấy rằng những sinh vật này rõ ràng có sử dụng năng lực lý trí từ nguyên nhân đến kết quả, mặc dù tất nhiên các đường hướng lý trí của chúng còn ít và hạn chế, và năng lực đó kém mạnh mẽ hơn chúng ta nhiều. Trong trường hợp động vật trung bình, điểm màu xanh lá cây biểu thị sự lý trí chỉ giới hạn ở mức độ thấp nhất của cõi trí. Nhưng đối với các động vật được thuần hóa phát triển cao, điểm đó có thể mở rộng đến các mức cao hơn của cõi hạ trí, mặc dù nó vẫn chỉ là một điểm và không bao phủ toàn bộ chiều rộng của dải.

CHAPTER IX

HUMAN CONSCIOUSNESS—TÂM THỨC CON NGƯỜI

WHEN we turn to the consideration of the band of color which represents humanity, we at once note several quite new features. In this case the band retains its full width not only through the whole of the physical plane, but also through the whole of the astral, showing that man is capable of all varieties of desire to the fullest possible extent, the highest as well as the lowest. It also exhibits the full width in the lowest level of the mental plane, indicating that, as far as that level is concerned, man's reasoning faculty is fully developed. Higher than that, however, the development is not yet full; but an entirely new factor is introduced in the dark blue triangle on the higher mental plane, betokening the possession by the man of a *causal body*[5] and a permanent reincarnating *ego*. This blue triangle corresponds to the other triangle in the circle which is seen in Plate III. In the great majority of mankind the point which denotes consciousness of any sort upon the higher mental levels does not rise beyond the third or lowest of them. It is only very gradually, as his development progresses, that the ego is able to raise his consciousness to the second or the first of these sub-planes.

Khi chúng ta xem xét dải màu biểu thị nhân loại, ngay lập tức chúng ta nhận thấy một số đặc điểm hoàn toàn mới. Trong trường hợp này, dải giữ nguyên chiều rộng đầy đủ không chỉ qua toàn bộ cõi trần mà còn qua toàn bộ cõi cảm dục, cho thấy rằng con người có khả năng trải nghiệm mọi dạng dục vọng ở mức độ tối đa, từ thấp nhất đến cao nhất. Dải này cũng giữ nguyên chiều rộng trong mức độ thấp nhất của cõi trí, chỉ ra rằng, ở mức độ đó, năng lực lý luận của con người đã được phát triển đầy đủ. Tuy nhiên, cao hơn mức đó, sự phát triển chưa đạt đến mức toàn diện; nhưng một yếu tố hoàn toàn mới được giới thiệu là tam giác xanh dương đậm trên cõi thượng trí, biểu thị sự sở hữu của con người về một thể nhân quả và một chân ngã tái sinh vĩnh cửu. Tam giác xanh này tương ứng với tam giác khác trong vòng tròn mà chúng ta thấy ở Hình III. Đối với phần lớn nhân loại, điểm biểu thị ý thức trên các mức độ cao hơn của cõi thượng trí không vượt quá mức độ thấp nhất trong ba cõi phụ. Chỉ rất chậm rãi, khi sự phát triển của y tiến triển, chân ngã mới có thể nâng ý thức của mình lên mức độ thứ hai hoặc thứ nhất của những cõi phụ này.

It is not, of course, implied that the man can function consciously at these heights as yet. In the most primitive types, desire is still emphatically the most prominent feature, though the mental development has also proceeded to some extent. Such a man during life has a dim consciousness in his astral body while asleep, and after death he is very fully conscious and active on the lower astral sub planes. In fact, that lower astral life usually forms nearly the whale of the interval between his incarnations, for as yet he has practically nothing of the life of the heaven-world. The consciousness of the man at this level is undoubtedly centred in quite the lower part of the astral body, and his life is principally governed by sensations connected with the physical plane.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là con người hiện tại có thể hoạt động một cách có ý thức ở những chiều cao đó. Với những kiểu người sơ khai nhất, dục vọng vẫn còn là đặc điểm nổi bật nhất, mặc dù sự phát triển trí tuệ cũng đã tiến triển ở mức độ nào đó. Một người như vậy trong khi sống có một ý thức mờ nhạt trong thể cảm dục khi ngủ, và sau khi chết, y rất ý thức và hoạt động mạnh mẽ trên các cõi phụ thấp hơn của cõi cảm dục. Thực tế, cuộc sống trên cõi cảm dục thấp thường chiếm gần như toàn bộ khoảng thời gian giữa các lần nhập thể, vì y hầu như chưa có bất kỳ phần nào thuộc về đời sống trên cõi trời. Ý thức của người này ở cấp độ này chắc chắn tập trung vào phần thấp nhất của thể cảm dục, và cuộc sống của y chủ yếu bị chi phối bởi các cảm giác liên quan đến cõi trần.

The ordinary man of our own civilization is still living almost entirely in his sensations, although the higher astral is coming into play; but still for him the prominent question which guides his conduct is not in the least what is right or reasonable to do, but simply what he himself desires to do. The more cultured and developed begin to govern desire by reason—that is to say, the centre of consciousness is gradually transferring itself from the higher astral to the lower mental. Slowly as man progresses, it moves up further still, and he begins to be dominated by principle rather than by interest and desire.

Người bình thường trong nền văn minh của chúng ta hiện nay vẫn sống gần như hoàn toàn trong các cảm giác của mình, mặc dù các yếu tố của cõi cảm dục cao hơn bắt đầu hoạt động; nhưng đối với y, câu hỏi quan trọng hướng dẫn hành vi không phải là điều gì đúng hoặc hợp lý để làm, mà chỉ đơn giản là điều y mong muốn làm. Những người văn minh và phát triển hơn bắt đầu kiểm soát dục vọng bằng lý trí—nghĩa là trung tâm tâm thức dần dần chuyển từ cõi cảm dục cao sang cõi hạ trí. Chậm rãi, khi con người tiến hóa, nó tiếp tục dịch chuyển lên cao hơn nữa, và y bắt đầu bị chi phối bởi nguyên tắc thay vì lợi ích và dục vọng.

To be able to use these different bodies as definite vehicles in which the soul can consciously function is another and still greater development. Any fairly advanced and cultured man has consciousness fully developed in the astral body, and is perfectly capable of employing it as a vehicle if he were only in the habit of doing so. But to do this a definite effort would be necessary. The enormous majority of men know nothing at all about the astral body or its uses, and so naturally make no effort of any kind. They have behind them the tradition of the immemorial custom of along series of lives in which the astral faculties have not been used, for these faculties have been gradually and slowly growing inside a shell, somewhat as a chicken grows inside the egg. The shell is composed of the great mass of self-centred thought in which the ordinary man is so hopelessly entombed. Whatever may have been the thoughts chiefly engaging his mind during the day, he usually continues them when falling asleep, and is thus surrounded by so dense a wall of his own making that he practically knows nothing of what is going on outside. Occasionally, but very rarely, some violent impact from without, or some strong desire of his own from within, may tear aside this curtain of mist for the moment and permit him to receive some definite impression; but even then the fog closes in again almost immediately, and he dreams on un-observantly as before. It is obvious that this shell may be broken in various ways.

Khả năng sử dụng các thể khác nhau này như những phương tiện rõ ràng mà linh hồn có thể hoạt động một cách có ý thức là một sự phát triển lớn hơn nữa. Bất kỳ người nào khá tiến hóa và có học thức đều có ý thức đầy đủ trong thể cảm dục và hoàn toàn có khả năng sử dụng nó như một phương tiện nếu y quen với việc làm điều đó. Nhưng để làm được điều này, một nỗ lực cụ thể là cần thiết. Phần lớn con người hoàn toàn không biết gì về thể cảm dục hoặc các công dụng của nó, và vì vậy, tự nhiên họ không cố gắng chút nào. Họ mang trong mình truyền thống từ vô số đời sống trước đây, trong đó các năng lực cảm dục không được sử dụng, vì những năng lực này đã từ từ và chậm rãi phát triển bên trong một cái vỏ, tương tự như cách một con gà phát triển bên trong quả trứng. Cái vỏ này được tạo thành từ khối lượng lớn những suy nghĩ ích kỷ trong đó con người bình thường bị nhốt một cách vô vọng. Dù những suy nghĩ nào chiếm lĩnh tâm trí y trong ngày, y thường tiếp tục những suy nghĩ đó khi chìm vào giấc ngủ, và do đó bị bao quanh bởi một bức tường dày đặc do chính mình tạo ra, đến mức y hầu như không biết gì về những gì đang diễn ra bên ngoài. Thỉnh thoảng, nhưng rất hiếm khi, một tác động mạnh từ bên ngoài, hoặc một dục vọng mạnh mẽ từ bên trong, có thể xé rách bức màn sương mù này trong chốc lát và cho phép y nhận được một ấn tượng rõ ràng; nhưng ngay cả khi đó, màn sương lại khép lại gần như ngay lập tức, và y lại tiếp tục mơ màng như trước. Hiển nhiên là cái vỏ này có thể bị phá vỡ theo nhiều cách.

First.—In the far-distant future the slow but sure

Thứ nhất.—Trong tương lai xa xôi, sự tiến hóa

evolution of the man will undoubtedly gradually dissipate the curtain of mist, so that he will become conscious by degrees of the mighty world of intensely active life which surrounds him.

chậm rãi nhưng chắc chắn của con người sẽ dần dần xua tan màn sương, để y dần nhận thức được thế giới đầy sức sống mãnh liệt xung quanh.

Second.—The man himself, having learnt the facts of the case, may be steady and persistent effort from within clear away the mist, and gradually overcome the inertia resulting from ages of inactivity. This is, of course, merely the hastening of the natural process, and will be in no way harmful if the man's development is proceeding with equal rapidity along other lines. But if he should gain this awakening without having attained at the same time the strength, knowledge, and moral development which would naturally have preceded it, he would be liable to the double danger of misusing such powers as he might acquire, and of being overwhelmed by fear in the presence of forces which he could neither understand nor control.

Thứ hai.—Bản thân người đó, sau khi đã hiểu rõ vấn đề, có thể với nỗ lực bền bỉ từ bên trong, dọn sạch màn sương và vượt qua sự ì trệ do những thời kỳ dài không hoạt động tạo nên. Điều này, tất nhiên, chỉ là việc thúc đẩy nhanh quá trình tự nhiên, và sẽ không gây hại nếu sự phát triển của người đó tiến triển đồng đều trên các phương diện khác. Nhưng nếu y thức tỉnh trước khi đạt được sức mạnh, tri thức và sự phát triển đạo đức cần thiết, y sẽ gặp nguy cơ kép: lạm dụng những năng lực y có thể đạt được và bị choáng ngợp bởi nỗi sợ hãi trước các lực mà y không thể hiểu hoặc kiểm soát.

Third.—It may happen that some accident, or some unlawful use of magical ceremonies, may so rend the veil that it may never be wholly closed; and then the man is left in the terrible condition so well described by Madame Blavatsky in her story of "A Bewitched Life", or by Bulwer Lytton in his powerful novel *Zanoni*.

Thứ ba.—Có thể một tai nạn nào đó, hoặc việc sử dụng sai trái các nghi lễ huyền thuật, sẽ xé rách bức màn đến mức nó không bao giờ có thể đóng lại hoàn toàn; khi đó, người đó rơi vào tình trạng khủng khiếp mà Madame Blavatsky đã mô tả trong câu chuyện *A Bewitched Life*, hoặc Bulwer Lytton đã viết trong tiểu thuyết mạnh mẽ *Zanoni* của ông.

Fourth.—Some friend who knows the man thoroughly, and believes him capable of facing the dangers of the astral plane and doing good unselfish work there, may act upon this cloud-shell from without and rouse the man to definite action. Naturally the man who does this undertakes a very serious responsibility toward the man whom he thus arouses. The elder worker assumes this responsibility only when by long and intimate acquaintance he has become reasonably certain that the younger possesses in some measure all the qualifications mentioned in Chapter XIX of *Invisible Helpers*; but the need of helpers is so great that every aspirant may be absolutely certain that there will not be a day's delay in arousing him as soon as he is seen to be ready. Meantime any who feel themselves overlooked have always the resource of adopting the second method to which I

Thứ tư.—Một người bạn biết rõ người đó và tin rằng y có khả năng đối mặt với những nguy hiểm của cõi cảm dục và làm những công việc vị tha ở đó, có thể tác động lên màn sương từ bên ngoài và khơi dậy hành động rõ ràng ở người đó. Dĩ nhiên, người thực hiện việc này đảm nhận trách nhiệm rất lớn đối với người mà họ đánh thức. Người lao động lớn tuổi chỉ nhận trách nhiệm này khi qua một thời gian dài quen biết và tiếp xúc thân thiết, họ tin chắc rằng người trẻ tuổi có đủ các phẩm chất cần thiết, như đã được đề cập trong Chương XIX của *Invisible Helpers*. Nhưng nhu cầu về những người trợ giúp là rất lớn, và bất kỳ người chí nguyện nào cũng có thể hoàn toàn chắc chắn rằng sẽ không có sự chậm trễ nào trong việc đánh thức họ ngay khi họ được thấy là đã sẵn sàng. Trong khi chờ đợi, bất kỳ ai cảm thấy mình bị bỏ qua luôn có thể chọn áp dụng phương pháp thứ hai được đề cập ở trên; nhưng trước khi

referred above; but before doing so they would be well advised to assure themselves absolutely and beyond any possibility of doubt that they possess the requisite development along other lines, as otherwise their fall will be speedy and certain.

làm điều đó, họ nên đảm bảo rằng mình đã phát triển đầy đủ trên các phương diện khác, nếu không, họ sẽ thất bại nhanh chóng và chắc chắn.

But a great deal of work may be done, and constantly is done, short of this full awakening. A man who falls asleep each night with the definite intention in his mind of doing a certain piece of work, will assuredly go and attempt to carry out his intention as soon as he is freed from his physical body; but having done his best in connection with that particular case, he is almost certain to let the fog close round him once more, simply because he has for ages been unaccustomed to initiate a fresh line of action when functioning apart from the physical brain. Many make a practice of thus ensuring that they may perform at least one helpful action each night; and of course in many cases the action is such as to occupy the whole of the time spent in sleep, so that they are practically exerting themselves to the fullest extent possible for them. We should also remember that it is by no means only during sleep that we can give effective help; the strong living thought can be sent out at any moment, and can never fail in producing its effect. But the difference between the one who has been definitely awakened and the one who has not, is that in the case of the former the curtain of mist has been for ever dissipated, while in the latter it merely opens for the time and then shuts down as impenetrably as before.

Tuy nhiên, có rất nhiều việc có thể làm được, và thực tế vẫn thường được làm, mà không cần đến sự thức tỉnh hoàn toàn. Một người đi ngủ mỗi đêm với ý định rõ ràng trong tâm trí là thực hiện một công việc nào đó, chắc chắn sẽ cố gắng thực hiện ý định đó ngay khi y thoát khỏi thể xác; nhưng sau khi làm xong điều đó, y gần như chắc chắn sẽ để màn sương khép lại quanh mình một lần nữa, đơn giản vì y đã quen thuộc với việc không bắt đầu một hành động mới khi hoạt động tách khỏi não bộ vật lý. Nhiều người thực hành việc đảm bảo rằng mỗi đêm họ sẽ thực hiện ít nhất một hành động giúp đỡ; và tất nhiên, trong nhiều trường hợp, hành động này chiếm toàn bộ thời gian ngủ, do đó họ thực tế đang nỗ lực ở mức tối đa có thể. Chúng ta cũng nên nhớ rằng không chỉ trong giấc ngủ mà chúng ta có thể đưa ra sự giúp đỡ hiệu quả; ý nghĩ sống động mạnh mẽ có thể được gửi đi bất kỳ lúc nào và chắc chắn sẽ tạo ra tác động của nó. Nhưng sự khác biệt giữa người đã thực sự thức tỉnh và người chưa thức tỉnh là ở chỗ: trong trường hợp người đầu tiên, màn sương đã tan biến mãi mãi, trong khi ở người thứ hai, nó chỉ mở ra trong thời gian ngắn rồi lại đóng kín như trước.

CHƯƠNG 10-15

CHAPTER X

THE THIRD OUTPOURING—LẦN TUÔN TRÀO THỨ BA

IN order to understand the formation of the soul in man there is another great factor which must be taken into account. This is the third outpouring of the divine life, which comes from the first aspect of the Logos, and makes within each man that distinctive "spirit of the man which goeth upward" in contradistinction to "the spirit of the beast which goeth downward" which, being interpreted, means that while the soul of the animal pours back after the death of the body into the group-soul or block to which it belongs, the divine spirit in man cannot so fall back again, but rises ever onward and upward towards the divinity from which it came. This third wave of life is represented by the band on the right in Plate III, and it will be noticed that in this case the outpouring does not become darker or more materialized as it proceeds. It appears to be unable of itself to descend lower than the Buddhic plane, and there it hovers like a mighty cloud, waiting for an opportunity of affecting a junction with the second outpouring, which is slowly rising to meet it. Although this cloud seems to exercise a constant attraction upon the essence below it, yet the development which makes the union a possibility must be made from below.

Để hiểu về sự hình thành linh hồn trong con người, cần xem xét một yếu tố quan trọng khác: dòng tuôn chảy thứ ba của sự sống thiêng liêng, đến từ khía cạnh thứ nhất của Thái Dương Thượng Đế (Logos). Dòng tuôn chảy này tạo nên "tinh thần con người hướng lên trên," trái ngược với "tinh thần của loài vật hướng xuống dưới"—một cách diễn giải rằng trong khi linh hồn của động vật sau khi chết trở lại nhóm-linh hồn mà nó thuộc về, tinh thần thiêng liêng trong con người không thể quay lại mà luôn hướng lên trên, tiến về thiêng liêng, nơi nó bắt nguồn. Dòng sống thứ ba này được biểu thị bằng dải màu ở bên phải Hình III, và trong trường hợp này, dòng tuôn chảy không trở nên tối hơn hay vật chất hóa hơn khi tiến triển. Nó không thể tự mình hạ xuống thấp hơn cõi Bồ đề mà chỉ lơ lửng như một đám mây vĩ đại, chờ cơ hội để kết nối với dòng tuôn chảy thứ hai đang từ từ dâng lên để gặp nó. Mặc dù đám mây này dường như luôn thu hút tinh hoa bên dưới, sự phát triển để làm cho sự kết hợp này có thể xảy ra phải được thực hiện từ bên dưới.

The illustration usually given in the East to help the neophyte to comprehend this process is that of the formation of the water-spout. There also we have a great cloud hovering above the sea, on the surface of which waves are constantly forming and moving. Presently a great finger is extended from the cloud—an inverted cone of violently whirling vapor. Underneath this a vortex is rapidly formed in the ocean, but instead of being a depression in its surface, as is the ordinary whirlpool, it is a whirling cone rising above that surface. Steadily the two draw closer and closer together, until they come so near that the power of

Một hình ảnh hình thường được sử dụng ở phương Đông để giúp người học hiểu quá trình này là sự hình thành của vòi rồng. Ở đó, chúng ta cũng thấy một đám mây lớn lơ lửng trên biển, với các đợt sóng liên tục hình thành và di chuyển trên bề mặt. Sau đó, một ngón tay khổng lồ vươn ra từ đám mây—một hình nón đảo ngược của hơi nước xoáy dữ dội. Bên dưới hình nón này, một xoáy nước nhanh chóng hình thành trên đại dương, nhưng thay vì là một chỗ lõm trên bề mặt, như một cơn xoáy thông thường, đó là một hình nón xoáy trồi lên khỏi mặt nước. Hai hình nón từ từ tiến gần nhau, cho đến khi lực hấp dẫn đủ mạnh để vượt qua khoảng cách giữa

attraction is strong enough to overleap the intervening space, and suddenly a great column of mingled water and vapor is formed where nothing existed before.

chúng, và đột nhiên một cột nước và hơi nước lớn được hình thành, nơi trước đó không có gì.

In just the same way the group-souls of the animal kingdom are constantly throwing parts of themselves into incarnation, like the temporary waves on the surface of the sea, and the process of differentiation continues until at last a time comes when one of these waves rises high enough to enable the hovering cloud to effect a junction with it, and it is then drawn up into a new existence neither in the cloud nor in the sea, but between the two and partaking of the nature of both. Thus it is separated from the group-soul of which hitherto it has formed a part, and falls back again into the sea no more.

Tương tự, các nhóm-linh hồn của giới động vật liên tục đưa các phần của mình vào nhập thể, như các sóng tạm thời trên bề mặt biển. Quá trình phân hóa tiếp tục cho đến khi một trong những sóng này dâng cao đủ để cho phép đám mây lơ lửng kết nối với nó, và nó được kéo lên vào một sự tồn tại mới, không thuộc đám mây cũng không thuộc biển, mà nằm giữa hai và mang bản chất của cả hai. Do đó, nó tách khỏi nhóm-linh hồn mà trước đây nó thuộc về và không còn quay lại biển nữa.

Anyone who has made a friend of a really intelligent domestic animal will readily understand how this happens, for he will have seen the intense devotion manifested by the animal for the master whom he loves, and the great mental efforts which he makes to understand his master's wishes and to please him. Obviously both the animal's intellect and his power of affection and devotion will be enormously developed by these efforts; and the time will come when in this way he will raise himself so much above the general level of his group-soul that he will absolutely break away from it, and in doing so become a fit vehicle for this third outpouring, by the junction with which the individual is formed, which thereafter follows its own course of evolution back again to divinity.

Bất kỳ ai từng kết bạn với một động vật được thuần hóa thực sự thông minh sẽ dễ dàng hiểu quá trình này, vì họ đã chứng kiến sự tận tụy mãnh liệt mà động vật thể hiện đối với người chủ nó yêu quý, cùng những nỗ lực trí tuệ to lớn mà nó thực hiện để hiểu ý muốn của chủ và làm hài lòng chủ. Rõ ràng, trí tuệ của động vật và khả năng tình cảm, tận tụy của nó sẽ được phát triển rất nhiều thông qua những nỗ lực này. Cuối cùng, nhờ cách này, nó sẽ nâng mình lên vượt xa mức độ trung bình của nhóm-linh hồn mà nó thuộc về, phá vỡ hoàn toàn khỏi nhóm đó, và trở thành một phương tiện phù hợp cho dòng tuôn chảy thứ ba, thông qua sự kết nối mà một cá nhân được hình thành, từ đó đi theo con đường tiến hóa riêng của mình để quay lại thiêng liêng.

It is sometimes asked why, if the essence was divine in the beginning, and returns again to divinity at the end—if the human monad was all-wise and all-good when it started on its long journey through matter—it was necessary for it to go through all this evolution, including as it does much sorrow and suffering, simply to return to its source in the end. But this question is based on a complete misconception of the facts. When what is sometimes, though perhaps inappropriately, called the human monad came forth from the

Câu hỏi đôi khi được đặt ra là tại sao, nếu bản chất của tinh hoa là thiêng liêng ngay từ đầu và quay lại thiêng liêng ở cuối, nếu chân thần con người (human monad) vốn đã toàn trí và toàn thiện khi nó bắt đầu hành trình dài qua vật chất, thì tại sao cần trải qua tất cả tiến hóa này, bao gồm cả những đau khổ và mất mát, chỉ để trở về nguồn cội? Nhưng câu hỏi này dựa trên một sự hiểu lầm hoàn toàn về sự thật. Khi cái được đôi khi gọi, dù có thể không chính xác, là chân thần con người tách ra từ thiêng liêng, nó chưa phải là một chân thần—chưa

divine it was not a monad at all-still less an all-wise and all-good one. There was no sort of individualization in it—it was simply a mass of monadic essence. The difference between its condition when issuing forth and when returning is exactly like that between a great mass of shining nebulous matter and the solar system which is eventually formed out of it. The nebula is beautiful, no doubt, but vague and useless; the sun formed from it by slow evolution pours life and heat and light upon many worlds and their inhabitants.

nói đến việc toàn trí hay toàn thiện. Nó chưa có bất kỳ hình thức biệt ngã hóa nào—chỉ là một khối tinh hoa Chân thần. Sự khác biệt giữa trạng thái của nó khi xuất phát và khi quay về giống hệt như sự khác biệt giữa một khối vật chất tinh vân sáng chói và hệ mặt trời cuối cùng được hình thành từ nó. Tinh vân, không nghi ngờ gì, rất đẹp, nhưng mơ hồ và vô dụng; mặt trời, được hình thành từ nó qua quá trình tiến hóa chậm rãi, lại tỏa ra sự sống, nhiệt và ánh sáng cho nhiều thế giới và các cư dân của chúng.

Or we may take another analogy. The human body is composed of countless millions of tiny particles, and some of them are constantly being thrown off from it. Suppose that it were possible for each of these particles to go through some kind of evolution by means of which it would in time become a human being, we should not say that because it had been in a certain sense human at the beginning of that evolution, it had therefore not gained anything when it reached the end. The essence comes forth as a mere outpouring of force, even though it be divine force; it returns in the form of thousands of millions of mighty adepts, each capable of himself developing into a Logos.

Hoặc chúng ta có thể sử dụng một sự so sánh khác. Cơ thể con người được cấu thành từ hàng triệu triệu hạt nhỏ bé, và một số trong số đó liên tục được thải ra khỏi cơ thể. Giả sử rằng mỗi hạt này có thể trải qua một loại tiến hóa nào đó mà theo thời gian nó sẽ trở thành một con người, chúng ta sẽ không nói rằng bởi vì hạt này đã thuộc về con người theo một cách nào đó ở điểm bắt đầu của tiến hóa, mà nó không đạt được gì khi nó đạt đến điểm cuối. Tinh hoa bắt đầu như một dòng tuôn chảy đơn thuần của năng lượng, ngay cả khi đó là năng lượng thiêng liêng; nhưng nó trở về dưới hình thức hàng triệu triệu Chân sư vĩ đại (adepts), mỗi vị trong số họ tự mình có khả năng tiến hóa thành một Thái Dương Thượng Đế (Logos).

It is this wonderful course of evolution that we shall try to represent to a certain extent in our series of illustrations, and though the most that we can do is to endeavour to portray the change which takes place in the various vehicles of the man as he develops; it is yet hoped that some idea of the progress may thus be conveyed to those who are as yet unable to see. There is one point in connection with the junction which we have been trying to describe which requires further explanation. A curious change has taken place in the position of the monadic essence. All the way through its long ages of evolution in all the previous kingdoms, it has invariably been the ensouling and energising principle—the force behind whatever forms it may have temporarily occupied. But now that which has hitherto been the ensouler becomes itself in turn the ensouled; from that monadic essence which was part of the animal group-soul is now

Chính hành trình tiến hóa tuyệt vời này mà chúng ta sẽ cố gắng biểu thị ở mức độ nào đó thông qua chuỗi hình hình, và mặc dù điều tốt nhất chúng ta có thể làm là cố gắng mô tả sự thay đổi xảy ra trong các thể khác nhau của con người khi y phát triển, nhưng hy vọng rằng thông qua đó, một số ý niệm về tiến trình này có thể được truyền đạt đến những người chưa thể nhìn thấy. Có một điểm liên quan đến sự kết hợp mà chúng ta đang cố gắng miêu tả cần được giải thích thêm. Một sự thay đổi kỳ lạ đã xảy ra trong vị trí của tinh hoa Chân thần. Trong suốt các thời đại dài của tiến hóa trong các giới trước đó, tinh hoa Chân thần luôn luôn là nguyên lý năng động và linh hồn hóa—là lực lượng đằng sau bất kỳ hình tướng nào mà nó có thể tạm thời chiếm giữ. Nhưng giờ đây, cái từng là linh hồn hóa trở thành linh hồn hóa bởi chính nó; từ tinh hoa Chân thần vốn là một phần của nhóm-linh hồn động vật, giờ đây hình thành nên thể nhân quả—

formed the causal body—a splendid ovoid form of living light, into which the still more glorious light and life from above has descended, and by means of which that higher life is enabled to express itself as the human individuality.

một hình cầu ovoid sống động rực rỡ ánh sáng, trong đó ánh sáng và sự sống thiêng liêng từ trên cao đã giáng xuống, và nhờ đó, sự sống cao hơn này có thể biểu hiện chính mình như một cá nhân con người.

Nor should any think that it is an unworthy goal to reach as a result of so long and weary an evolution, thus to have become a vehicle of this last and grandest outpouring of the divine Spirit; for it must be remembered that without the preparation of this vehicle to act as the connecting link, the immortal individuality of man could never come into being. No fragment of the work which has been done through all these ages is lost, and nothing has been useless. For the upper triad thus formed becomes a transcendent unity, "not by conversion of the Godhead into flesh, but by taking of the manhood into God". Without that long course of evolution this final consummation could never have been reached, that man should rise to the level of divinity, and that thus the very Logos Himself should be made more perfect, in that He has of His own offspring those upon whom that love which is the essence of His divine nature has for the first time been fully lavished, and by whom it can be returned.

Không ai nên nghĩ rằng đạt được trạng thái này là một mục tiêu tầm thường, khi đây là kết quả của một hành trình tiến hóa lâu dài và đầy khó nhọc, để trở thành một phương tiện cho dòng tuôn chảy cuối cùng và vĩ đại nhất của Tinh Thần Thiêng Liêng. Cần nhớ rằng nếu không có sự chuẩn bị của phương tiện này để làm cầu nối, thì cá nhân bất tử của con người sẽ không bao giờ có thể tồn tại. Không một phần nhỏ nào trong công việc đã được thực hiện qua suốt các thời đại bị lãng phí, và không điều gì là vô ích. Tam nguyên thượng (upper triad) được hình thành như thế trở thành một sự thống nhất siêu việt, "không phải bởi sự chuyển hóa Thần tính thành xác thịt, mà bởi sự đưa nhân tính vào trong Thần tính." Nếu không có hành trình tiến hóa lâu dài này, sự thành tựu cuối cùng này không bao giờ có thể đạt được, để con người có thể vươn tới mức độ thiêng liêng, và để Thái Dương Thượng Đế tự Ngài cũng trở nên hoàn thiện hơn, nhờ có những đứa con của chính Ngài—những người mà tình yêu, vốn là bản chất của Ngài, lần đầu tiên được dâng trọn vẹn và được đáp lại.

A stage of development much in advance of the ordinary man is typified for us by the band on the extreme right of the diagram in Plate IV. There we have the image of the highly spiritual man, whose consciousness has already evolved even beyond the causal body, so that he is able to function freely upon the Buddhic plane, and has also a consciousness (at least when out of the body) upon a plane still higher than that, as is hinted by the white point. It will be seen that in his case the centre of consciousness (denoted by the widest part of the ribbon) is not at all, as before, upon the physical and astral planes, but lies between the higher mental and the Buddhic. The higher mental and the higher astral are in him much more developed than their lower parts, and although he still retains his physical body, as is shown by the fact that the lower point of the band still reaches the lowest physical limit, yet this *is* only a point,

Một giai đoạn phát triển vượt xa người bình thường được biểu thị bằng dải màu ở cực phải của sơ đồ trong Hình IV. Ở đó, chúng ta thấy hình ảnh của một con người có tinh thần cao siêu, người mà ý thức đã tiến hóa vượt qua cả thể nhân quả, đến mức y có thể hoạt động tự do trên cõi Bồ đề và cũng có ý thức (ít nhất là khi thoát khỏi thể xác) trên một cõi cao hơn nữa, điều này được biểu thị bằng điểm trắng. Có thể thấy rằng trong trường hợp này, trung tâm ý thức (biểu thị bằng phần rộng nhất của dải màu) không còn nằm trên các cõi trần và cõi cảm dục như trước đây, mà nằm giữa cõi thượng trí và cõi Bồ đề. Trong y, cõi thượng trí và cõi cảm dục cao được phát triển vượt trội hơn nhiều so với các phần thấp hơn của chúng. Mặc dù y vẫn giữ thể xác của mình, như được biểu thị qua thực tế rằng điểm thấp nhất của dải vẫn chạm đến giới hạn thấp nhất của cõi trần, nhưng đây chỉ là một điểm nhỏ. Điều này có nghĩa là y duy trì hình tướng vật lý này chỉ

which means that he holds this physical form merely for the convenience of working in it, and not in any way because his thoughts and desires are fixed there. He has long ago transcended all karma which could bind him to incarnation; and if he now takes upon himself the vehicles of the lower planes, it is simply in order that through them he may be able to work for the good of humanity, and to pour out at these levels influence which otherwise could not descend thereto. For the vibrations of certain types of the divine force are in themselves too fine to be appreciated by the grosser essence of these lower planes; but if they descend to them through the channel of one whose vehicles at these levels are perfectly pure, then they can be appreciated even down here, and so their work may be done.

để tiện lợi cho công việc mà y thực hiện trong đó, chứ không phải vì tư tưởng và dục vọng của y còn bị ràng buộc ở đó. Y đã từ lâu vượt qua tất cả nghiệp quả (karma) có thể buộc y phải tái sinh; và nếu hiện tại y vẫn mang các thể thuộc các cõi thấp hơn, đó chỉ là để thông qua chúng, y có thể làm việc vì lợi ích của nhân loại và truyền xuống các mức độ này những ảnh hưởng mà nếu không, sẽ không thể hạ xuống. Lý do của điều này là vì các rung động của một số loại mãnh lực thiêng liêng vốn dĩ quá tinh tế để có thể được cảm nhận bởi bản chất thô kệch của các cõi thấp hơn. Tuy nhiên, nếu các rung động đó đi qua một kênh mà các thể ở những mức độ này hoàn toàn tinh khiết, thì chúng có thể được cảm nhận ngay cả ở đây, và do đó công việc của chúng có thể được thực hiện.

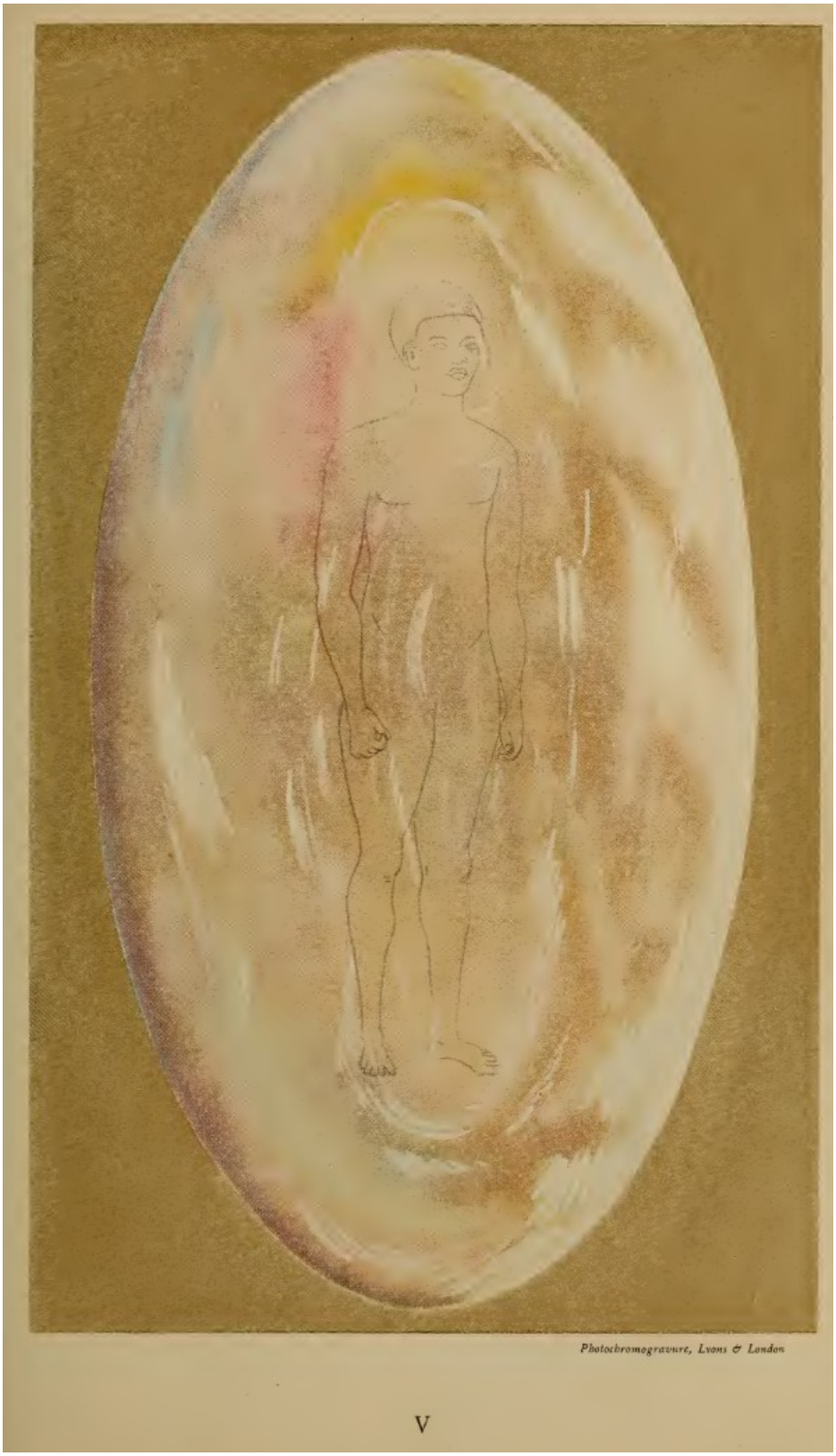


Plate 5-Nhân thể người sơ khai

When this causal body is newly formed it is transparent yet iridescent, like a gigantic soap-bubble, when viewed by the higher clairvoyant sight—that is to say, when examined at its own level by one who has fully developed the faculties of his own causal body, for it is only to such sight that it would be visible at all. But at this stage it also resembles the soap-bubble in being almost empty in appearance, for the divine force which is really contained within it has as yet had no time to develop its latent qualities by learning to vibrate in response to impacts from without, and consequently there is little color. What little there is comes because certain qualities have been already evolved within the group-soul of which that causal body previously formed a part, and it is in process of communicating these to the force within, so that there is already a certain vibration at the rates corresponding to these; and consequently faint indications of these rates of vibrations are even now observable within the form as dawning gleams of color. Plate V will give us some idea of its appearance at (or soon after) this stage, and it may be taken to represent the causal body of the primitive man. The grey shading at the left side of this illustration must not be taken as meaning any quality in the body; in fact it is not really present in it at all, but is introduced by the artist simply to give the effect of rotundity to the bubble.

Khi thể nhân quả mới được hình thành, nó trong suốt nhưng óng ánh, giống như một bong bóng xà phòng khổng lồ, khi được quan sát bằng thông nhãn cao cấp—nghĩa là, khi được khảo sát ở mức độ của chính nó bởi một người đã phát triển đầy đủ các năng lực của thể nhân quả của mình, vì chỉ đối với loại nhãn quang này nó mới có thể được nhìn thấy. Nhưng ở giai đoạn này, nó cũng giống như bong bóng xà phòng ở chỗ trông gần như trống rỗng, vì năng lượng thiêng liêng thực sự chứa đựng trong nó chưa có thời gian để phát triển các phẩm chất tiềm ẩn qua việc học cách rung động để đáp ứng các tác động từ bên ngoài, và do đó có rất ít màu sắc. Một chút màu sắc có được là do một số phẩm chất đã được phát triển trong nhóm-linh hồn mà thể nhân quả này từng thuộc về, và hiện đang được truyền đạt vào năng lượng bên trong, để tạo ra các rung động tương ứng với chúng. Kết quả là, một vài dấu hiệu của các rung động này đã có thể quan sát được bên trong hình thể như những ánh sáng màu mờ nhạt đầu tiên. Hình V sẽ cho chúng ta một ý tưởng về diện mạo của nó ở (hoặc ngay sau) giai đoạn này, và nó có thể được xem như đại diện cho thể nhân quả của con người nguyên thủy. Phần bóng xám ở phía trái của hình hình không mang ý nghĩa biểu thị phẩm chất nào trong thể nhân quả; thực tế nó không thực sự tồn tại trong thể này mà được họa sĩ thêm vào để tạo hiệu ứng hình cầu.

But although the man now possesses a causal body, he is very far from being sufficiently conscious to receive or respond to impressions at that level; and since the appointed method for the evolution of his latent qualities is, as has been said, by means of impacts from without, it is obviously necessary that he should descend far enough to meet such impacts as can affect him. Therefore it is that the method of progress destined for him is that by reincarnation—that is. to say, by putting forth part of himself into these lower planes for the sake of the experience to be gained there and of the qualities which that experience develops, and then withdrawing back again into himself, bearing with him the results of his endeavour. Indeed, this putting forth of a part of himself into incarnation may be not inaptly likened to an investment; he expects, if all goes well, to reclaim not only the

Tuy nhiên, mặc dù con người lúc này sở hữu một thể nhân quả, y còn rất xa mới đạt đủ ý thức để nhận hoặc đáp ứng các ấn tượng ở mức độ đó; và vì phương pháp tiến hóa được định trước cho các phẩm chất tiềm ẩn của y, như đã đề cập, là thông qua các tác động từ bên ngoài, rõ ràng là y phải hạ xuống đủ để tiếp xúc với những tác động có thể ảnh hưởng đến y. Vì vậy, phương pháp tiến bộ được định trước cho y là thông qua luân hồi—nghĩa là, đặt một phần của chính mình vào các cõi thấp hơn để thu thập kinh nghiệm và phát triển các phẩm chất từ những kinh nghiệm đó, sau đó rút trở lại chính mình, mang theo kết quả của những nỗ lực đó. Quá trình đặt mình vào nhập thể này có thể được ví như một khoản đầu tư; y kỳ vọng, nếu mọi thứ thuận lợi, sẽ thu hồi không chỉ toàn bộ vốn mà còn cả một khoản lãi đáng kể, và thông thường y đạt được điều này. Nhưng giống như các khoản đầu

whole of his capital but also a considerable amount of interest, and he usually obtains this. But as with other investments, there is occasionally an opportunity of loss as well as of gain; for it is possible that some portion of that which he puts down may become so entangled with the lower matter through which it has to work, that it may be impossible wholly to reclaim it. The consideration of how this may happen hardly belongs to our present subject, but it will be found fully explained in *The Astral Plane*.

tư khác, đôi khi có khả năng thua lỗ cũng như thu lợi; vì có thể một phần của những gì y đặt xuống bị vướng quá sâu vào vật chất thấp mà y không thể hoàn toàn thu hồi lại. Tuy nhiên, việc xem xét cách phần nào đó của những gì y đặt xuống có thể bị vướng mắc quá mức với vật chất thấp và không thể hoàn toàn thu hồi lại thuộc về một chủ đề khác, nhưng điều này đã được giải thích đầy đủ trong *Cõi Cảm dục* (*The Astral Plane*).

The soul puts himself down under the impulse of what in the East is called *Trishna*, the thirst for manifested existence, the desire to feel himself alive. He plunges about in the sea of matter, he strengthens self by selfishness, and shows himself to astral vision under the very unlovely guise depicted in Plate VII. Very gradually he learns that there is a higher evolution and that the strong shell of selfishness (which was necessary for the formation of a powerful centre) becomes a hindrance to the growth of that centre after it has once been formed, and so must be broken up and thrown aside, just as scaffolding must be removed when the building is finished, though it was necessary during its erection. Slowly through many incarnations his astral presentment develops from that of Plate VII to that of Plate X, and later still to that of Plate XXIII. We shall try to follow this evolution, and illustrate it at its different stages.

Linh hồn hạ mình xuống dưới sự thúc đẩy của cái mà ở phương Đông gọi là *Trishna*—sự khao khát mãnh liệt muốn tồn tại trong biểu hiện, mong muốn cảm nhận rằng bản thân đang sống. Y đắm mình trong biển vật chất, củng cố cái tôi thông qua lòng ích kỷ, và hiện ra dưới ánh nhìn cảm dục với dáng vẻ không mấy đẹp đẽ như được hình trong Hình VII. Rất chậm rãi, y học được rằng có một tiến trình tiến hóa cao hơn, và lớp vỏ mạnh mẽ của sự ích kỷ (vốn cần thiết để hình thành một trung tâm mạnh mẽ) trở thành một trở ngại cho sự phát triển của trung tâm đó khi nó đã được hình thành, và do đó phải được phá vỡ và loại bỏ, giống như giàn giáo phải được tháo dỡ khi công trình xây dựng đã hoàn thành, dù rằng nó cần thiết trong giai đoạn xây dựng. Qua nhiều lần nhập thể, sự biểu hiện cảm dục của y từ từ tiến hóa từ hình dạng trong Hình VII đến hình dạng trong Hình X, và sau này đến Hình XXIII. Chúng ta sẽ cố gắng theo dõi sự tiến hóa này và hình nó ở các giai đoạn khác nhau.

CHAPTER XI

HOW MAN EVOLVES—CON NGƯỜI TIẾN HOÁ NHƯ THẾ NÀO

THE soul puts himself down first into the matter of the lower levels of the mental plane. Immediately, and in a certain sense automatically, a vesture of this matter is drawn round him, a vesture which is an exact expression of such qualities as already exist in him, so far at least as they can be expressed at that level.

Linh hồn đầu tiên đặt mình vào vật chất của các mức thấp hơn thuộc cõi trí. Ngay lập tức, và theo một nghĩa nào đó, một lớp vỏ vật chất được bao quanh linh hồn, một lớp vỏ là sự biểu hiện chính xác của những phẩm chất đã tồn tại trong linh hồn, ít nhất là trong chừng mực chúng có thể được biểu hiện ở mức độ đó.

For it must never be forgotten that each stage in the descent means submission to limitation, and that consequently no expression of the soul upon any lower level can ever be a perfect expression. It is merely an indication of its qualities, just as a picture painted by an artist is a representation in two dimensions of a scene existing (or imagined as existing) in three dimensions. The picture represents the scene as nearly as it can be represented on a flat surface by means of perspective, but in reality almost every line and angle in it must of necessity be unlike the line or angle which it is intended to image. In exactly the same way the true quality as it exists in the soul cannot be expressed in matter of any lower level; the vibrations of the lower matter are altogether too dull and sluggish to represent it, the string is not sufficiently stretched to enable it to respond to the note which resounds from above. It can, however, be tuned to correspond with it in a lower octave, like a man's voice singing in unison with a boy's, expressing the same sound as nearly as the capabilities of the organism permit.

Điều cần luôn ghi nhớ là mỗi giai đoạn trong sự hạ xuống này đồng nghĩa với sự chấp nhận các giới hạn, và do đó, không có sự biểu hiện nào của linh hồn ở bất kỳ mức độ thấp hơn nào có thể là một sự biểu hiện hoàn hảo. Đó chỉ là một chỉ báo về các phẩm chất của linh hồn, giống như một bức tranh do một họa sĩ vẽ là một hình ảnh hai chiều của một cảnh tồn tại (hoặc được tưởng tượng là tồn tại) trong ba chiều. Bức tranh biểu thị cảnh đó gần như có thể được biểu thị trên một bề mặt phẳng thông qua phối cảnh, nhưng thực tế, hầu như mọi đường nét và góc độ trong đó đều không giống với đường nét hay góc độ thực sự mà nó có ý định mô phỏng. Chính xác theo cách đó, phẩm chất thực sự của linh hồn không thể được biểu hiện trong vật chất ở các mức thấp hơn; rung động của vật chất thấp hơn quá đờ đẫn và chậm chạp để biểu thị được chúng, dây đàn không được kéo căng đủ để có thể đáp ứng với âm thanh vang lên từ trên cao. Tuy nhiên, nó có thể được điều chỉnh để tương ứng với chúng ở một quãng tám thấp hơn, giống như giọng hát của một người đàn ông hòa cùng giọng của một cậu bé, biểu thị cùng âm thanh gần như trong phạm vi mà khả năng của cơ thể cho phép.

Thus the color which expresses a certain quality in the causal body will express it also in the mind body and even in the astral body, but the color will be less delicate, less luminous and ethereal as we descend. The difference between these octaves of color is very far greater than can be in any way represented upon paper or canvas; we can endeavor to image it only by stages or qualities, for even the next octave above the physical is entirely beyond the conception of our mind as long as it

Do đó, màu sắc biểu thị một phẩm chất nhất định trong thể nhân quả cũng sẽ biểu thị nó trong thể trí và thậm chí trong thể cảm dục, nhưng màu sắc sẽ kém tinh tế, kém sáng và thanh thoát hơn khi chúng ta đi xuống. Sự khác biệt giữa các quãng tám của màu sắc này lớn hơn rất nhiều so với bất kỳ điều gì có thể được biểu thị trên giấy hoặc vải; chúng ta chỉ có thể cố gắng hình dung chúng qua các giai đoạn hoặc phẩm chất, bởi vì ngay cả quãng tám tiếp theo trên cõi trần cũng hoàn toàn vượt

works under the limitation of the physical brain. The lowest astral colors may be thought of as dark and coarse, and they certainly are so as compared to the higher and purer hues, but at least they are luminous in their coarseness; they are not so much dark *color* in our ordinary sense of the word, as dimly glowing fire.

ngoài khả năng tưởng tượng của tâm trí chúng ta khi nó còn bị giới hạn bởi bộ não vật lý. Màu sắc thấp nhất trên cõi cảm dục có thể được hình dung như đậm và thô, và chúng thực sự như vậy khi so sánh với các sắc thái cao và tinh khiết hơn, nhưng ít nhất chúng cũng phát sáng trong sự thô kệch của chúng; chúng không phải là màu đậm theo nghĩa thông thường của từ này, mà giống như lửa âm ỉ.

At each stage as we ascend we shall find that while the higher matter exhibits a splendid power of expression of the nobler qualities, it gradually loses the power to express some which are lower. The peculiarly unpleasant hue which represents coarse sensuality in the astral body is quite incapable of reproducing itself in mental matter. It may be objected that this surely should not be so, as a man may undoubtedly have a sensual thought; but this idea does not seem accurately to represent the facts. A man may form a mental image which evokes sensual feeling in him, but the thought and the image will express themselves in astral matter, and not in mental. It will leave a very definite impression of its peculiar hue upon the astral body, but in the mental body it will intensify the colors which represent its concomitant mental evils of selfishness, conceit and deception. These in their turn will find no expression whatever in the resplendent glory of the causal body, but every intensification of them in the lower vehicle, every indulgence in them down here, tends somewhat to dim the luminosity of the colors representing the development of the opposite virtues in that higher existence, which is so much nearer to reality.

Ở mỗi giai đoạn khi chúng ta đi lên, chúng ta sẽ nhận thấy rằng trong khi vật chất cao hơn biểu thị khả năng tuyệt vời trong việc biểu hiện các phẩm chất cao quý hơn, thì nó dần mất khả năng biểu hiện một số phẩm chất thấp hơn. Sắc thái khó chịu đặc trưng cho sự thô tục trong thể cảm dục hoàn toàn không thể tái tạo trong vật chất trí tuệ. Có thể có ý kiến phản bác rằng điều này không đúng, vì con người có thể nghĩ đến những ý tưởng thô tục; nhưng ý nghĩ này dường như không phản ánh đúng sự thật. Một người có thể hình thành một hình ảnh trí tuệ gợi lên cảm giác thô tục trong y, nhưng suy nghĩ và hình ảnh đó sẽ biểu hiện trong vật chất cảm dục chứ không phải trong vật chất trí tuệ. Nó sẽ để lại một ấn tượng rất rõ ràng với sắc thái đặc trưng của nó trên thể cảm dục, nhưng trong thể trí, nó sẽ làm tăng cường màu sắc biểu thị các thói xấu trí tuệ kèm theo như ích kỷ, kiêu ngạo, và lừa dối. Những thói xấu này, đến lượt chúng, sẽ không tìm thấy sự biểu hiện nào trong sự huy hoàng rực rỡ của thể nhân quả, nhưng mỗi sự tăng cường chúng trong các thể thấp hơn, mỗi lần buông thả trong các thói xấu đó ở đây, sẽ làm mờ đi ánh sáng rực rỡ của các màu sắc biểu thị sự phát triển của những đức hạnh đối lập trong sự tồn tại cao hơn này, nơi gần với thực tại hơn nhiều.

The process by which the colors are produced works always from below upward. The man feels some impact from without, and in response to it a wave of emotion of some sort is awakened within him. That means that for the moment, while the emotion endures; the particular type of vibration (which represents it) is predominant in the astral body, as will presently be shown in our illustrations. After a time the emotion dies down, and the color corresponding to it fades away—but not entirely. A certain proportion of the matter of the astral body is normally oscillating at the

Quá trình mà các màu sắc được tạo ra luôn hoạt động từ dưới lên. Con người cảm nhận một tác động từ bên ngoài, và để đáp lại, một làn sóng cảm xúc nào đó được khơi dậy trong y. Điều này có nghĩa là trong khoảnh khắc đó, khi cảm xúc còn tồn tại, loại rung động cụ thể (biểu thị nó) chiếm ưu thế trong thể cảm dục, như sẽ được hình trong các hình ảnh hình của chúng ta. Sau một thời gian, cảm xúc lắng dịu, và màu sắc tương ứng với nó phai nhạt đi —nhưng không hoàn toàn biến mất. Một phần nhất định của vật chất trong thể cảm dục thường xuyên dao động ở tốc độ đặc trưng cho cảm xúc đó,

especial rate appropriate to that emotion, and every great outburst of it adds somewhat to this proportion.

và mỗi lần bùng phát cảm xúc mạnh mẽ sẽ làm gia tăng phần vật chất này.

For example, men have within them a certain amount of irritability, which expresses itself in the astral body as a scarlet cloud. When the man manifests that irritability by some special outburst of temper the whole astral vehicle is temporarily suffused with scarlet. The fit of passion subsides, and the scarlet flush dies away, but it has left its traces behind, for there is a slight permanent addition to the size of the scarlet cloud of irascibility, and the whole matter of the astral body is a little more ready than before to respond to the vibration of anger when any opportunity offers. Naturally, exactly the same course is followed in the case of any other emotion, whether it be good or bad; and thus we see the clear manifestation in matter of the moral law, that every time we yield to a passion of any kind, we make it a little more difficult for ourselves to resist its next attack; while every successful effort at its repression makes the next victory a little easier.

Ví dụ, trong con người có một lượng nhất định của tính cáu kỉnh, biểu hiện trong thể cảm dục như một đám mây đỏ tươi. Khi con người biểu lộ tính cáu kỉnh này qua một cơn giận dữ đặc biệt, toàn bộ thể cảm dục tạm thời bị nhuộm màu đỏ tươi. Cơn giận lắng xuống, và ánh đỏ mờ dần, nhưng nó để lại dấu vết, vì có một sự gia tăng nhỏ nhưng vĩnh viễn trong kích thước của đám mây đỏ tượng trưng cho sự cáu kỉnh, và toàn bộ thể cảm dục trở nên dễ dàng phản ứng hơn trước rung động của sự tức giận khi có cơ hội phát sinh. Tất nhiên, điều tương tự cũng xảy ra với bất kỳ cảm xúc nào khác, dù tốt hay xấu; và như vậy, chúng ta thấy sự biểu hiện rõ ràng trong vật chất của luật đạo đức, rằng mỗi khi chúng ta khuất phục trước một đam mê nào đó, chúng ta làm cho việc chống lại nó trong lần tấn công tiếp theo khó khăn hơn; trong khi mỗi nỗ lực thành công trong việc kìm chế sẽ làm cho chiến thắng tiếp theo dễ dàng hơn một chút.

The comparatively permanent color in the astral body means a persistent vibration, which in course of time produces its due effect upon the mental body also, creating a vibration of similar character at that much higher level—provided that the vibration is of such a character as can be reproduced in that finer matter. It is by the same method of exciting sympathetic vibration that the higher qualities developed by the life on lower planes are gradually built into the causal body itself, though at that level, fortunately for us, only the effect of the loftier emotions can be recorded.

Màu sắc tương đối ổn định trong thể cảm dục biểu thị một rung động bền bỉ, điều mà theo thời gian tạo ra tác động tương ứng lên thể trí, tạo nên một rung động có cùng tính chất ở mức độ cao hơn—với điều kiện rằng rung động này thuộc loại có thể được tái tạo trong vật chất tinh tế hơn đó. Chính nhờ phương pháp kích thích rung động cộng hưởng này mà các phẩm chất cao hơn, được phát triển qua đời sống trên các cõi thấp, dần được xây dựng thành thể nhân quả, mặc dù ở mức độ đó, may mắn cho chúng ta, chỉ những tác động của các cảm xúc cao thượng mới có thể được ghi lại.

So, in the course of his many lives, man develops within himself many qualities, some good, some evil; but while all good development is steadily stored up and accumulated within the causal body, that which is evil can express itself only through the lower vehicles, and so is comparatively impermanent. Under the mighty law of divine justice, every man receives absolutely the exact results of his own action, whether it be bad or good; but the evil necessarily works out its effects upon

Do vậy, trong suốt nhiều kiếp sống, con người phát triển trong chính mình nhiều phẩm chất, một số tốt, một số xấu; nhưng trong khi mọi sự phát triển tốt đều được lưu trữ và tích lũy một cách bền vững trong thể nhân quả, thì những điều xấu chỉ có thể biểu hiện qua các thể thấp hơn, do đó chúng tương đối không bền vững. Theo luật công bằng thiêng liêng vĩ đại, mỗi người nhận lại chính xác kết quả từ hành động của mình, dù tốt hay xấu; nhưng điều xấu nhất thiết phải thực hiện tác động của nó trên

the lower planes, because it is only in the matter of those planes that its vibrations can be expressed, and it has no overtones capable of awakening a response in the causal body. Its force, therefore, is all expended at its own level, and it reacts in its entirety upon its creator in his astral and physical life, whether it be in this or in future incarnations.

các cõi thấp hơn, bởi vì chỉ trong vật chất của những cõi đó, rung động của nó mới có thể được biểu hiện, và nó không có các tần số cao để kích thích một phản ứng trong thể nhân quả. Do vậy, năng lượng của nó hoàn toàn được tiêu hao ở mức độ của chính nó, và nó phản ứng toàn bộ lên người tạo ra nó trong đời sống cảm dục và vật lý của y, dù là trong kiếp sống này hay trong các lần nhập thể tương lai.

The good action or thought produces its results upon these lower planes too, but in addition to that it has the immensely higher and permanent effect upon the causal body which is so prominent a factor in the evolution of man. Thus, while all alike produce their results down here, and manifest them in the various temporary vehicles, it is the good qualities only which are retained as so much definite gain to the real man. The evil meets him again and again on his successive descents into incarnation, until he has vanquished it, and finally rooted out from his vehicles all tendency to respond to it-until, in fact, he is no longer liable to be swept away by any passion or desire, but has learnt to rule himself from within.

Hành động hay suy nghĩ tốt cũng tạo ra kết quả ở các cõi thấp hơn, nhưng ngoài ra, nó còn có một tác động cao hơn và lâu dài đối với thể nhân quả, điều này đóng vai trò nổi bật trong sự tiến hóa của con người. Như vậy, trong khi mọi hành động, dù tốt hay xấu, đều tạo ra kết quả ở đây và biểu hiện qua các thể tạm thời, thì chỉ có những phẩm chất tốt mới được giữ lại như một thành tựu xác định của con người thực sự. Điều xấu sẽ tái hiện với con người trong các lần hạ xuống nhập thể tiếp theo, cho đến khi y đã chế ngự nó và cuối cùng nhổ tận gốc mọi khuynh hướng trong các thể của mình để phản ứng với nó—cho đến khi, thực tế, y không còn bị cuốn trôi bởi bất kỳ đam mê hay dục vọng nào, mà đã học cách tự kiểm soát bản thân từ bên trong.

CHAPTER XII

WHAT HIS BODIES SHOW US—NHỮNG THỂ CỦA CON NGƯỜI CHO CHÚNG TA BIẾT ĐIỀU GÌ

THIS process of learning is a gradual one, and the earlier manifestations of the undeveloped man upon the lower planes are by no means beautiful to see. The primitive man whose causal body is represented in Plate V would be likely to possess such a mental body as is shown in Plate VI, and an astral body of the type given in Plate VII.

Quá trình học hỏi này diễn ra dần dần, và những biểu hiện ban đầu của con người chưa phát triển trên các cõi thấp thường không đẹp mắt. Người nguyên thủy có thể sở hữu một thể nhân quả như hình trong Hình V, một thể trí như trong Hình VI, và một thể cảm dục thuộc loại được trình bày trong Hình VII.

It must be understood that all these bodies occupy the same space, and interpenetrate one another; so that in looking clairvoyantly at the primitive man we should observe his physical body surrounded by a luminous ovoid mist, but that mist would present to us the appearance of Plate V, Plate VI, or Plate VII according to the type of clairvoyance which we employed.

Cần hiểu rằng tất cả các thể này chiếm cùng một không gian và xuyên thấu lẫn nhau; vì vậy, khi quan sát bằng thông nhãn, chúng ta sẽ thấy thể xác của người nguyên thủy được bao quanh bởi một màn sương ovoid sáng, nhưng màn sương này sẽ hiện ra như Hình V, Hình VI, hoặc Hình VII, tùy thuộc vào loại thông nhãn mà chúng ta sử dụng.

Using our own astral senses, we should see his astral body only, and should learn from that what passions or emotions or sensations he was at the moment experiencing, and to which of these he was in the habit of yielding himself frequently. This is the field of the manifestation of desire—the mirror in which every feeling is instantly reflected, in which even every thought which has in it anything that touches the personal self must express itself. From its material a bodily form is given to the dark elements which men create and set in motion by evil wishes and malicious feelings; from it also are bodied forth the beneficent elementals called into life by good wishes, gratitude and love.

Khi sử dụng giác quan cảm dục, chúng ta sẽ chỉ thấy thể cảm dục của y và từ đó biết được y đang trải nghiệm những đam mê, cảm xúc hay cảm giác nào vào thời điểm đó, và những điều nào y thường xuyên buông mình theo. Đây là cõi giới biểu hiện của dục vọng—một tấm gương phản chiếu ngay lập tức mọi cảm giác, trong đó thậm chí mọi suy nghĩ có liên quan đến bản ngã cá nhân cũng phải biểu hiện. Từ vật chất của cõi này, một hình tướng thân thể được tạo ra cho các yếu tố bóng tối mà con người tạo nên và vận động qua những ý muốn xấu xa và cảm xúc ác ý; từ đó cũng được tạo ra các tinh linh thiện lành do những ý muốn tốt đẹp, lòng biết ơn và tình thương khơi dậy.

As might naturally be expected, there is little of permanence about its manifestations; its colors, its brilliance, the rate of its pulsations, are all changing from moment to moment. An outburst of anger will charge the whole astral body with deep-red flashes on a black ground; a sudden fright will instantaneously veil everything in a mist of ghastly, livid grey. Nevertheless, there will be moments when even this fluctuating astral vehicle

Như có thể dự đoán, các biểu hiện của thể cảm dục ít mang tính bền vững; màu sắc, độ sáng, và tốc độ dao động của nó thay đổi liên tục từng khoảnh khắc. Một cơn giận dữ bùng phát sẽ làm toàn bộ thể cảm dục tràn ngập những tia đỏ đậm trên nền đen; một cơn sợ hãi bất ngờ sẽ ngay lập tức che phủ mọi thứ bằng một màn sương xám nhợt nhạt, ghê rợn. Tuy nhiên, vẫn có những khoảnh khắc khi ngay cả thể cảm dục luôn biến động này cũng tương đối yên

is comparatively at rest, and it will then show a definite group of colors which retain more or less the same arrangement. Such a moment is that chosen for our illustration in Plate VII, and from this, as we shall presently see, a good deal of information about the man may be obtained.

tĩnh, và khi đó, nó sẽ thể hiện một nhóm màu sắc nhất định giữ nguyên bố cục hơn hoặc kém. Một khoảnh khắc như vậy đã được chọn để hình trong Hình VII, và từ đây, như chúng ta sẽ thấy, có thể thu thập được khá nhiều thông tin về con người đó.

Using our mental sight, it would be the mental body of our primitive friend that we should perceive, and it would probably resemble that illustrated in Plate VI. As far as its colors are the same, this body would agree fairly with the astral in a condition of repose, but it would also be much more than this, for in it would appear whatever might be developed in the man of spirituality and intellectuality—not much yet, perhaps, in the case of our primitive man, but of considerable importance later on, as we shall see in due course. From this mental body we are therefore able to deduce what kind of man he is, and what sort of use he has made of his life so far in this incarnation.

Khi sử dụng nhãn quang trí tuệ, chúng ta sẽ nhìn thấy thể trí của người nguyên thủy này, và nó có thể giống như hình trong Hình VI. Xét về màu sắc, thể trí này sẽ tương đồng ở mức độ nhất định với thể cảm dục khi ở trạng thái yên tĩnh, nhưng nó cũng sẽ nhiều hơn thế, bởi trong đó sẽ xuất hiện bất kỳ điều gì liên quan đến tâm linh và trí tuệ mà người đó đã phát triển—dù có thể không nhiều trong trường hợp của người nguyên thủy, nhưng sẽ trở nên quan trọng hơn sau này, như chúng ta sẽ thấy trong tiến trình phát triển. Từ thể trí này, chúng ta có thể suy luận y là người như thế nào, và y đã sử dụng cuộc sống trong kiếp này ra sao.

But if we are fortunate enough to be able to apply to the problem the perfect power of vision exercised through our causal body, then what we see is the causal body of the primitive man, and from that we know how for his real life as a soul has advanced, and what progress the ego has made in its unfoldment toward divinity. It will be seen that, to the trained clairvoyant who is able to employ all these various degrees of sight in turn, the entire life of the man in all its stages lies open like a book; for on these higher planes no man can hide or disguise himself; what he truly is, is seen to be by any unprejudiced spectator.

Nhưng nếu chúng ta may mắn có thể áp dụng khả năng nhãn quang hoàn hảo thông qua thể nhân quả, thì điều chúng ta thấy là thể nhân quả của người nguyên thủy, và từ đó, chúng ta biết được cuộc sống thực sự của y với tư cách là một linh hồn đã tiến triển đến đâu, và chân ngã đã đạt được bao nhiêu trong sự phát triển hướng tới thiêng liêng. Có thể thấy rằng, đối với người có thông nhãn được rèn luyện, có khả năng sử dụng các cấp độ nhãn quang khác nhau, toàn bộ cuộc đời của con người qua mọi giai đoạn sẽ mở ra như một cuốn sách; bởi trên các cõi cao này, không ai có thể che giấu hay ngụy trang bản thân; bản chất thực sự của họ sẽ hiện rõ với bất kỳ người quan sát nào không có định kiến.

Unprejudiced, I say; because we must never forget that each sees the other through the medium of his own vehicles, and so is somewhat in the position of one looking at a landscape through the colored glass. Until he has learnt to make allowance for this influence, he will be likely to consider as most prominent in the man at whom he is looking just those characteristics to which he finds himself most ready to respond; but with a little careful

Tôi nhấn mạnh "không có định kiến," bởi vì chúng ta phải luôn nhớ rằng mỗi người nhìn người khác qua phương tiện của các thể của mình, và như vậy ở vị trí giống như người đang nhìn một cảnh quan qua kính màu. Cho đến khi y học được cách điều chỉnh ảnh hưởng này, y có thể dễ dàng xem những đặc điểm mà y dễ dàng phản ứng nhất là nổi bật nhất ở người mà y đang nhìn; nhưng với một chút thực hành cẩn thận, y sẽ nhanh chóng thoát khỏi

practice he soon frees himself from the distortion produced by this personal equation, and is able to read clearly and accurately.

sự méo mó do ảnh hưởng cá nhân này gây ra và có thể đọc được rõ ràng và chính xác.

CHAPTER XIII

COLORS AND THEIR MEANING—MÀU SẮC VÀ Ý NGHĨA

BEFORE we can intelligently study the details of these various bodies, we must familiarize ourselves with the general meaning of the various shades of color in them, as shown in our frontispiece. It will be realized that an almost infinite variety is possible in their combination. I am endeavoring to give, as nearly as possible, the exact shade which expresses the unmixed emotion whose name is attached to it; but human emotions are hardly ever unmixed, and so we have constantly to classify or to analyse indeterminate hue in the formation of which many factors have played their part.

Trước khi có thể nghiên cứu một cách có ý thức các chi tiết của những thể khác nhau này, chúng ta cần làm quen với ý nghĩa chung của các sắc thái màu sắc khác nhau trong chúng, như được hình trong hình đầu tiên. Có thể thấy rằng sự kết hợp màu sắc có khả năng vô cùng phong phú. Tôi cố gắng đưa ra một cách gần nhất có thể sắc thái chính xác biểu thị cảm xúc thuần túy mà tên gọi gắn với nó; nhưng cảm xúc con người hiếm khi nào là thuần túy, và vì vậy, chúng ta thường xuyên phải phân loại hoặc phân tích các sắc thái không rõ ràng được hình thành từ nhiều yếu tố khác nhau.

Anger, for example, is represented by scarlet, and love by crimson and rose; but both anger and love are often deeply tinged with selfishness, and just so far as that is the case will the purity of their respective colors be dimmed by the hard brown-grey which is so characteristic of this vice. Or again, either of them may be mingled with pride, and that would instantly show itself by a tinge of deep orange. Many examples of such commingling, and of the resultant shades of color, will be seen as we continue our investigation; but our first endeavor must be to learn to read the meaning of the simpler hues. We will give here a list of some of these which are most common.

Ví dụ, sự giận dữ được biểu thị bằng màu đỏ tươi, và tình yêu bằng màu đỏ thắm hoặc hồng; nhưng cả giận dữ và tình yêu thường bị nhuốm đậm bởi tính ích kỷ, và trong trường hợp đó, độ tinh khiết của các màu tương ứng sẽ bị làm mờ bởi màu nâu xám cứng cỏi, đặc trưng của thói xấu này. Hoặc nữa, một trong hai cảm xúc này có thể pha lẫn với sự kiêu ngạo, điều này sẽ lập tức biểu lộ qua một sắc cam đậm. Nhiều ví dụ về sự pha trộn như vậy, cùng các sắc thái màu sắc kết quả, sẽ được thấy khi chúng ta tiếp tục nghiên cứu; nhưng nỗ lực đầu tiên của chúng ta phải là học cách đọc ý nghĩa của các sắc thái đơn giản. Dưới đây là danh sách một số màu phổ biến nhất:

Black.—Thick black clouds in the astral body mark the presence of hatred and malice. When a person unhappily gives way to a fit of passionate anger, the terrible thought-forms of hate may generally be seen floating in his aura like coils of heavy, poisonous smoke.

Đen

Những đám mây đen dày trong thể cảm dục biểu thị sự căm ghét và ác ý. Khi một người không may buông thả mình vào một cơn giận dữ mãnh liệt, các hình tư tưởng khủng khiếp của sự căm hận thường được nhìn thấy nổi trong hào quang của y như những cuộn khói độc nặng nề.

Red.—Deep-red flashes, usually on a black ground, show anger; and this will be more or less tinged with brown as there is more or less of direct selfishness in the type of anger. What is sometimes called “noble indignation” on behalf of someone oppressed or injured may express itself in flashes

Đỏ

Những tia đỏ đậm, thường trên nền đen, biểu thị sự giận dữ; và sắc đỏ này sẽ bị nhuốm nâu nhiều hay ít tùy thuộc vào mức độ ích kỷ trong loại giận dữ đó. Cái đôi khi được gọi là "căm phẫn chính đáng" vì một ai đó bị áp bức hoặc tổn thương có thể tự biểu

of brilliant scarlet on the ordinary background of the aura.

lộ qua những tia đỏ tươi rực rỡ trên nền hào quang thông thường.

Lurid, sanguinary red—a color which is quite unmistakable, though not easy to describe—indicates sensuality.

Màu đỏ đục, sẫm như máu—một màu rất đặc trưng, dù khó mô tả—chỉ sự ham muốn xác thịt.

Brown.—Dull brown-red, almost rust-color, means avarice; and it usually arranges itself in parallel bars across the astral body, giving a very curious appearance.

Nâu
Màu nâu đỏ đục, gần như màu gỉ sắt, biểu thị tính tham lam; nó thường sắp xếp thành các dải song song trên thể cảm dục, tạo nên một hình ảnh rất lạ lẫm.

Dull, hard brown-grey signifies selfishness, and is unfortunately one of the very commonest colors in the astral body.

Màu nâu xám cứng cỏi biểu thị tính ích kỷ, và thật không may, đây là một trong những màu phổ biến nhất trong thể cảm dục.

Greenish-brown, lit up by deep red or scarlet flashes, denotes jealousy, and in the case of the ordinary man there is nearly always a good deal of this color present when he is what is called “in love”.

Màu nâu xanh lục, được thắp sáng bởi những tia đỏ đậm hoặc đỏ tươi, biểu thị sự ghen tuông. Ở một người bình thường, màu này gần như luôn xuất hiện khi y "đang yêu."

Grey.—Heavy leaden grey expresses deep depression, and where this is habitual its appearance is sometimes indescribably gloomy and saddening. This color also has the curious characteristic of arranging itself in parallel lines, as has that of avarice, and both give the impression that their unfortunate victim is imprisoned within a kind of astral cage.

Xám
Màu xám chì nặng nề biểu thị sự trầm cảm sâu sắc, và khi trạng thái này trở thành thói quen, sự xuất hiện của nó đôi khi không thể diễn tả được sự u ám và buồn rầu. Màu sắc này cũng có đặc tính đặc biệt là sắp xếp thành các đường song song, giống như màu biểu thị tính tham lam, và cả hai đều tạo cảm giác như nạn nhân không may của chúng bị giam cầm trong một loại lồng cảm dục.

Livid grey, a most hideous and frightful hue, betokens fear.

Màu xám nhợt nhạt, một sắc thái ghê rợn và kinh khủng nhất, biểu thị nỗi sợ hãi.

Crimson.—This color is the manifestation of love, and is often the most beautiful feature in the vehicles of the average man. Naturally it varies very greatly with the nature of the love. It may be dull, heavy, and deeply tinged with the brown of selfishness, if the so-called love occupies itself chiefly with the consideration of how much affection is received from somebody else, how much return it is getting for its investment. But if the love be of that kind that thinks never of itself at all, nor of what it receives, but only of how much it can give, and how entirely it can pour itself forth as a willing sacrifice for the sake of the loved one,

Đỏ thắm—Màu này biểu thị tình yêu và thường là đặc điểm đẹp nhất trong các thể của một người trung bình. Tự nhiên, màu này thay đổi rất nhiều tùy theo tính chất của tình yêu. Nó có thể đục, nặng nề, và bị nhuốm sâu bởi màu nâu của tính ích kỷ, nếu tình yêu đó chủ yếu quan tâm đến việc nhận lại bao nhiêu tình cảm từ người khác, bao nhiêu đáp trả cho "khoản đầu tư" của nó. Nhưng nếu tình yêu thuộc loại không bao giờ nghĩ đến bản thân, không nghĩ đến điều nhận được mà chỉ nghĩ đến việc có thể cho đi bao nhiêu, và làm thế nào nó có thể dâng hiến hoàn toàn như một sự hy sinh tự nguyện vì người được yêu, thì tình yêu đó sẽ biểu lộ

then it will express itself in the most lovely rose-color; and when this rose-color is exceptionally brilliant and tinged with lilac, it proclaims the more spiritual love for humanity. The intermediate possibilities are countless; and the affection may of course be tinged in various other ways, as by pride or jealousy.

qua màu hồng tuyệt đẹp nhất; và khi sắc hồng này rực rỡ đặc biệt và pha lẫn sắc tím nhạt, nó tuyên bố tình yêu tinh thần cao cả dành cho nhân loại.

Orange.—This color is always significant of pride or ambition, and has almost as many variations as the last-mentioned, according to the nature of the pride or the ambition. It is not infrequently found in union with irritability.

Cam
Màu này luôn biểu thị sự kiêu ngạo hoặc tham vọng, và nó có nhiều biến thể gần như màu đỏ thắm, tùy thuộc vào bản chất của sự kiêu ngạo hoặc tham vọng.

Yellow.—This is a very good color, implying always the possession of intellectuality. Its shades vary, and it may be complicated by the admixture of various other hues. Generally speaking, it has a deeper and duller tint if the intellect is directed chiefly into lower channels, most especially if the objects are selfish; but it becomes brilliantly golden, and rises gradually to a beautiful clear and luminous lemon or primrose yellow, as it is addressed to higher and more unselfish objects.

Vàng. Màu vàng biểu thị trí tuệ và có nhiều sắc thái khác nhau, tùy thuộc vào hướng sử dụng trí tuệ. Nó có thể có sắc vàng sẫm và đục hơn nếu trí tuệ chủ yếu tập trung vào các mục tiêu thấp kém, đặc biệt là những mục tiêu ích kỷ; nhưng nó trở nên rực rỡ, vàng óng, và dần dần chuyển thành một màu vàng nhạt sáng chói, tượng trưng cho trí tuệ hướng tới các mục tiêu cao cả và vị tha hơn.

Green.—No color has more varied signification than this, and it requires some study to interpret it correctly. Most of its manifestations indicate a kind of adaptability, at first evil and deceitful, but eventually good and sympathetic.

Xanh lá cây. Không màu nào có ý nghĩa phong phú và đa dạng hơn màu xanh lá cây, và cần nghiên cứu kỹ để hiểu đúng ý nghĩa của nó. Phần lớn các biểu hiện của màu này chỉ ra một loại khả năng thích ứng, ban đầu có thể xấu xa và gian dối, nhưng về sau trở nên tốt lành và đồng cảm.

Grey-green, a peculiar shade which signifies deceit and cunning, will be found very prominently in the astral bodies of most primitives. It is by no means rare among civilized men, who ought long ago to have passed the stage of evolution which it indicates. As the man advances, this hue improves into a bright emerald-green, which still means versatility, ingenuity, and quickness of resource, but no longer implies any evil intent in connection with these qualities. It indicates the power of "being all things to all men", not now for the purpose of tricking or misleading them, but at first in order to please them, to obtain their praise or their favor, and later on, as understanding develops, for the purpose of helping and strengthening them. Eventually it becomes a lovely pale, luminous blue-green, such as may

Màu xanh lá cây xám, một sắc thái đặc trưng biểu thị sự gian trá và xảo quyệt, thường rất nổi bật trong các thể cảm dục của người nguyên thủy. Nó cũng không hiếm gặp ở những người văn minh, những người lẽ ra đã vượt qua giai đoạn tiến hóa mà màu sắc này biểu thị. Khi con người tiến bộ, sắc thái này cải thiện thành màu xanh lá cây ngọc lục bảo sáng, vẫn biểu thị sự đa năng, khéo léo, và nhanh trí, nhưng không còn mang ý nghĩa xấu nào liên quan đến những phẩm chất này. Màu này chỉ ra khả năng "trở thành tất cả đối với mọi người," không còn để lừa gạt hay đánh lạc hướng họ, mà lúc đầu nhằm làm họ hài lòng, đạt được lời khen ngợi hoặc sự ưu ái của họ, và sau này, khi sự thấu hiểu phát triển, là để giúp đỡ và củng cố họ. Cuối cùng, nó trở thành một màu xanh lá cây nhạt pha xanh lam sáng chói, giống như sắc màu đôi khi thấy

sometimes be seen in an exceptionally delicate sunset sky, and then it shows some of the grandest qualities of human nature, the deepest sympathy and compassion, with the power of perfect adaptability which only they can give. In its earlier development a bright apple-green seems always to accompany strong vitality.

trong một buổi hoàng hôn đặc biệt tinh tế, và khi đó, màu này thể hiện một số phẩm chất cao cả nhất của bản chất con người: sự đồng cảm sâu sắc và lòng từ bi, cùng khả năng thích ứng hoàn hảo mà chỉ hai phẩm chất này mới có thể mang lại. Ở giai đoạn phát triển sớm hơn, màu xanh táo sáng dường như luôn đi kèm với sức sống mạnh mẽ.

Blue.—Dark, clear blue usually betokens religious feeling, but this also varies according to the type of the feeling, its purity or bigotry, its selfishness or nobility. It is liable to be tinted by almost any of the qualities previously mentioned, so that we may have any shade from indigo on one side and rich deep violet on the other, down to a muddy grey-blue which is at the level of fetish-worship. The tinge of love or fear, of deceit or of pride, may mingle with the hue of religion, and thus there is a wide range of variation observable.

Xanh lam. Màu xanh lam đậm và trong thường biểu thị cảm giác tôn giáo, nhưng ý nghĩa của nó cũng thay đổi tùy thuộc vào loại cảm giác đó: sự thuần khiết hay cuồng tín, tính ích kỷ hay lòng cao thượng. Màu này dễ bị pha trộn với gần như mọi phẩm chất đã được đề cập trước đó, vì vậy, ta có thể thấy mọi sắc thái từ màu chàm ở một đầu và tím đậm ở đầu kia, đến màu xanh lam xám đục nằm ở mức độ thấp nhất của sự tôn thờ thần tượng. Sự pha trộn của tình thương, nỗi sợ hãi, sự gian trá, hoặc sự kiêu ngạo đều có thể kết hợp vào sắc thái của tôn giáo, tạo nên một phạm vi biến đổi rộng lớn.

Light blue marks devotion to a noble spiritual ideal, and gradually rises to a luminous lilac-blue, which typifies the higher spirituality, and is usually accompanied by sparkling golden stars, representing elevated spiritual aspirations.

Màu xanh lam nhạt biểu thị sự tận tụy với một lý tưởng tâm linh cao cả, và dần dần chuyển thành một sắc tím nhạt sáng chói, tượng trưng cho tâm linh cao cấp, thường đi kèm với các ngôi sao vàng sáng lấp lánh, biểu thị khát vọng tâm linh cao cả.

It is easy to understand how almost infinite may be the combinations and modifications of all these hues, so that the most delicate gradation of character or the most evanescent of mingled feelings is expressed with the greatest accuracy. The general brilliance of the astral body, the comparative definiteness or indefiniteness of its outline, and the relative brightness of the different centres of force, are all points which have to be taken into consideration in reading the full meaning of what is seen. Another fact worth mentioning is that developed or developing psychical faculties show themselves by means of the colors which lie beyond the visible spectrum, so that it is impossible to picture them with physical hues. The ultra-violet tints denote the higher and purer developments, while gruesome combinations of the ultra-red reveal the wickedness of the dabbler in evil and selfish forms of magic. Occult advancement proclaims itself not

Thật dễ hiểu khi thấy các sự kết hợp và biến thể của tất cả những màu sắc này có thể gần như vô hạn, đến mức sắc thái tinh tế nhất của tính cách hay cảm xúc thoáng qua nhất cũng được biểu thị với độ chính xác cao. Sự rực rỡ tổng thể của thể cảm dục, độ rõ nét hoặc mờ nhạt của các đường nét của nó, và mức độ sáng của các trung tâm lực khác nhau đều là những yếu tố cần được cân nhắc khi đọc ý nghĩa đầy đủ của những gì được quan sát. Một thực tế khác đáng chú ý là các năng lực tâm linh phát triển hoặc đang phát triển tự biểu thị thông qua các màu sắc nằm ngoài phổ ánh sáng nhìn thấy được, vì vậy không thể hình dung chúng bằng các màu sắc vật lý. Các sắc tím siêu quang phổ biểu thị sự phát triển cao hơn và thuần khiết hơn, trong khi các sự kết hợp đáng sợ của sắc đỏ siêu quang phổ tiết lộ sự tà ác của những kẻ thực hành các hình thức huyền thuật xấu xa và ích kỷ. Sự tiến bộ huyền môn tự tuyên bố không chỉ qua những màu sắc này, mà còn qua độ sáng cao hơn của các thể khác

only by these colors, but also by the greater luminosity of the various bodies, and by their increased size and more definite outline.

nhau, kích thước lớn hơn, và đường nét rõ ràng hơn.

CHAPTER XIV

THE COUNTERPART—ĐỐI PHẦN

THERE is one other point to be mentioned in connection with our illustrations generally, before we take them up one by one for separate consideration. It will be noticed that the outline of the physical body is faintly marked inside each of the ovoids, in order to keep clearly before the reader the comparison in size between it and these mist-clouds; but it should be remembered that this is merely an indication and not a representation, and none must make the mistake of supposing that the astral and mental counterparts of the physical form are in reality as indefinite and unrecognizable. In a drawing made upon this plane it is impossible to give simultaneously all the aspects of a figure which belongs to a different realm of nature, and for that reason certain characteristics of these higher vehicles have in our illustrations been intentionally ignored or subordinated to the special purpose of this book, which is to explain how the evolution of man displays itself in the coloring of his various bodies.

Có một điểm khác cần được đề cập liên quan đến các hình của chúng ta nói chung trước khi chúng ta nghiên cứu từng hình hình một cách riêng biệt. Sẽ nhận thấy rằng đường nét của thể xác được phác họa mờ nhạt bên trong mỗi ovoid để giữ cho độc giả dễ dàng so sánh kích thước giữa nó và các đám mây mù xung quanh. Tuy nhiên, cần nhớ rằng đây chỉ là một chỉ báo, không phải là một sự tái hiện chính xác, và không ai nên mắc sai lầm khi cho rằng các đối thể cảm dục và trí tuệ của thể xác thực sự mơ hồ và khó nhận diện đến như vậy. Trong một bức vẽ trên cõi trần, không thể cùng lúc thể hiện tất cả các khía cạnh của một hình thể thuộc về một cõi khác trong thiên nhiên, và vì lý do đó, một số đặc điểm của các phương tiện cao hơn đã được cố ý bỏ qua hoặc làm mờ để phục vụ mục đích đặc biệt của cuốn sách này, đó là giải thích cách sự tiến hóa của con người thể hiện qua màu sắc của các thể khác nhau.

No attempt, for example, has been made to show the appearance of the seven *chakrams* or centers of force, although these exist in all the vehicles, and would in some cases be exceedingly vivid and prominent. The artist has not essayed in any way to reproduce the wondrous opalescent hues of the surface film of each ovoid; he has depicted neither the dense cloud of thought-forms which closes round each man like a wall, nor the inner arrangement which so exactly imitates the physical shape; and it is this last which needs a few words of elucidation.

Chẳng hạn, không có nỗ lực nào được thực hiện để hiển thị hình dạng của bảy luân xa hoặc các trung tâm lực, mặc dù chúng tồn tại trong tất cả các thể và trong một số trường hợp, chúng rất nổi bật. Họa sĩ không cố gắng tái hiện những sắc màu óng ánh kỳ diệu của lớp bề mặt mỗi ovoid; cũng không mô tả đám mây dày đặc các hình tư tưởng bao quanh mỗi người như một bức tường, hay cách sắp xếp bên trong của các thể, vốn bắt chước rất chính xác hình dạng thể xác. Đặc điểm cuối cùng này cần được giải thích thêm một chút.

If we glance with astral vision at our neighbour during his waking hours, we shall see him looking very much as usual, except that he will be surrounded by a slight luminous mist, in which by somewhat more intent observation, we may detect the play of many colors. How is it, it may be asked, that his face and limbs are perceptible to us, since we know that the astral matter of the vehicle

Khi chúng ta quan sát một người hàng xóm bằng thông nhãn cảm dục trong khi họ thức, chúng ta sẽ thấy họ trông rất giống bình thường, ngoại trừ việc họ được bao quanh bởi một màn sương sáng nhẹ, trong đó, với sự quan sát kỹ hơn, chúng ta có thể phát hiện sự chuyển động của nhiều màu sắc. Có thể thắc mắc rằng làm thế nào khuôn mặt và các chi của họ có thể nhìn thấy được, khi chúng ta biết

which we are employing cannot respond to purely physical vibrations? The reply is that what is visible to us is not his physical body but its counterpart in astral matter; and we find that even when the man abandons his dense earthly form, whether temporarily in sleep or permanently in death, this counterpart still preserves the same appearance. Let us consider how this happens.

rằng vật chất cảm dục của phương tiện mà chúng ta đang sử dụng không thể phản ứng với các rung động thuần túy vật lý? Câu trả lời là thứ chúng ta thấy không phải là thể xác của họ, mà là đối thể của nó trong vật chất cảm dục; và chúng ta nhận thấy rằng ngay cả khi con người từ bỏ thể xác đậm đặc của mình, dù là tạm thời trong giấc ngủ hay vĩnh viễn trong cái chết, đối thể này vẫn giữ nguyên hình dạng.

We have noticed in Plate II, that astral matter has its seven conditions or degrees of density, corresponding with those on the physical plane. There is more than a mere correspondence; there is an intense attraction. Every particle of solid physical matter is interpenetrated by and has for its counterpart certain particles of astral matter of the lowest sub-plane, which for convenience we may call "solid astral" matter—though that is in truth a contradiction in terms, for solidity in the ordinary sense of the word is certainly not a quality that could be predicated of any kind of astral substance. In the same way every liquid physical particle has for its counterpart "liquid astral" particles, and so on; and the counterparts are not readily separable.

Chúng ta đã thấy trong Hình II rằng vật chất cảm dục có bảy trạng thái hoặc cấp độ đậm đặc, tương ứng với các trạng thái trên cõi trần. Không chỉ có sự tương ứng mà còn có một lực hút mãnh liệt. Mỗi phần tử vật chất rắn của cõi trần đều bị xuyên thấu và có đối thể của nó trong các phần tử cảm dục của cõi phụ thấp nhất, mà để tiện lợi chúng ta có thể gọi là "vật chất cảm dục rắn" (mặc dù thực tế đây là một mâu thuẫn về thuật ngữ, vì tính rắn theo nghĩa thông thường chắc chắn không phải là phẩm chất của bất kỳ loại vật chất cảm dục nào). Tương tự, mỗi phần tử vật chất lỏng có đối thể của nó trong các phần tử cảm dục "lỏng," và cứ thế; các đối thể này không dễ dàng tách rời.

When a man descends into incarnation he draws round himself matter of the various planes through which he passes. As he gathers his mental and astral material, it adopts that ovoid form which is the expression on these lower planes of the true shape of the causal body. Presently he finds himself surrounding a small physical body, and at once its attraction begins to affect the previously inchoate astral and mental matter. The vehement vibrations of these finer particles do not easily submit themselves to such control, but as the child-form grows its influence steadily increases, until the adult has usually over ninety per cent of the matter of his astral and mental bodies within the periphery of his fleshly tabernacle. I do not mean that the same particles always stay there, for every one of them is in rapid motion and is constantly passing in and out; but on the whole that proportion is maintained. Therefore when, with astral sight, we examine a friend, what we really see is a human form of very

Khi một người hạ xuống nhập thể, y thu hút quanh mình vật chất của các cõi mà y đi qua. Khi y thu thập vật chất trí tuệ và cảm dục, chúng hình thành dạng ovoid, vốn là biểu hiện trên các cõi thấp của hình dạng thật sự của thể nhân quả. Cuối cùng, y thấy mình bao quanh bởi một thể xác nhỏ bé, và ngay lập tức lực hấp dẫn của nó bắt đầu ảnh hưởng đến vật chất cảm dục và trí tuệ vốn trước đó chưa định hình. Các rung động mạnh mẽ của những phần tử tinh tế này không dễ dàng chịu sự kiểm soát, nhưng khi hình dạng trẻ thơ lớn lên, ảnh hưởng của nó dần tăng lên, cho đến khi ở người trưởng thành, thông thường hơn 90% vật chất trong các thể cảm dục và trí tuệ nằm trong phạm vi của thể xác. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là các phần tử luôn cố định ở đó, bởi mỗi phần tử đều chuyển động nhanh chóng và liên tục ra vào; nhưng nhìn chung, tỷ lệ đó được duy trì. Vì vậy, khi chúng ta quan sát một người bạn bằng thông nhãn cảm dục, điều chúng ta thực sự thấy là một hình thể con người được tạo nên từ một màn sương rất

dense and solid-looking mist surrounded by an egg-shaped cloud of diaphanous mist; and as every feature of the familiar countenance is faithfully reproduced, the man is instantly recognizable.

đậm đặc và chắc chắn, được bao quanh bởi một đám mây hình ovoid mờ. Vì mỗi đặc điểm trên khuôn mặt quen thuộc đều được tái hiện trung thực, người đó có thể dễ dàng được nhận diện ngay lập tức.

Nor is this all. The phenomenon of habit comes into play, and the astral and mental particles, having become accustomed to that form, retain it even when the dense body which caused it is destroyed, so that there is no more difficulty in recognizing a man after death than before it. Temporary changes may take place, for the finer matter may be moulded by a passing thought; but as soon as the pressure of that constraining thought is withdrawn, it slips back again into its usual shape.

Ngoài ra, thói quen cũng đóng vai trò quan trọng; các phần tử trong thể cảm dục và trí tuệ, khi đã quen thuộc với hình dạng đó, sẽ giữ nguyên hình dạng ngay cả khi thể xác gây ra nó đã bị phá hủy, vì vậy không khó để nhận ra một người sau khi chết, giống như trước khi y qua đời. Các thay đổi tạm thời có thể xảy ra, vì vật chất tinh tế có thể được định hình bởi một ý nghĩ thoáng qua; nhưng ngay khi áp lực của ý nghĩ đó không còn, vật chất sẽ trở lại hình dạng thông thường.

There is a much slighter but more continuous thought-influence which sometimes very gradually produces a considerable change. No man habitually images himself as decrepit, infirm, bowed, or wrinkled; and so, although immediately after death his astral body may accurately reproduce all these characteristics, the unconscious influence of his own thought of himself slowly brings back to him something of the appearance of the prime of life. That is why a man who shows himself after death as an apparition sometimes impresses his friends as looking younger instead of older than when he died.

Có một ảnh hưởng từ suy nghĩ thường xuyên, dù nhỏ nhưng liên tục, đôi khi rất chậm rãi tạo nên sự thay đổi đáng kể. Không ai liên tục hình dung bản thân mình già yếu, ốm yếu, còng lưng hay nhăn nheo; vì vậy, mặc dù ngay sau khi chết, thể cảm dục của một người có thể tái hiện chính xác tất cả những đặc điểm này, ảnh hưởng vô thức từ suy nghĩ về bản thân mình dần dần mang lại cho y dáng vẻ thời kỳ sung mãn nhất của cuộc đời. Đây là lý do tại sao một người, khi xuất hiện như một hiện tượng sau khi chết, đôi khi gây ấn tượng với bạn bè rằng y trông trẻ hơn chứ không già đi so với lúc qua đời.

A factor which has its share in helping to preserve the astral shape unchanged after death is the thought of others. When a man's friends, whether living or dead, turn their thoughts upon him, they naturally think of him as they know him; but every such thought is a momentary moulding force, and in the aggregate the effect is considerable.

Một yếu tố khác góp phần duy trì hình dạng của thể cảm dục sau khi chết là suy nghĩ của người khác. Khi bạn bè của một người, dù còn sống hay đã chết, nghĩ đến người đó, họ thường nghĩ về y theo hình ảnh họ từng biết; nhưng mỗi suy nghĩ như vậy là một lực định hình tạm thời, và tổng hợp lại, hiệu ứng của chúng trở nên đáng kể.

From all this the reader will realize that when he learns to see an astral body, he will find many other points to observe in it than are shown in our illustrations; and in particular he will notice that the counterpart of the physical form is not a mere faint outline, but probably the most prominent feature of all.

Từ tất cả những điều này, độc giả có thể nhận ra rằng khi học cách nhìn thấy thể cảm dục, y sẽ phát hiện ra nhiều điểm quan sát hơn so với những gì được hình trong các hình vẽ của chúng ta; đặc biệt, y sẽ nhận thấy rằng đối thể của hình dạng thể xác không chỉ là một đường viền mờ nhạt, mà có lẽ là đặc điểm nổi bật nhất trong tất cả.

It is almost certain to be so for the untrained clairvoyant, since it is only in the rarest of cases that he has the astral sight perfectly developed. Naturally enough, that part of the faculty which usually opens first is the lowest, the nearest to the physical, and a man may often for very many years be able to see only the denser kinds of astral matter. But those, corresponding as they do to the materials of the physical body, are precisely the varieties which are most of all concentrated within the counterpart. Obviously, therefore, the surrounding ovoid of mist will seem to such a man much fainter in proportion and much less conspicuous than it really is—indeed he is quite likely to overlook it altogether. If his astral sight be rather above the ordinary level he may, as I said just now; see something of the colors by looking more intently by making an effort corresponding to straining the eyes on the physical plane. The effect of such exertion is momentarily to raise the vibrations of his astral body, or more correctly to extend his faculty to somewhat higher vibrations; and so to bring within his purview more of the vehicle at which he is looking. A man who is properly trained in clairvoyance is of course taught how to use the power of sight on all the sub-planes, either separately or simultaneously as he wishes.

Điều này gần như chắc chắn đúng đối với người có thông nhãn chưa được đào tạo bài bản, vì chỉ trong những trường hợp hiếm hoi y mới phát triển hoàn hảo khả năng quan sát thể cảm dục. Điều dễ hiểu là phần khả năng thông nhãn thường mở ra đầu tiên là phần thấp nhất, gần với cõi trần nhất, và một người có thể trong nhiều năm chỉ nhìn thấy các dạng vật chất cảm dục đặc hơn. Nhưng những dạng này, vì tương ứng với vật chất của thể xác, chính là những dạng tập trung nhiều nhất trong đối thể của hình dạng thể xác. Do đó, đối với người như vậy, đám mây ovoid bao quanh có vẻ mờ nhạt hơn và ít nổi bật hơn nhiều so với thực tế—thậm chí y có thể hoàn toàn không để ý đến nó. Nếu thông nhãn cảm dục của y ở mức cao hơn trung bình, y có thể, như đã nói, nhìn thấy một chút màu sắc bằng cách quan sát kỹ hơn, thực hiện một nỗ lực tương ứng với việc căng mắt trên cõi trần. Hiệu ứng của sự nỗ lực này là tạm thời nâng cao tần số rung động của thể cảm dục của chính y, hoặc nói đúng hơn là mở rộng khả năng của y tới các rung động cao hơn, nhờ đó y có thể quan sát được nhiều hơn về phương tiện mà y đang nhìn vào. Một người được đào tạo bài bản trong thông nhãn tất nhiên được dạy cách sử dụng khả năng quan sát trên tất cả các cõi phụ, một cách riêng lẻ hoặc đồng thời, tùy theo ý muốn.

People often ask whether an astral body appears clothed, and if so, where it obtains its vestments. Since this finer matter can be modelled by thought, the man is as he thinks of himself, and it is easy for each person to clothe himself as he will. If his attention is entirely occupied with some other matter, his mind usually automatically reproduces some ordinary costume with which it is familiar, so that he will probably appear in whatever dress he wears most frequently. I know one friend who for a long time, without ever having considered the matter, used always to show himself upon the astral plane in evening dress—because, I suppose, late at night he naturally thought of himself in that costume. Another wore always the graceful yellow robe of the Buddhist monk; but I think that was intentional in the beginning, though no doubt afterwards it became a habit.

Người ta thường hỏi liệu thể cảm dục xuất hiện có mặc quần áo không, và nếu có, những trang phục đó đến từ đâu. Vì vật chất tinh tế có thể được định hình bởi ý nghĩ, con người sẽ trông giống như cách họ nghĩ về bản thân. Mỗi người có thể dễ dàng "mặc" cho mình theo ý muốn. Nếu sự chú ý của họ hoàn toàn bị cuốn vào một vấn đề khác, tâm trí của họ thường tự động tái tạo một trang phục quen thuộc, do đó họ có khả năng xuất hiện trong bất kỳ bộ quần áo nào họ thường mặc nhất. Tôi biết một người bạn, trong một thời gian dài, mà không bao giờ nghĩ đến vấn đề này, luôn luôn xuất hiện trên cõi cảm dục trong bộ lễ phục buổi tối—có lẽ vì muộn vào ban đêm, y tự nhiên nghĩ về mình trong trang phục đó. Một người khác luôn mặc chiếc áo choàng vàng thanh nhã của một tu sĩ Phật giáo; nhưng tôi nghĩ rằng ban đầu điều này là do cố ý, mặc dù sau đó nó chắc chắn đã trở thành thói quen.

The counterpart exists in mental matter as well as

Đối thể tồn tại không chỉ trong vật chất cảm dục

in astral, so through the heaven-life also the man retains to a considerable extent the appearance as well as the memory of his last personality. Even in the causal body there is also a human form—not that of any one incarnation, but a glorified blending of what is noblest in all of them—the Augoeides or heavenly man, through whom manifests the true ego; but conditions at that level are so different that it is hopeless to try to describe this.

mà cả trong vật chất trí tuệ, do đó, trong suốt đời sống trên cõi trời, con người cũng duy trì phần lớn diện mạo cũng như ký ức về phàm ngã gần nhất của mình. Thậm chí trong thể nhân quả cũng có hình dạng con người—không phải của một lần nhập thể cụ thể nào, mà là một sự hòa trộn cao quý của những gì tốt đẹp nhất trong tất cả các kiếp sống —đó là *Augoeides* hay "Con Người Thiên Thượng," qua đó chân ngã thực sự biểu hiện. Tuy nhiên, các điều kiện ở mức độ đó rất khác biệt đến mức không thể nào mô tả đầy đủ được.

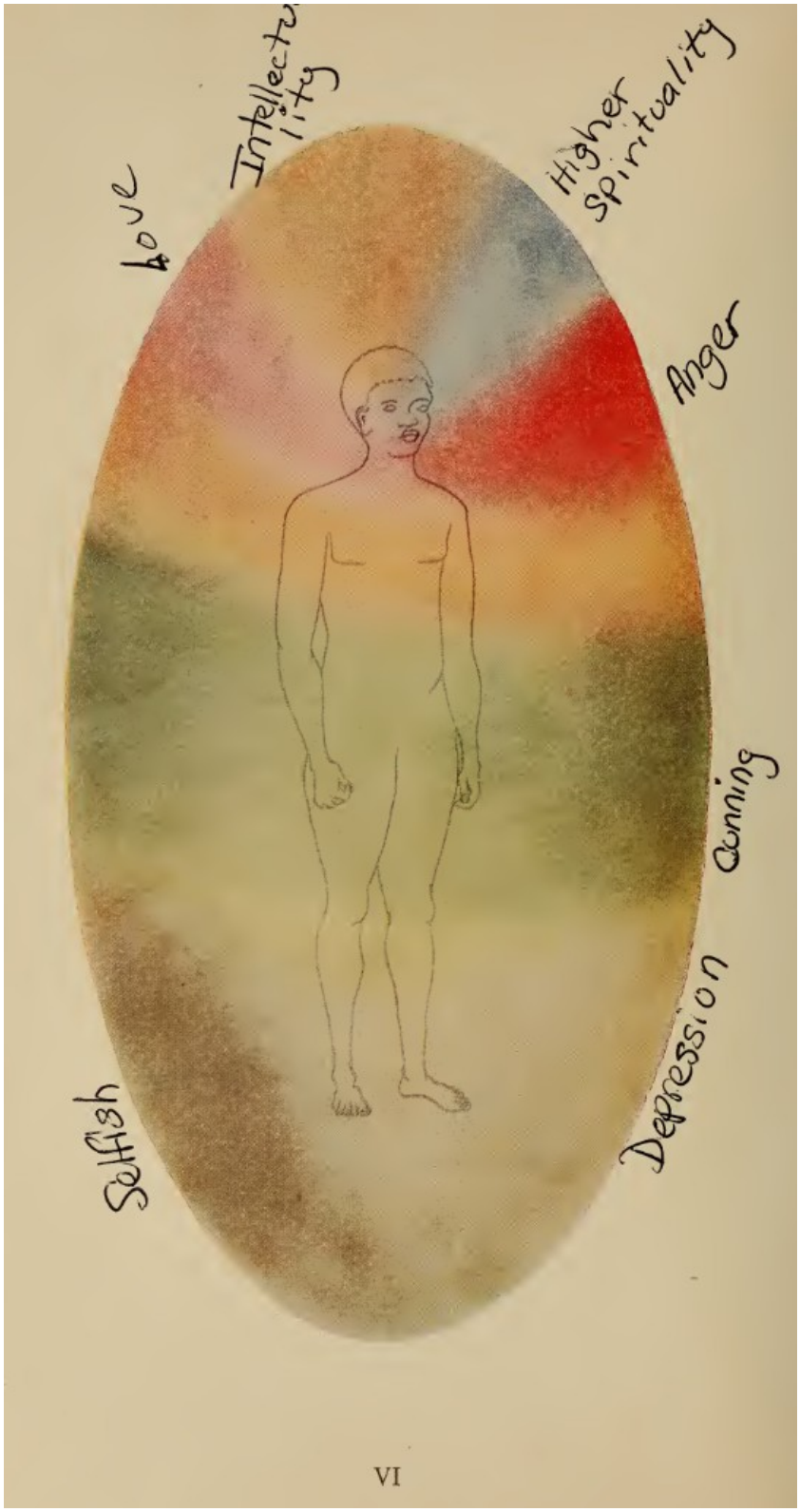


Plate 6-Thể trí của Người sơ khai

CHAPTER XV

EARLY STAGES OF MAN'S DEVELOPMENT—NHỮNG GIAI ĐOẠN ĐẦU TIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

WHEN we apply the information contained in Chapter XIII, to the consideration of the mind-body of a primitive man as shown in Plate VI, certain facts about the man at once become obvious. Although on the whole it is a very poor and undeveloped mind-body, yet some progress has already been made. The dull yellow at the top indicates a certain amount of intellect, but also shows by the muddiness of the color that it is applied exclusively to selfish ends. The devotion denoted by the grey-blue must be a fetish-worship, largely tinged with fear, and prompted by considerations of self-interest; while the muddy crimson on our left points to a commencement of affection which must as yet be principally selfish also. The band of dull orange implies pride, but of quite a low order; while the large dash of scarlet expresses a strong tendency to anger, which would evidently blaze out upon very slight provocation. The broad band of dirty green which occupies so great a portion of the body shows forth deceit, treachery and avarice—the latter quality manifesting itself in the brownish tint which is observable. At the bottom we notice a sort of deposit of mud color, suggesting general selfishness and the absence of any desirable quality.

Khi áp dụng những thông tin trong Chương XIII để xem xét thể trí của người nguyên thủy như hình trong Hình VI, một số đặc điểm của người đó ngay lập tức trở nên rõ ràng. Mặc dù nói chung đây là một thể trí rất nghèo nàn và chưa phát triển, nhưng một số tiến bộ nhất định đã được đạt được. Màu vàng đục ở phần trên chỉ ra một mức độ trí tuệ nào đó, nhưng sự mờ đục của màu sắc cho thấy nó được áp dụng hoàn toàn cho các mục đích ích kỷ. Lòng sùng đạo được biểu thị bởi màu xanh lam xám, nhưng điều này chủ yếu là một hình thức thờ vật linh, bị nhuốm sâu bởi nỗi sợ hãi và được thúc đẩy bởi các cân nhắc về lợi ích cá nhân. Màu đỏ thẫm đục ở phía bên trái của chúng ta biểu thị sự bắt đầu của tình cảm, nhưng tình cảm này rõ ràng vẫn mang tính ích kỷ là chính. Dải màu cam đục ngụ ý sự kiêu ngạo, nhưng ở cấp độ rất thấp; trong khi mảng màu đỏ tươi lớn biểu thị xu hướng giận dữ mạnh mẽ, dễ dàng bùng nổ trước những sự khiêu khích rất nhỏ. Dải màu xanh lá cây bẩn chiếm một phần lớn của thể trí biểu thị sự gian dối, phản bội và tham lam—với phẩm chất cuối cùng được biểu thị bằng tông màu nâu nhạt. Ở phía dưới, chúng ta nhận thấy một lớp trầm tích màu bùn, gợi ý tính ích kỷ chung và sự thiếu vắng bất kỳ phẩm chất đáng mong muốn nào.



Plate 7-Thể cảm dục của người sơ khai

It is just that absence of any well-defined higher quality which makes us certain that, in turning to the corresponding astral body (Plate VII), we shall

Chính sự thiếu vắng bất kỳ phẩm chất cao cấp nào rõ ràng khiến chúng ta chắc chắn rằng, khi chuyển sang thể cảm dục tương ứng (Hình VII), chúng ta sẽ

find it almost entirely uncontrolled. Accordingly, we see how enormous a proportion of this vehicle of desire is occupied exclusively by sensuality, proclaimed by the very unpleasant brown-red which is almost blood-color.

thấy nó gần như hoàn toàn không được kiểm soát. Thật vậy, chúng ta thấy rằng phần lớn thể cảm dục này bị chiếm bởi cảm giác xác thịt, được biểu thị bằng màu đỏ nâu rất khó chịu, gần như màu máu.

Deceit, selfishness and greed are conspicuous here, as might be expected, and fierce anger is also implied by the smears and blots of dull scarlet. Affection is scarcely indicated at all, and such intellect and religious feeling as appear are of the lowest possible kind.

Sự gian dối, ích kỷ và tham lam rất nổi bật ở đây, như mong đợi, và sự giận dữ dữ dội cũng được biểu thị qua các vệt và đốm màu đỏ tươi đục. Tình cảm hầu như không được biểu hiện chút nào, và trí tuệ cũng như cảm giác tôn giáo, nếu có, chỉ ở mức độ thấp nhất có thể.

Another point which should be noticed is the irregularity of the outline of this astral body, the generally blurred effect, and the manner in which the colors are arranged. As we pass to the vehicles of the more evolved human beings we shall find a considerable improvement in this respect. The colors always to some extent intermingle and melt into one another, but nevertheless in the ordinary man they have a tendency to lie in more or less regular bands, while the outline of the body becomes fairly definite and regular. With the undeveloped man, however, all is ill-regulated and confused; he is obviously a creature of violent and often vicious impulses to which he instantly yields without the slightest effort to control them. A very unpleasant person altogether; yet every one of us has passed through this stage, and by the experience gained in it we have been enabled to rise out of it to something purer and nobler.

Một điểm khác cần chú ý là sự không đều đặn trong đường viền của thể cảm dục này, hiệu ứng tổng thể mờ nhạt, và cách các màu sắc được sắp xếp. Khi chúng ta chuyển sang các phương tiện của những con người phát triển hơn, chúng ta sẽ thấy sự cải thiện đáng kể về mặt này. Mặc dù các màu sắc luôn có phần nào hòa trộn và tan chảy vào nhau, nhưng ở người bình thường, chúng có xu hướng sắp xếp thành các dải tương đối đều đặn, trong khi đường viền của thể trở nên khá rõ nét và đều đặn. Với người chưa phát triển, tuy nhiên, mọi thứ đều không có trật tự và hỗn loạn; rõ ràng đây là một sinh vật của những xung động dữ dội và thường là ác ý, mà y ngay lập tức buông thả mình theo mà không hề có nỗ lực nào để kiểm soát. Một con người rất khó chịu nói chung; tuy nhiên, mỗi chúng ta đều đã trải qua giai đoạn này, và nhờ kinh nghiệm thu thập được trong đó, chúng ta đã có thể vươn lên khỏi nó để trở thành một điều gì đó thuần khiết và cao thượng hơn.

It will be very necessary for us to bear constantly in mind, in our endeavor to realize the appearance of the various vehicles, that the particles of which they are composed are always in rapid motion. In certain cases, which will be specially mentioned in their turn, there are definite bands and clearly defined lines in these bodies; but in the vast majority the clouds of color not only melt into one another, but are all the while rolling over one another, and appearing and disappearing as they roll. Indeed, the surface of this luminous and

Chúng ta cần luôn ghi nhớ rằng các hạt cấu thành các thể này luôn chuyển động nhanh chóng. Trong một số trường hợp, như sẽ được đề cập đặc biệt trong phần của chúng, các thể có các dải màu sắc rõ ràng và các đường nét được xác định rõ; nhưng trong đa số các trường hợp, các đám mây màu không chỉ tan chảy vào nhau mà còn liên tục lăn qua nhau, xuất hiện và biến mất khi chúng lăn. Bề mặt của đám mây sáng rực đầy màu sắc này giống như bề mặt của nước sôi dữ dội, khi các phần tử xoáy lên, nổi lên bề mặt rồi chìm xuống, và không

brightly-colored mist resembles somewhat the surface of violently boiling water in the way in which the particles are seen to swirl about, to rise to the surface and sink back again, and constantly to change places with one another, so that the various colors by no means retain always the respective positions in which they are represented in our illustrations. Yet it is nevertheless true that they gravitate towards the arrangement here portrayed—that though the yellow, the rose and the blue are not always to be found grouped exactly as depicted, yet in all their whirlings and rollings they remain near the upper part of the oval; they are always to be found near the head of the physical body, when they exist at all, while the colors which mark selfishness avarice, deceit or hatred tend always to appear towards the bottom, and the great mass of sensual feeling floats usually between the two.

ngừng đổi chỗ cho nhau. Do đó, các màu sắc không bao giờ giữ nguyên vị trí của chúng như trong các hình của chúng ta. Tuy nhiên, vẫn đúng rằng các màu sắc này có xu hướng sắp xếp theo cách được miêu tả trong các hình—dù màu vàng, hồng, và xanh lam không phải lúc nào cũng được tìm thấy ở vị trí được vẽ hình, nhưng trong tất cả các chuyển động xoáy tròn và lăn tròn của chúng, chúng luôn giữ gần phần trên của hình ovoid. Những màu sắc này luôn được thấy gần phần đầu của thể xác, nếu chúng tồn tại, trong khi các màu biểu thị sự ích kỷ, tham lam, gian dối, hoặc hận thù có xu hướng xuất hiện ở phần dưới, và khối lượng lớn cảm giác xác thịt thường lơ lửng giữa hai phần này.

Each of these rates of vibration (which show themselves to us as colors) has its own special type of astral or mental matter in which it can operate most freely, and the average position of these colors in the ever-shifting must-cloud depends in reality upon the respective specific gravity of its special matter. The whole, or almost the whole, of the matter in an astral body may be temporarily forced by a sudden rush of passion to vibrate at a certain rate; but all of it except that to which the vibration is natural will fall back into its ordinary rate when the force is removed.

Mỗi tần số rung động trong số này (mà chúng ta nhìn thấy dưới dạng màu sắc) có một loại vật chất cảm dục hoặc trí tuệ đặc trưng mà trong đó nó có thể hoạt động tự do nhất, và vị trí trung bình của các màu trong đám mây luôn thay đổi này thực chất phụ thuộc vào tỷ trọng riêng của loại vật chất đặc trưng đó. Toàn bộ, hoặc gần như toàn bộ, vật chất trong thể cảm dục có thể tạm thời bị ép buộc rung động ở một tần số nhất định bởi một cơn cảm xúc mãnh liệt; nhưng toàn bộ phần vật chất không tự nhiên rung động ở tần số đó sẽ quay lại trạng thái bình thường của nó ngay khi tác động bị loại bỏ.

Naturally each man has his individual idiosyncrasies, and no two are exactly alike; but each illustration given represents a section of an average specimen of its class, and its various hues are shown in that part of the ovoid where they are usually to be found.

Dĩ nhiên, mỗi người có những đặc điểm riêng biệt, và không ai hoàn toàn giống ai; nhưng mỗi hình được đưa ra đều đại diện cho một mẫu trung bình của lớp mà nó biểu thị, và các sắc thái màu sắc khác nhau được thể hiện ở phần của ovoid nơi chúng thường xuất hiện.

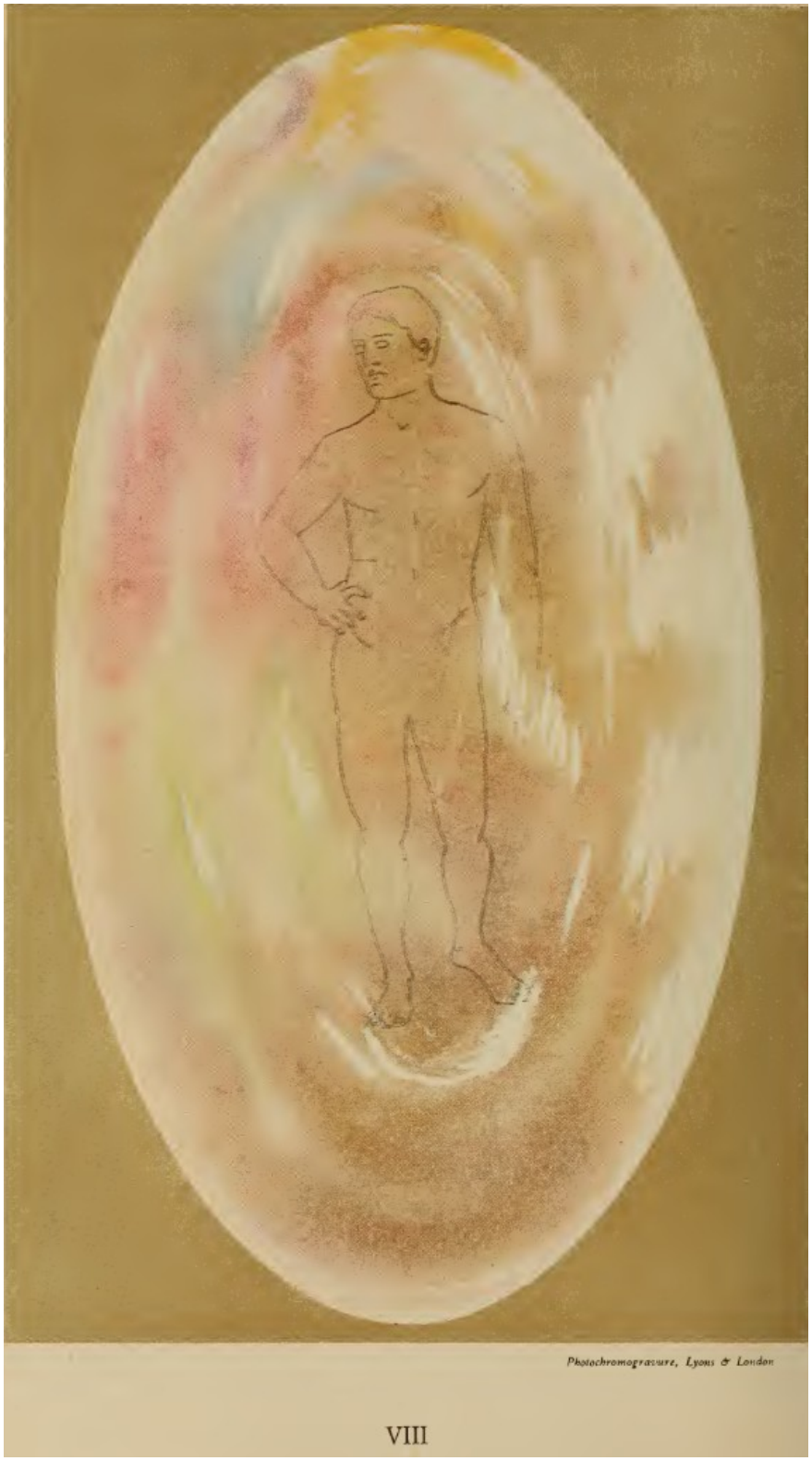


Plate 8-Nhân thể của Người bình thường

CHƯƠNG 16-21

CHAPTER XVI

THE ORDINARY PERSON—NGƯỜI BÌNH THƯỜNG

LET us now examine the average "man in the street", in order that we may see what advancement has been made, and in what way it shows itself in the various vehicles. Looking with appropriate sight at the causal body of such a man, we shall find it at about the degree of development indicated in Plate VIII. It will be seen that there has been a distinct increase in the content of the great ovoid film; a certain amount of exceedingly delicate and ethereal color now exists within it, though it is still less than half filled. The general meaning of the colors is the same as at lower levels, although here they betoken qualities definitely and permanently acquired by the soul, and they are many octaves higher than the colors which represent the same qualities on inferior planes. It will be seen that something of the higher intellect, something of the power of true devotion and true unselfish love, has already been developed within the man; and whatever expression of this may be possible upon the lower planes will be his as a kind of stock-in-trade or inherent quality in every incarnation which the future holds in store for him. There is even already a faint tint of that exceedingly delicate violet which implies the capacity of love and devotion turned towards the highest ideal, and also a faint hint of the clear green of sympathy and compassion.

Bây giờ, chúng ta hãy xem xét "người bình thường trên đường phố" để nhận thấy sự tiến bộ đã đạt được và cách nó thể hiện trong các thể khác nhau. Quan sát thể nhân quả của một người như vậy bằng nhãn quang thích hợp, chúng ta sẽ thấy nó ở mức độ phát triển như hình trong Hình VIII. Có thể nhận thấy một sự gia tăng rõ rệt về nội dung của lớp phim ovoid lớn; một số màu sắc cực kỳ tinh tế và thanh thoát hiện đã tồn tại bên trong nó, mặc dù vẫn chiếm chưa đến một nửa dung tích. Ý nghĩa chung của các màu sắc giống như ở các mức độ thấp hơn, mặc dù tại đây, chúng biểu thị các phẩm chất được linh hồn đạt được một cách xác định và vĩnh viễn, và chúng nằm ở nhiều quãng tám cao hơn so với các màu sắc đại diện cho cùng phẩm chất trên các cõi thấp. Có thể thấy rằng một phần của trí tuệ cao hơn, một phần của năng lực sùng đạo thực sự và tình yêu vị tha thực sự đã được phát triển trong người này; và bất kỳ sự biểu hiện nào của những phẩm chất này trên các cõi thấp hơn sẽ trở thành đặc tính vốn có của y trong mọi lần nhập thể tương lai. Đã có một sắc tím nhạt biểu thị khả năng yêu thương và sùng mộ hướng tới lý tưởng cao nhất, cùng một chút gợi ý của màu xanh lục trong sáng biểu thị sự đồng cảm và lòng từ bi.

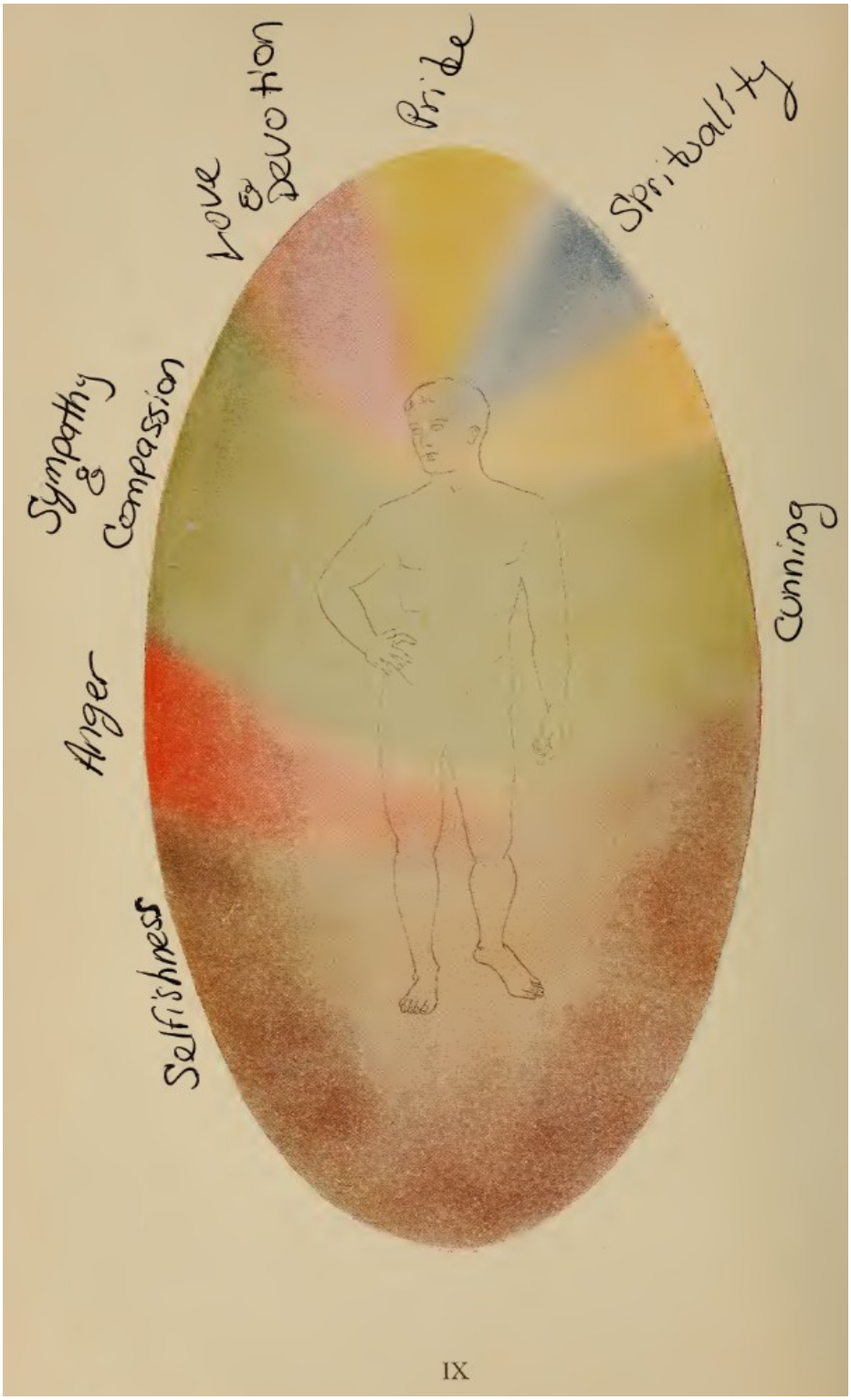


Plate 9-Thể trí của người bình thường



Plate 10-Thể cảm dục của người bình thường

Examining the mental body of the ordinary man as pictured in Plate IX we find that it already shows

Khi xem xét thể trí của người bình thường như hình trong Hình IX, chúng ta nhận thấy rằng nó đã

considerable improvement over that of the undeveloped man. It is not only that there is more in proportion of intellect, love and devotion, but that all of these characteristics have improved greatly in their quality. Though very far yet from being perfectly pure, they are certainly far better in tone than those in Plate VI. The proportion of pride is quite as high as before, but at least it is now pride at. a higher level; if the man is still proud, it will be rather of such good qualities as he imagines himself to possess than merely of physical pre-eminence in brute force or in cruelty. There is still a good deal of the scarlet which marks liability to anger, but it is noticeable that it now takes a much lower place in the cloud, which means an improvement in the general quality of the matter of which this mind body is composed. The low type of green in the mental body of the undeveloped man (which denotes deceit very strongly tinged by avarice and selfishness) required for its vibrations a type of matter denser and coarser than that needed by the scarlet of anger. The decidedly better green which is exhibited in the mental body of the ordinary man needs for its vibration matter of a type somewhat less dense than the scarlet; and hence apparently the change of relative position. The green has now advanced to the suggestion of a certain amount of versatility and adaptability, rather than deceit or cunning. A large proportion of the mind is still occupied by the brown of selfish tendencies; but even this color will be seen to be a trifle warmer and less grim than before.

thể hiện sự cải thiện đáng kể so với thể trí của người chưa phát triển. Không chỉ vì tỷ lệ trí tuệ, tình yêu và sự sùng đạo đã tăng lên, mà còn bởi tất cả những đặc điểm này đã được cải thiện đáng kể về chất lượng. Mặc dù vẫn còn rất xa mới đạt được sự thuần khiết hoàn hảo, nhưng chúng chắc chắn đã tốt hơn nhiều về sắc thái so với những gì được thể hiện trong Hình VI. Tỷ lệ của sự kiêu ngạo vẫn cao như trước, nhưng ít nhất bây giờ đó là sự kiêu ngạo ở một mức độ cao hơn; nếu người này vẫn tự hào, thì điều đó sẽ liên quan đến những phẩm chất tốt mà y cho rằng mình sở hữu, thay vì chỉ là sự vượt trội về sức mạnh thể chất hoặc sự tàn bạo. Vẫn còn một tỷ lệ lớn màu đỏ tươi biểu thị xu hướng giận dữ, nhưng đáng chú ý là màu đỏ này giờ đây nằm ở một vị hạ trí hơn trong đám mây, điều đó có nghĩa là chất lượng tổng thể của vật chất tạo nên thể trí này đã được cải thiện. Loại màu xanh lục thấp trong thể trí của người chưa phát triển (biểu thị sự gian trá rất mạnh mẽ, nhuốm sâu bởi tham lam và ích kỷ) đòi hỏi rung động của một loại vật chất đặc hơn và thô hơn so với vật chất cần thiết để biểu thị màu đỏ tươi của sự giận dữ. Màu xanh lục tốt hơn rõ rệt được thể hiện trong thể trí của người bình thường hiện đòi hỏi rung động của loại vật chất ít đặc hơn màu đỏ tươi; do đó, vị trí tương đối của chúng đã thay đổi. Màu xanh lục giờ đây gợi ý một mức độ linh hoạt và thích nghi nào đó, thay vì gian trá hay xảo quyệt. Một phần lớn của thể trí vẫn bị chiếm bởi màu nâu của các xu hướng ích kỷ; nhưng ngay cả màu này cũng có vẻ ấm hơn và bớt u ám hơn trước.

If we now turn to Plate X we shall find the astral body which corresponds to the mental body in Plate IX—the astral body of the ordinary man. It will be seen that this astral body agrees closely with its mental, though its colors are naturally somewhat coarser and it contains very decided indications of certain passions which cannot be expressed on the higher plane. Still it will be found much improved as compared with the astral body on Plate VII. There is less of sensuality, though that is stall unfortunately one of the most prominent characteristics; but at least it is less utterly brutal and overpowering than it was. Selfishness is still very prominent, and the capability of deceit for personal ends is still undoubtedly present; but

Nếu chúng ta chuyển sang Hình X, chúng ta sẽ thấy thể cảm dục tương ứng với thể trí trong Hình IX—thể cảm dục của người bình thường. Có thể nhận thấy rằng thể cảm dục này tương đồng chặt chẽ với thể trí của nó, mặc dù màu sắc của nó tự nhiên thô hơn và nó chứa đựng các dấu hiệu rất rõ ràng về những đam mê mà không thể biểu hiện trên cõi cao hơn. Tuy vậy, nó vẫn được cải thiện rất nhiều so với thể cảm dục trong Hình VII. Sự ham muốn xác thịt vẫn còn nổi bật, mặc dù đáng tiếc, đó vẫn là một trong những đặc điểm chủ đạo; nhưng ít nhất nó không còn hoàn toàn thô bạo và áp đảo như trước. Tính ích kỷ vẫn rất nổi bật, và khả năng gian dối vì mục đích cá nhân vẫn chắc chắn tồn tại; nhưng màu xanh lục giờ đây dường như đang tách thành

already the green seems to be dividing itself into two distinct qualities, showing that mere cunning is gradually becoming adaptability.

hai phẩm chất riêng biệt, cho thấy rằng sự xảo quyệt đang dần trở thành khả năng thích nghi.

This drawing of the astral body represents not only the average quality of the type of man to which it belongs, but also its average condition when comparatively at rest. The astral body of any ordinary person is so very rarely at rest that we should gain but a very incomplete idea of the possibilities of its appearance if we omitted to consider it as it is when affected by sudden impulses or rushes of feeling. There are also certain more permanent attitudes of mind which produce modifications of the astral body that are sufficiently distinctive to be worthy of remark, and we shall now devote a few plates to illustrating these various effects.

Hình hình về thể cảm dục này không chỉ biểu thị chất lượng trung bình của loại người mà nó thuộc về, mà còn cả trạng thái trung bình của nó khi tương đối yên tĩnh. Thể cảm dục của bất kỳ người bình thường nào rất hiếm khi ở trạng thái yên tĩnh, vì vậy nếu chúng ta bỏ qua việc xem xét nó khi bị ảnh hưởng bởi các xung động bất ngờ hoặc các cảm xúc mãnh liệt, chúng ta sẽ chỉ có được một ý niệm không đầy đủ về các khả năng biểu hiện của nó. Ngoài ra, còn có một số trạng thái tâm lý tương đối bền vững tạo ra các biến đổi trong thể cảm dục đủ đặc trưng để đáng được lưu ý, và chúng ta sẽ dành vài hình hình tiếp theo để giải thích những hiệu ứng khác nhau này.



Plate 11- Cơn Bộc Phát Cảm Xúc Thương Yêu

CHAPTER XVII

SUDDEN EMOTIONS—NHỮNG CẢM XÚC THÌNH LÌNH

SOME of these produce most striking results in the astral body—results which are well worth careful study. It should be premised that every one of the illustrations given in this book is drawn from life. They are not somebody's idea of how a man might look under certain conjectured conditions; they are the representation of the appearance presented by the vehicles of living persons under the circumstances described. They are the result, not of imagination, but of observation and careful reproduction. For instance, by turning to Plate XI, we shall see an attempt to picture the effect which is visible when a sudden wave of strong and perfectly pure affection sweeps over a person—the example chosen being that of a mother as she snatches up her baby and covers it with kisses. In a moment the astral body is thrown into violent agitation, and the original colors are for the time almost obscured. In this, as in all these cases, the astral body of the ordinary person, as given in Plate X, is taken as a basis or background, though during the passage of the violent emotion but little is seen of it. If the change introduced in Plate XI is analyzed it will be found to consist of four separate parts.

Một số trạng thái cảm xúc tạo ra những kết quả rất nổi bật trong thể cảm dục—những kết quả đáng để nghiên cứu cẩn thận. Cần lưu ý rằng mọi hình trong cuốn sách này đều được vẽ từ thực tế. Chúng không phải là ý tưởng của ai đó về cách một người có thể trông như thế nào trong những điều kiện giả định; chúng là sự tái hiện về diện mạo của các thể của những người sống trong các hoàn cảnh được mô tả. Chúng là kết quả của sự quan sát và tái tạo cẩn thận, không phải từ trí tưởng tượng. Ví dụ, khi xem Hình XI, chúng ta sẽ thấy một nỗ lực hình tác động có thể nhìn thấy khi một làn sóng tình cảm mạnh mẽ và hoàn toàn thuần khiết quét qua một người—trường hợp được chọn là người mẹ bồng đứa con của mình lên và hôn con một cách âu yếm. Trong khoảnh khắc, thể cảm dục bị khuấy động mạnh mẽ, và các màu sắc ban đầu gần như bị che khuất hoàn toàn. Trong trường hợp này, cũng như trong tất cả các trường hợp tương tự, thể cảm dục của người bình thường, như hình trong Hình X, được lấy làm cơ sở hoặc nền tảng, mặc dù trong quá trình cảm xúc mạnh mẽ xảy ra, thể đó chỉ còn thấy rất ít.

Certain coils or vortices of vivid color are to be seen, well-defined and solid-looking, and glowing with an intense light from within. Each of these is in reality a thought-form of intense affection, generated within the astral body, and about to be poured forth from it towards the object of the feeling. In the book *Thought Forms* will be found a drawing of one of these very coils as it flew through the air on its way to its goal. It will be observed that a certain modification of shape has been caused by the rapid motion, so that the spiral has become a projectile, somewhat resembling the head of a comet. It is difficult to depict these whirling clouds of living light, but their real appearance is indescribably lovely.

Nếu phân tích sự thay đổi được hình trong Hình XI, chúng ta sẽ thấy nó bao gồm bốn phần riêng biệt. Một số cuộn xoáy hoặc vòng xoắn màu sắc sống động xuất hiện, được định hình rõ ràng và trông giống như có ánh sáng rực rỡ từ bên trong. Mỗi cuộn xoáy này thực ra là một hình tư tưởng mạnh mẽ của tình yêu thương, được tạo ra trong thể cảm dục và chuẩn bị được truyền ra ngoài tới đối tượng của cảm xúc. Trong cuốn *Thought-Forms* có một hình vẽ hình một trong những cuộn xoáy này khi nó bay qua không trung tới mục tiêu của mình. Có thể nhận thấy rằng hình dạng của nó đã thay đổi một chút bởi chuyển động nhanh, khiến cho vòng xoắn trở thành một vật thể giống đầu của sao chổi. Việc tái hiện những đám mây sáng rực sống động này là điều rất khó khăn, nhưng vẻ đẹp thực sự của

chúng không thể nào diễn tả được.

The whole astral body is crossed by horizontal pulsating lines of crimson light, more difficult to represent accurately even than the thought-forms, by reason of the exceeding rapidity of their motion. The general effect, however, has been very happily caught by the artist.

Toàn bộ thể cảm dục bị cắt ngang bởi các đường ánh sáng đỏ thẫm ngang đang dao động mạnh, khó tái hiện chính xác hơn cả các hình tư tưởng, bởi tốc độ chuyển động cực kỳ nhanh của chúng. Tuy nhiên, nghệ sĩ đã nắm bắt rất thành công hiệu ứng tổng thể.

A kind of film of rose-color covers the surface of the whole astral body, so that all within is seen through it, as through tinted glass. In the drawing this shows only at the edges.

Một lớp màng màu hồng nhạt bao phủ bề mặt toàn bộ thể cảm dục, khiến mọi thứ bên trong được nhìn qua nó như qua một lớp kính màu. Trong hình vẽ, lớp màng này chỉ được hiển thị ở các cạnh.

A sort of crimson flush filling the entire astral body, tingeing to some extent all the other hues, and here and there condensing itself into irregular floating wisps, like half-formed cirrus clouds.

Một dạng ánh đỏ thẫm bao trùm toàn bộ thể cảm dục, làm mờ đi phần nào tất cả các màu khác, và đôi chỗ cô đặc lại thành những vệt mây lơ lửng không đều, giống như các đám mây ti mỏng đang hình thành.

This magnificent display of astral fireworks usually lasts only a few seconds, and then the body rapidly resumes its normal condition. Yet every such rush of feeling produces its effect; it adds a little to the crimson in the higher part of the oval, and it makes it a little easier for the particles of the astral body to respond to the next wave of affection which comes. Transient though such an impulse may be, yet as it occurs again and again its effects are cumulative; and another point which must not be forgotten is the good influence upon others which is produced by the radiation of vivid vibrations of love and joy.

Màn trình diễn tuyệt đẹp của "pháo hoa cảm dục" này thường chỉ kéo dài vài giây, sau đó thể nhanh chóng trở về trạng thái bình thường. Tuy nhiên, mỗi làn sóng cảm xúc như vậy đều để lại tác động; nó bổ sung một chút vào màu đỏ thẫm ở phần trên của hình ovoid, và làm cho các phần tử trong thể cảm dục dễ dàng đáp ứng hơn với làn sóng tình cảm tiếp theo. Mặc dù những xung động như vậy có thể chỉ thoáng qua, nhưng khi chúng xảy ra liên tiếp, hiệu ứng sẽ tích lũy; và một điểm khác không nên quên là ảnh hưởng tích cực đến người khác được tạo ra bởi sự lan tỏa của các rung động mãnh liệt của tình yêu và niềm vui.

Many true hearts will be the happier for knowing that one who sends a thought of intense affection to another actually *gives* something of himself—that a certain portion of astral matter passes from him to the loved one, charged so strongly with its own special rate of vibration that unless some determined preoccupation exists it cannot but reproduce itself, it cannot fail to set the astral body of the recipient swinging in harmony with it; and that means that love tends to kindle love, and therefore that to love a person is definitely to make hire a better man than he would otherwise be.

Nhiều trái tim chân thành sẽ vui mừng hơn khi biết rằng người gửi đi một ý nghĩ đầy tình thương thực sự cho đi một phần của bản thân mình—một phần vật chất cảm dục từ họ sẽ được truyền đến người họ yêu thương, được nạp đầy với tần số rung động đặc trưng của nó đến mức, trừ khi có sự bận tâm mạnh mẽ nào khác, người nhận không thể không cảm nhận được nó; điều này có nghĩa là tình yêu sẽ kích thích tình yêu, và yêu một người thực sự là giúp người đó trở thành một con người tốt hơn so với trước đây.



Plate 12- Sự Sùng kính Đột Ngột

Devotion **Sự sùng đạo**

Except that blue is everywhere substituted for crimson, Plate XII is almost identical with Plate XI. It illustrates a sudden accession of devotional impulse which surged over a nun while engaged in contemplation. All the four forms of manifestation which we noted in connection with the impulse of affection are also observable here—the whirling, gleaming coils, the rapidly-vibrating horizontal lines, the outer film, and the wisps of cloud—and their signification is precisely the same, substituting everywhere religious feeling for affection.

Ngoại trừ việc màu xanh lam được thay thế cho màu đỏ thẫm, Hình XII gần như giống hệt với Hình XI. Nó hình một làn sóng xúc cảm sùng đạo bất ngờ tràn ngập một nữ tu trong lúc tham thiền. Tất cả bốn hình thức biểu hiện mà chúng ta đã ghi nhận trong trường hợp của tình cảm yêu thương cũng có thể được quan sát ở đây—các cuộn xoáy rực rỡ, các đường ngang dao động nhanh, lớp màng bên ngoài, và các đám mây lơ lửng—và ý nghĩa của chúng hoàn toàn giống nhau, chỉ thay thế cảm xúc tôn giáo cho tình yêu thương.

So perfect an outburst of devotion is somewhat rare—much less common than a similarly perfect outrush of love. A surge of feeling of this nature, but generally without its definiteness or precision, may sometimes be seen to occur in the case of one who offers an act of adoration before an altar. Usually the parallel lines are less regular and less prominent, and the sharply-defined coils are altogether absent, their place being taken by shapeless clouds of blue vapor.

Một sự bùng nổ sùng đạo hoàn hảo như vậy khá hiếm—ít phổ biến hơn nhiều so với một đợt tình cảm mạnh mẽ tương tự. Một làn sóng xúc cảm thuộc loại này, nhưng thường thiếu đi sự rõ ràng và chính xác, đôi khi có thể thấy ở người thực hiện một hành động thờ phượng trước một bàn thờ. Thông thường, các đường song song ít đều đặn hơn và ít nổi bật hơn, và các cuộn xoáy được định hình rõ ràng hoàn toàn không xuất hiện, thay vào đó là các đám mây xanh lam không có hình dạng cụ thể.

In the great majority of cases, devotion as a sentiment seems to be vague and ill-defined, and so fine a specimen as that given in our illustration is indeed rare. In this instance, when the coils passed out from the astral body they did not assume the form of round-headed projectiles, as in the case of the wave of affection, but instead became splendid upward-rushing spires. One of these also is given in *Thought Forms*, and an attempt is there made to illustrate the marvellous outpouring of force from higher planes which is evoked by such an effort of devotion.

Trong phần lớn các trường hợp, lòng sùng đạo như một cảm xúc dường như mơ hồ và khó xác định, do đó một mẫu mực đẹp như hình trong hình là rất hiếm. Trong ví dụ này, khi các cuộn xoáy thoát ra từ thể cảm dục, chúng không mang hình dạng của các vật thể tròn như trong trường hợp của làn sóng tình yêu, mà thay vào đó trở thành những ngọn tháp rực rỡ lao thẳng lên. Một trong những ngọn tháp này cũng được hình trong cuốn *Thought-Forms*, với nỗ lực tái hiện sự tuôn trào kỳ diệu của năng lượng từ các cõi cao hơn được khơi dậy bởi một hành động sùng đạo như vậy.

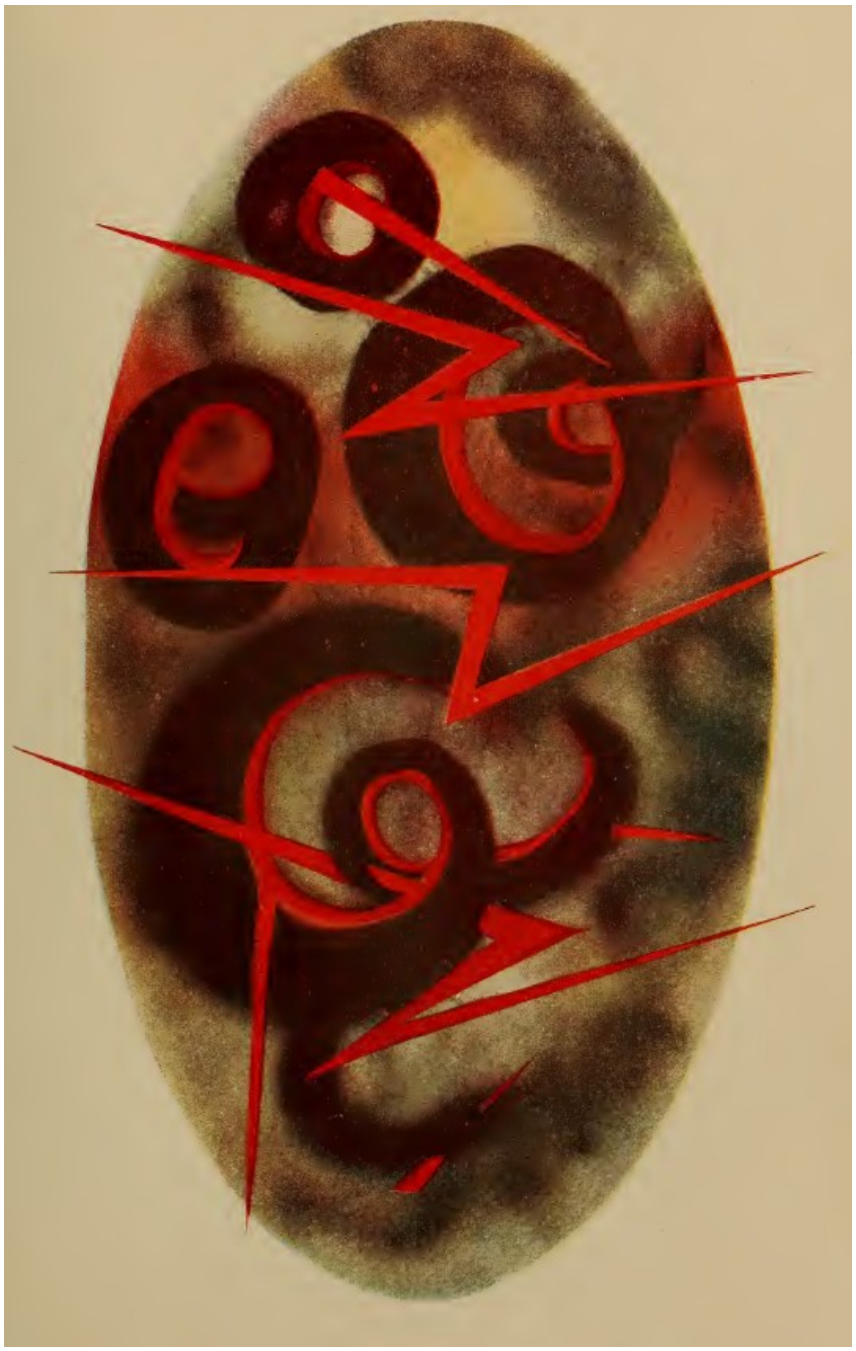


Plate 13-Cơn giận mãnh liệt

Intense Anger

Plate XIII is perhaps the most striking in appearance of the whole series, and even without any explanation it would of itself be an eloquent warning against the folly of yielding to a fit of passion. As in the previous cases, the ordinary

Cơn giận dữ mãnh liệt

Hình XIII có lẽ là hình hình nổi bật nhất trong toàn bộ loạt hình và, ngay cả khi không có lời giải thích, bản thân nó đã là một lời cảnh báo hùng hồn chống lại sự dại dột khi buông mình vào một cơn giận dữ. Cũng như trong các trường hợp trước, nền tảng

background of the astral body is temporarily obscured by the rush of feeling, but now the strong and vivid thoughts are unfortunately those of malice and ill-will. They express themselves once more as coils or vortices, but this time as heavy, thunderous masses of sooty blackness, lit up from within by the lurid glow of active hatred. Less defined wisps of the same dark cloud are to be seen defiling the whole astral body, while the fiery arrows of uncontrolled anger shoot among them like flashes of lightning.

thông thường của thể cảm dục tạm thời bị che khuất bởi làn sóng cảm xúc, nhưng lần này, những ý nghĩ mạnh mẽ và sống động lại mang tính ác ý và thù địch. Chúng tự biểu hiện một lần nữa như những cuộn xoáy hoặc vòng xoắn, nhưng lần này là những khối đen nặng nề, mịt mù, được thắp sáng từ bên trong bởi ánh sáng u ám của sự căm hận đang hoạt động. Những đám mây tối ít định hình hơn của cùng loại cũng có thể được thấy làm vấy bẩn toàn bộ thể cảm dục, trong khi những tia lửa đỏ rực của cơn giận dữ không kiểm soát bắn qua chúng như những tia chớp.

A tremendous and truly awful spectacle; and the more fully it is understood the more terrible it appears. For this is the case of a man who is absolutely transported and beside himself with rage—a man who for the time being has utterly lost control of himself. Even should the discipline of education and custom still withhold him from outward violence, those terrible flashes are penetrating other astral bodies like swords, and the man is injuring those about him just as really as, though less visibly than, if he assaulted them on the physical plane.

Một cảnh tượng khủng khiếp và thực sự đáng sợ; và khi hiểu rõ hơn, nó càng trở nên kinh hoàng hơn. Đây là trường hợp của một người bị cuốn đi hoàn toàn bởi cơn giận dữ—một người trong thời điểm đó đã hoàn toàn mất kiểm soát bản thân. Ngay cả khi kỷ luật từ giáo dục hoặc phong tục vẫn ngăn cản y khỏi bạo lực bên ngoài, những tia lửa kinh khủng đó vẫn xuyên qua các thể cảm dục khác như những lưỡi dao, và người này đang thực sự gây tổn thương cho những người xung quanh, dù ít thấy rõ hơn so với khi y tấn công họ trên cõi trần.

While he is thus a source of danger to others, he is utterly defenceless himself. For the moment passion has entirely controlled him; the desire-elemental is supreme, and the true man has temporarily lost hold of his vehicle. Under those circumstances another and stronger will may seize that which he has allowed to be wrested from him. In other words, at such a moment, when a man is transported with rage, he is liable to be seized and obsessed either by a dead man of similar nature or by some evil artificial elemental whose vibrations synchronize with those which are dominating him. Not only is he a danger to his fellows, but he is in appalling danger to himself.

Trong khi là một mối nguy cho người khác, y lại hoàn toàn không có khả năng tự vệ. Trong khoảnh khắc đó, cơn giận hoàn toàn kiểm soát y; dục vọng-tinh linh (desire-elemental) là kẻ thống trị, và con người thật sự tạm thời mất quyền kiểm soát phương tiện của mình. Trong những điều kiện đó, một ý chí mạnh hơn khác có thể chiếm lấy thứ mà y đã để bị tước đoạt. Nói cách khác, vào những lúc như vậy, khi một người bị cuốn đi bởi cơn giận dữ, y dễ bị chiếm đoạt bởi một người đã chết có bản chất tương tự, hoặc bởi một tinh linh nhân tạo xấu xa có rung động đồng bộ với những gì đang chi phối y. Không chỉ là mối nguy cho đồng loại, y còn đối diện với nguy cơ kinh hoàng cho chính bản thân mình.

The case selected for illustration is of course an extreme one, and such a condition does not usually last more than a few minutes. But everyone who falls into a passion exhibits these characteristics to some extent; and one cannot but feel that if men only knew how they appeared in the eyes of those

Trường hợp được chọn hình dĩ nhiên là một ví dụ cực đoan, và trạng thái như vậy thường không kéo dài quá vài phút. Nhưng bất kỳ ai rơi vào cơn giận cũng biểu hiện các đặc điểm này ở một mức độ nào đó; và người ta không thể không cảm thấy rằng nếu con người biết họ trông như thế nào trong mắt

who can see, when they yield themselves to those outbursts of anger, they would surely take far greater care to avoid them.

những người có thể nhìn thấy khi họ buông mình vào những cơn bùng phát giận dữ, chắc chắn họ sẽ cẩn thận hơn rất nhiều để tránh chúng.

The gust of passion passes away, but it leaves its mark behind. In the astral body of the average man there is always a certain amount of scarlet, which shows the capacity for anger, the possibility of being irritated; and each outburst of rage adds something to this, and predisposes the matter of the entire vehicle to respond somewhat more readily than before to these very undesirable vibrations.

Cơn bão giận dữ có thể qua đi, nhưng nó để lại dấu vết của mình. Trong thể cảm dục của người bình thường luôn có một lượng màu đỏ tươi nhất định, biểu thị khả năng giận dữ, tức là khả năng bị kích thích. Mỗi lần bùng nổ cơn giận lại thêm vào phần màu này, và khiến toàn bộ vật chất trong thể dễ dàng phản ứng hơn trước với những rung động rất không mong muốn này.

It must also be remembered that though the passion may be impermanent, the record of it remains for ever in the memory of nature; though the elemental created by an evil wish will cease to exist after a period proportioned to the strength of that wish, yet the living photograph of every instant of its life remains, and all the wide-spreading results of its actions during that life are arched with absolute justice to the karma of its creator.

Cũng cần nhớ rằng, mặc dù cơn giận có thể chỉ là tạm thời, nhưng dấu vết của nó vẫn còn mãi mãi trong ký ức của thiên nhiên. Mặc dù các tinh linh được tạo ra bởi một ý muốn xấu xa sẽ ngừng tồn tại sau một khoảng thời gian tương ứng với sức mạnh của ý muốn đó, nhưng hình ảnh sống động của từng khoảnh khắc trong đời sống của nó vẫn tồn tại, và tất cả các kết quả lan tỏa từ hành động của nó trong thời gian đó được ghi lại với sự công bằng tuyệt đối vào nghiệp quả của người đã tạo ra nó.

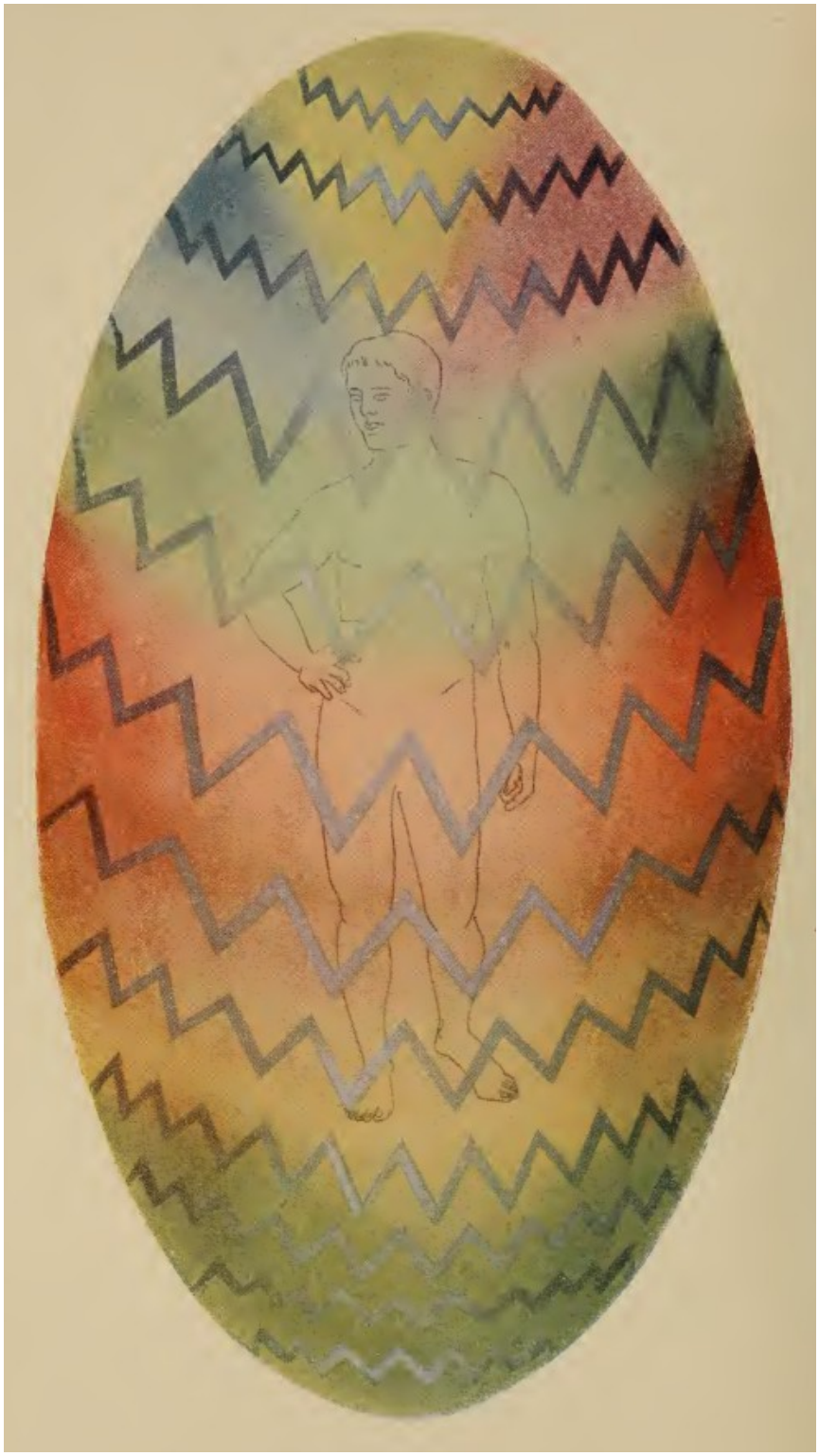


Plate 14-Nỗi sợ hãi

Fear **Nỗi sợ hãi**

The effect of fear upon the astral body is very striking. A sudden shock of terror will in an instant suffuse the entire body with a curious livid grey mist, while horizontal lines of the same hue appear, but vibrate with such violence as to be hardly recognizable as separate lines. The result is indescribably ghastly, and it is impossible to convey an adequate idea of it by illustration. Plate XIV gives such suggestion of it as can be put upon paper, but it can hardly depict the strange way in which all light fades out for the time from the body, and the whole grey mass quivers helplessly like a jelly.

Such an appearance as this denotes deadly panic, and ordinarily soon passes away. A condition of permanent fear or extreme nervousness expresses itself in a much modified form of the same phenomena, but the peculiar tinge of grey, and the characteristic quiver, are invariable signs of this haunting presence.

Ảnh hưởng của nỗi sợ lên thể cảm dục rất đáng chú ý. Một cú sốc kinh hoàng bất ngờ sẽ ngay lập tức làm tràn ngập toàn bộ thể với một màn sương xám nhợt nhạt kỳ lạ, trong khi các đường ngang cùng màu xuất hiện, nhưng rung động với cường độ mạnh đến mức khó có thể nhận ra chúng là các đường riêng biệt. Kết quả này không thể diễn tả được sự ghê rợn của nó, và không thể truyền đạt một ý niệm đầy đủ về nó qua hình. Hình XIV đưa ra một gợi ý về điều này trong giới hạn có thể trình bày trên giấy, nhưng không thể nào thể hiện được cách ánh sáng biến mất hoàn toàn khỏi thể trong thời gian này, và toàn bộ khối xám rung lên bất lực như một khối thạch.

Diện mạo như vậy biểu thị một cơn hoảng loạn chết người và thông thường sẽ sớm qua đi. Một trạng thái sợ hãi lâu dài hoặc lo âu cực độ biểu hiện qua một dạng đã được sửa đổi nhiều của cùng hiện tượng này, nhưng sắc thái xám đặc trưng và sự rung động bất thường của thể là những dấu hiệu không thể thiếu của sự hiện diện đeo bám này.

CHAPTER XVIII

MORE PERMANENT CONDITIONS—CÁC TÌNH TRẠNG LÂU DÀI HƠN

WE have endeavored to illustrate the immediate effect of some of the sudden emotions which affect the outer vehicles of man, and to explain that, quickly as they pass, they are not without permanent results to the soul within. It remains for us to describe the way in which certain dispositions or types of character manifest themselves, so that it may be seen to what extent each of these modifies the progress of the man upon his upward path.

Chúng tôi đã cố gắng hình hiệu ứng tức thời của một số cảm xúc bất chợt ảnh hưởng đến các thể bên ngoài của con người, và giải thích rằng, mặc dù chúng trôi qua nhanh chóng, nhưng không phải không để lại những kết quả lâu dài cho linh hồn bên trong. Chúng ta cần mô tả cách mà một số khuynh hướng hoặc loại tính cách nhất định biểu lộ ra ngoài, để có thể thấy được mức độ chúng ảnh hưởng đến tiến trình của con người trên con đường tiến hóa của mình.

There is one influence, however, which produces a considerable result in the lives of most men, which does not exactly belong to either of these categories. It is often sudden in its advent, and in most cases it is certainly not life-long in its duration; but still it does not fade away so rapidly as those which we have been considering. Nevertheless, in the life of such a man as is imaged in Plates VIII, IX, and X, it is usually the main event; indeed it is very frequently the one really bright spot in an existence which is otherwise monotonous, sordid and selfish—the only occasion on which such a personality is lifted temporarily out of himself, and lives for a while on an altogether higher level.

Tuy nhiên, có một ảnh hưởng tạo ra kết quả đáng kể trong cuộc sống của hầu hết con người, nhưng không hoàn toàn thuộc về hai phạm trù vừa nêu. Nó thường xảy ra một cách bất ngờ, và trong hầu hết các trường hợp, chắc chắn không kéo dài suốt đời; tuy nhiên, nó không biến mất nhanh chóng như những ảnh hưởng mà chúng ta đã xem xét. Tuy nhiên, trong cuộc sống của một người như được hình dung trong các hình VIII, IX và X, đó thường là sự kiện chính; thực sự, nó thường là điểm sáng duy nhất trong một cuộc sống vốn dĩ đơn điệu, thấp hèn và ích kỷ—là cơ hội duy nhất để một cá nhân thoát ra khỏi chính mình và sống trong một thời gian ngắn ở một mức độ cao hơn hẳn.

This sudden elevation comes to the person who, as it is commonly called, “falls in love”.

Sự nâng cao đột ngột này đến với người mà chúng ta thường gọi là "đang yêu".

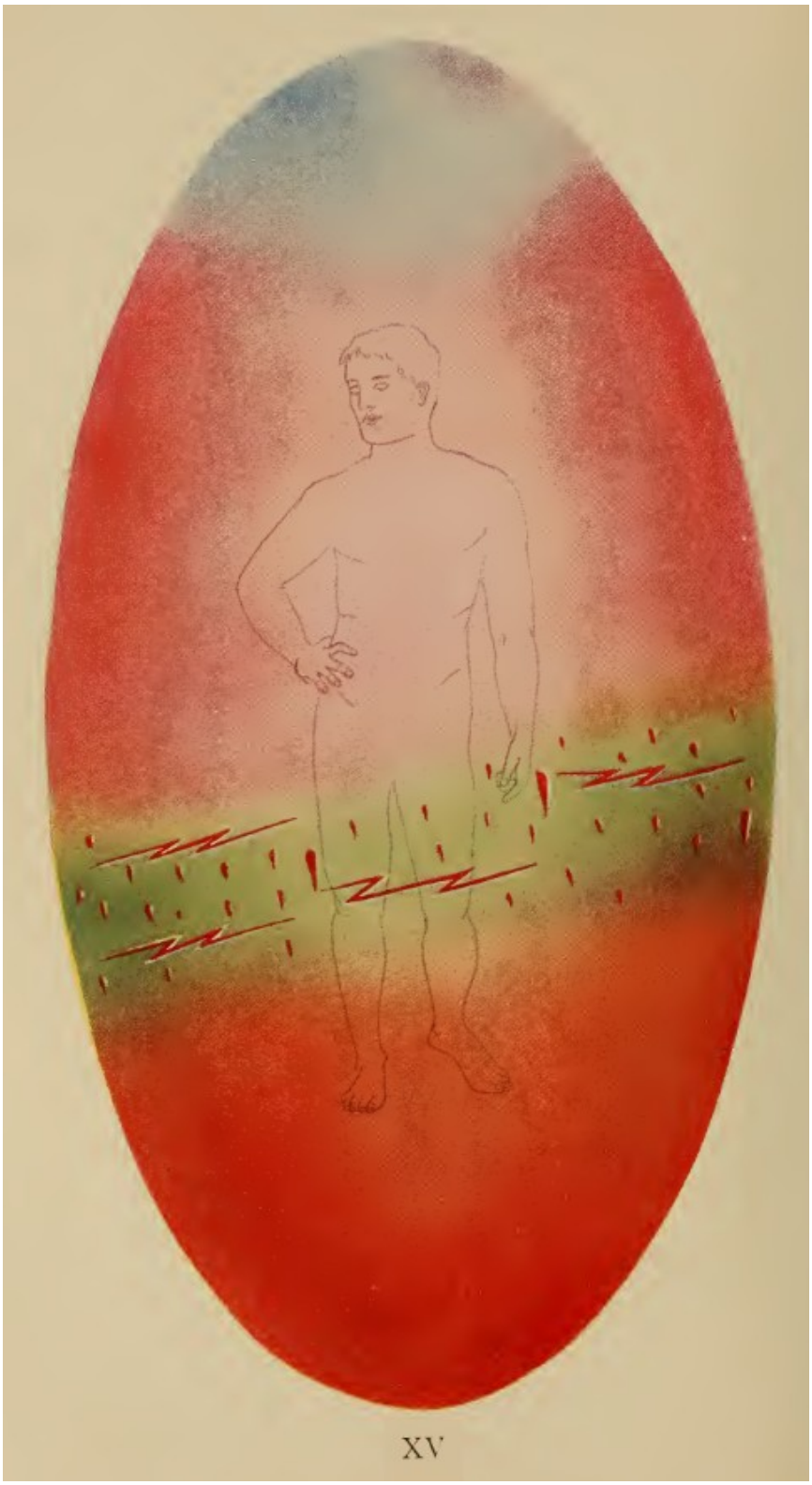


Plate 15-Một người bình thường đang yêu

Into a life cramped and limited there suddenly Trong một cuộc sống bị bó buộc và giới hạn, bất ngờ

shines a gleam from above, and the divine spark within glows brighter in response. Later, the man may lose it again, and descend once more into the murky light of common day; yet nothing can take away from him the experience, and the glory of the higher life has been to some extent revealed. He has at least passed through a phase when for a longer or shorter period self was dethroned, and another entity occupied the first place in his world; and thus he learns, for the first time, one of the most valuable lessons in the whole course of his evolution. It will be aeons yet before that lesson is perfectly assimilated, yet even this first glimpse of it is of enormous importance to the ego, and its effect on the astral body is worthy of special notice.

lóe lên một tia sáng từ trên cao, và tia lửa thiêng liêng bên trong sáng lên mạnh mẽ hơn để đáp lại. Sau đó, con người có thể mất nó, và một lần nữa chìm vào ánh sáng mờ nhạt của đời thường; nhưng không điều gì có thể lấy đi trải nghiệm đó, và ánh hào quang của đời sống cao hơn đã phần nào được hé lộ. Ít nhất anh ta đã trải qua một giai đoạn mà trong một thời gian ngắn hoặc dài hơn, cái tôi bị lật đổ, và một thực thể khác chiếm vị trí quan trọng nhất trong thế giới của anh ta; và qua đó, lần đầu tiên, anh ta học được một trong những bài học giá trị nhất trong suốt tiến trình tiến hóa của mình. Phải trải qua những kỷ nguyên nữa trước khi bài học đó được hoàn toàn đồng hóa, nhưng ngay cả cái nhìn đầu tiên này cũng có ý nghĩa to lớn đối với chân ngã, và ảnh hưởng của nó lên thể cảm dục đáng được chú ý đặc biệt.

The transformation is unexpected and complete, as will be seen by comparing Plate X with Plate XV. The two bodies could not be recognized as belonging to the same person, so extraordinary is the alteration. It will be seen that certain qualities have altogether disappeared for the time, that others have been enormously increased, and that their relative positions have considerably changed.

Sự biến đổi này bất ngờ và trọn vẹn, như sẽ thấy qua việc so sánh hình X với hình XV. Hai thể này dường như không thể nhận ra là thuộc về cùng một người, sự thay đổi quá kỳ lạ. Có thể thấy rằng một số phẩm chất đã hoàn toàn biến mất trong một thời gian, trong khi những phẩm chất khác được gia tăng mạnh mẽ, và vị trí tương đối của chúng đã thay đổi đáng kể.

Selfishness, deceit and avarice have vanished, and the lowest part of the oval is now filled with a large development of animal passions. The green of adaptability has been replaced by the peculiar brownish-green of jealousy, and the extreme activity of this feeling is shown by the bright scarlet flashes of anger which permeate it.

Tính ích kỷ, lừa dối và tham lam đã biến mất, và phần thấp nhất của hình bầu dục hiện được lấp đầy bởi sự phát triển lớn của các đam mê thuộc bản năng động vật. Màu xanh lá của sự thích nghi đã được thay thế bằng màu xanh nâu đặc biệt của lòng ghen tị, và hoạt động mạnh mẽ của cảm xúc này được thể hiện qua những tia sáng đỏ tươi của cơn giận lan tỏa khắp nơi.

But the undesirable changes are more than counterbalanced by the splendid band of crimson which fills so large a part of the oval. This is for the time a dominant characteristic; and the whole astral body glows with its light. Under its influence the general muddiness of the ordinary body has disappeared, and the hues are all brilliant and clearly marked, good and bad alike. It is an intensification of the life in various directions.

Tuy nhiên, những thay đổi không mong muốn này lại bị lấn át bởi dải màu đỏ thắm rực rỡ lấp đầy phần lớn hình bầu dục. Đây là đặc điểm chi phối tạm thời; và toàn bộ thể cảm dục sáng lên với ánh sáng của nó. Dưới ảnh hưởng này, sự mờ đục chung của thể thông thường đã biến mất, và tất cả các sắc thái đều trở nên sáng rõ, dù tốt hay xấu. Đây là sự tăng cường của cuộc sống theo nhiều hướng khác nhau.

It will be noticed that the blue of devotion is also distinctly improved, and even (so much has the

Có thể nhận thấy rằng màu xanh của sự sùng kính cũng được cải thiện rõ rệt, và thậm chí (vì bản chất

nature been temporarily elevated) a touch of pale violet appears at the summit of the ovoid, indicating a capacity of response to a really high and unselfish ideal. The yellow of intellect, however, has entirely vanished for the time—which I suppose would be considered by the cynical as characteristic of the condition!

đã được nâng cao tạm thời) một chút màu tím nhạt xuất hiện ở đỉnh hình bầu dục, cho thấy khả năng đáp ứng với một lý tưởng cao cả và vị tha thực sự. Tuy nhiên, màu vàng của trí tuệ lại hoàn toàn biến mất trong thời gian này—điều mà có lẽ những người hoài nghi sẽ coi là đặc điểm điển hình của trạng thái này!

It seems scarcely possible that after all this brilliant development the man should sink back again into the condition indicated in Plate X, yet in the majority of cases this is what occurs, though naturally the amount of crimson has considerably augmented, and it is clearer in hue than before. This experience of being "in love" is assuredly a valuable one for the ego, and gives him a definite forward impulse, even though there may often be associated with it much that is undesirable.

Dường như khó có thể tin rằng sau tất cả sự phát triển rực rỡ này, con người lại rơi trở lại trạng thái được chỉ ra trong hình X, nhưng trong phần lớn các trường hợp, đây chính là điều xảy ra, mặc dù dĩ nhiên lượng màu đỏ thắm đã tăng lên đáng kể, và nó rõ ràng hơn trước. Trải nghiệm "đang yêu" này chắc chắn là một điều quý giá đối với chân ngã, và mang lại cho y một động lực tiến về phía trước rõ rệt, mặc dù thường đi kèm với nhiều yếu tố không mong muốn.

The intensely strong and unselfish affection often felt by children for those somewhat older than themselves is a very powerful factor in their progress, since it is usually an unmixed benefit, free from all associations connected with the lower animal nature. Even though such affection may seem transitory, and may change its object more than once as years roll on, it is nevertheless very real while it lasts, and it serves a noble purpose in preparing the vehicle to respond more readily to the stronger vibrations which are yet in the future just as the unset blossom of the fruit-tree, which seems to come to nothing, in reality has its function, since it not only looks exceedingly beautiful at the time, but also helps to draw up the sap for the fruit that is to come.

Tình cảm mãnh liệt và vị tha thường được trẻ em dành cho những người lớn tuổi hơn chúng là một yếu tố rất mạnh mẽ trong sự tiến hóa của chúng, vì nó thường mang lại lợi ích thuần túy, không bị lẫn với những liên kết thuộc về bản năng thấp hơn. Mặc dù tình cảm này có vẻ thoáng qua và có thể thay đổi đối tượng theo thời gian, nhưng nó vẫn rất chân thật khi tồn tại và phục vụ một mục đích cao cả, chuẩn bị cho các thể đáp ứng nhanh hơn với những rung động mạnh mẽ hơn trong tương lai, giống như bông hoa chưa nở của cây ăn quả, tưởng chừng như không có ý nghĩa, nhưng thực tế lại có chức năng của nó, bởi không chỉ làm đẹp vào thời điểm đó mà còn giúp thu hút nhựa cây cho những trái quả sắp tới.



Plate 16-Người cáu kỉnh

The Irritable Man **Người Cáu Kỉnh**

We turn now to the consideration of the manner in which certain special types of character exhibit themselves in the bodies of the man. The case of the irritable man is a good specimen of these. His astral body will usually show a broad band of scarlet as one of its prominent features, as we see in Plate XVI. But what especially differentiates him from other men is the presence in all parts of the astral body of little floating flecks of scarlet, somewhat like notes of exclamation. These are the result of little accessions of vexation at the small worries which are constantly occurring in ordinary life. Every time any little trifle goes wrong—when his coffee is cold, when he misses his train, or when the baby upsets the ink-bottle—the irascible man gives vent to an impatient or angry exclamation, and a tiny scarlet flash shows the uncontrolled feeling. In some cases these little messengers of undisciplined temper fly outward towards the person who is supposed to be responsible for whatever has gone wrong; but in many others they simply remain floating within him, suspended in the matter of the astral body, and presenting the appearance shown in our illustration. These spots gradually fade away, but their places are taken by others, for the irritable man is never at a loss for subjects of annoyance.

Chúng ta chuyển sang xem xét cách mà một số loại tính cách đặc biệt thể hiện ra trong các thể của con người. Trường hợp của người cáu kỉnh là một ví dụ điển hình. Thể cảm dục của y thường hiển thị một dải màu đỏ tươi rộng, như được thấy trong hình XVI. Nhưng điều đặc biệt phân biệt y với những người khác là sự hiện diện ở mọi phần của thể cảm dục những mảng nhỏ màu đỏ tươi trôi nổi, giống như các dấu chấm than. Đây là kết quả của những cơn bực bội nhỏ nhặt trước những phiền toái nhỏ nhặt xảy ra liên tục trong đời sống hàng ngày. Mỗi khi có điều gì đó nhỏ nhặt không như ý—như khi cà phê bị nguội, y trễ tàu, hoặc đứa trẻ làm đổ lọ mực—người cáu kỉnh thốt lên một lời trách móc hoặc giận dữ, và một tia đỏ tươi nhỏ xuất hiện, biểu lộ cảm xúc không kiểm soát được. Trong một số trường hợp, những "sứ giả" nhỏ của sự nóng giận không được chế ngự này bay ra ngoài, hướng về phía người được cho là chịu trách nhiệm về sự cố đó; nhưng trong nhiều trường hợp khác, chúng chỉ lơ lửng bên trong, bị giữ lại trong chất liệu của thể cảm dục, tạo thành hình ảnh như trong hình. Những đốm này dần dần phai nhạt, nhưng vị trí của chúng lại được thay thế bởi những đốm mới, bởi người cáu kỉnh không bao giờ thiếu lý do để bực bội.



Plate 17-Người hà tiện

The Miser **Người Hà Tiện**

Another striking, but happily less common, spectacle, is that which is imaged for us in Plate XVII. The background differs somewhat from the ordinary astral body, for there is a total absence of devotion, and far less than the normal proportion of affection. Avarice, selfishness, deceit and adaptability (or perhaps, rather, cunning) are all intensified, but, on the other hand, there is very little sensuality. The most remarkable characteristic, however, is to be seen in the curious series of parallel horizontal lines which bar the oval, and give the impression that the man within is confined in a cage. These bars are of a deep brown color, almost burnt sienna, level and clearly marked as to their upper edge, but shading off into a sort of cloud below.

Một hình ảnh khác, tuy ít phổ biến hơn, nhưng rất nổi bật, là hình trong hình XVII. Nền của thể này khác biệt đôi chút so với thể cảm dục thông thường, bởi vì không có chút sùng kính nào, và tỷ lệ tình cảm ít hơn đáng kể so với mức bình thường. Lòng tham lam, ích kỷ, lừa dối và sự thích ứng (hay có lẽ là sự xảo quyệt) đều được tăng cường, nhưng mặt khác, cảm giác dục vọng lại rất ít. Tuy nhiên, đặc điểm đáng chú ý nhất là loạt các vạch ngang song song lạ lùng, cắt ngang hình bầu dục, tạo ấn tượng rằng người bên trong bị giam cầm trong một chiếc lồng. Những vạch này có màu nâu đậm, gần như nâu cháy, cạnh trên thẳng và rõ ràng, nhưng mờ dần thành một đám mây ở phía dưới.

This is an illustration of a confirmed miser, and naturally so extreme a case is not very common; but a large number of people seem to have some of the elements of the miser in their nature, and show them by an intensification of the color of avarice and by one or two such bars in the upper part of the astral body, though few are so completely, confined as is this specimen. It is obvious that this man has shut himself away from the world, and that vibrations from without cannot readily affect him. Probably in this way he escapes some of the ordinary temptations of life, but he also makes himself impervious to the love and sympathy of his friends, and to all the higher religious feelings. Above all, his prison-bars prevent the passage of vibrations outward as well as inward, and he himself can pour out neither affection nor devotion. He is wrapped absolutely in his own selfishness, and is doing no good to any human being, and while that is his condition he can make no progress. This vice of avarice seems to have the effect of completely arresting development for the time, and it is very difficult to shake off when once it has gained a firm hold upon the personality.

Đây là hình ảnh của một người hà tiện cố chấp, và tất nhiên, những trường hợp cực đoan như vậy không phổ biến; nhưng có một số lượng lớn người dường như có một số yếu tố của tính hà tiện trong bản chất của họ, thể hiện qua sự tăng cường màu sắc của lòng tham và một hoặc hai thanh ngang ở phần trên của thể cảm dục, mặc dù ít ai bị giam cầm hoàn toàn như trường hợp này. Rõ ràng, người này đã tự cô lập mình khỏi thế giới, và các rung động từ bên ngoài không thể dễ dàng ảnh hưởng đến y. Có lẽ bằng cách này, y thoát khỏi một số cám dỗ thông thường trong cuộc sống, nhưng đồng thời cũng làm cho mình không thể tiếp nhận được tình yêu và sự cảm thông của bạn bè, cũng như tất cả các cảm xúc tôn giáo cao cả hơn. Đặc biệt, các thanh chắn của y ngăn cản rung động lan truyền ra ngoài cũng như vào trong, và bản thân y không thể bày tỏ tình cảm hay lòng sùng kính. Y hoàn toàn chìm đắm trong sự ích kỷ của mình, không mang lại lợi ích gì cho bất kỳ ai, và trong tình trạng đó, y không thể tiến bộ. Thói xấu hà tiện này dường như có tác dụng hoàn toàn ngăn chặn sự phát triển trong một thời gian, và rất khó để loại bỏ khi nó đã bám chắc vào nhân cách.



Plate 18-Trầm cảm sâu sắc

Deep Depression **Sự Trầm Cảm Sâu Sắc**

The astral body shown in Plate XVIII is in many ways similar to the last. Here, however, we have dull grey lines instead of the brown, and the whole effect is indescribably gloomy and depressing to the observer. It does not seem that in this case any qualities are necessarily absent; we have simply the ordinary colors of the body as a background, but all are veiled by these heavy weeping lines. Our picture represents a person during a period of extreme depression, when he is as utterly isolated as was the miser, and naturally there are very many intermediate stages between this and the healthy astral body. A man may have only a few bars of depression, and even they may be but transient; or in slighter and less persistent cases, the heavy cloud may hardly have time to arrange itself in lines at all.

Thể cảm dục được hình trong hình XVIII có nhiều điểm tương đồng với thể của người hà tiện. Tuy nhiên, ở đây chúng ta có những đường xám xịt thay vì màu nâu, và toàn bộ hiệu ứng mang lại cảm giác ảm đạm và nặng nề không thể tả. Trong trường hợp này, dường như không có phẩm chất nào bị thiếu; chúng ta chỉ đơn giản thấy các màu sắc thông thường của thể làm nền, nhưng tất cả đều bị che phủ bởi những đường nặng nề như đang khóc. Bức tranh của chúng ta mô tả một người trong giai đoạn trầm cảm sâu sắc, khi y hoàn toàn bị cô lập như người hà tiện, và tất nhiên có rất nhiều giai đoạn trung gian giữa trạng thái này và một thể cảm dục khỏe mạnh. Một người có thể chỉ có vài vạch trầm cảm, và thậm chí những vạch này có thể chỉ là tạm thời; hoặc trong các trường hợp nhẹ hơn và ít kéo dài hơn, đám mây nặng nề có thể không đủ thời gian để sắp xếp thành các vạch rõ ràng.

Yet there are only too many who yield themselves to these feelings, and allow the fog of despair to close round them until all the world looks black; not realizing that in doing so they are not only seriously delaying their own evolution and losing manifold opportunities, but are also causing unnecessary suffering and injury to all those near to them. No psychic condition is more infectious than this feeling of depression; its vibrations radiate in all directions and introduce their slackening, deadening effects into every astral body within reach, whether the ego to which that astral body belongs is in incarnation or not. The man who gives way to despondency is thus a nuisance and a danger alike to the living and the dead, for in these days of overstrain and nervous worry most people find it very difficult to resist the contagion of these funereal vibrations.

Tuy nhiên, có rất nhiều người dễ dàng buông xuôi mình trước những cảm xúc này và cho phép màn sương tuyệt vọng bao phủ quanh họ, khiến toàn bộ thế giới trở nên đen tối; họ không nhận ra rằng khi làm như vậy, họ không chỉ làm chậm tiến trình tiến hóa của mình một cách nghiêm trọng và đánh mất vô số cơ hội, mà còn gây ra sự đau khổ và tổn hại không cần thiết cho tất cả những người xung quanh. Không trạng thái tâm linh nào dễ lây lan hơn cảm giác trầm cảm; những rung động của nó lan tỏa theo mọi hướng và mang đến những hiệu ứng làm chậm lại, làm suy giảm trong mỗi thể cảm dục nằm trong phạm vi của nó, dù chân ngã của thể đó đang trong giai đoạn nhập thế hay không. Người nhượng bộ sự u ám này trở thành một mối phiền toái và nguy hiểm đối với cả người sống và người đã khuất, bởi trong những ngày đầy căng thẳng và lo lắng thần kinh hiện nay, hầu hết mọi người đều thấy rất khó để chống lại sự lây nhiễm của những rung động tang thương này.

The only man who is proof against such dire influences is he who understands something of the purpose of life, who regards it from the philosophical and commonsense standpoint. Fortunately good influences can be spread abroad just as readily as evil ones, and the man who is wise

Người duy nhất miễn nhiễm trước những ảnh hưởng khủng khiếp như vậy là người hiểu được một phần mục đích của đời sống, người nhìn nhận nó từ góc độ triết lý và thực tế thông thường. May mắn thay, những ảnh hưởng tốt lành cũng có thể lan tỏa rộng rãi như những ảnh hưởng xấu, và

enough to be happy will become a centre of happiness for others, a veritable sun, shedding light and joy on all around him, and to this extent acting as a fellow-worker together with God, who is the source of all joy. In this way we may all of us help to break up these gloomy bars of depression, and set the soul within them free in the glorious sunlight of the divine love.

người đủ sáng suốt để hạnh phúc sẽ trở thành một trung tâm hạnh phúc cho những người khác, một mặt trời thực thụ, tỏa sáng niềm vui và ánh sáng cho tất cả những người xung quanh, và ở một mức độ nào đó, hoạt động như một người đồng công với Thượng Đế, nguồn gốc của mọi niềm vui. Theo cách này, tất cả chúng ta có thể giúp phá tan những vạch u ám của sự trầm cảm, và giải phóng linh hồn bị giam cầm bên trong chúng ra ánh sáng rực rỡ của tình thương thiêng liêng.



Plate 19-Người sùng đạo

The Devotional Type **Loại Người Sùng Đạo**

It will be useful for us to close our list of special cases among astral bodies by examining two very distinct types, from the comparison of which a good deal may be learnt. The first of these is illustrated in Plate XIX, and we may call him the devotional man. His characteristics present themselves through the medium of his colors, and we see that he possesses the faint touch of violet which implies the possibility of his response to the presentment of a high ideal. His most prominent feature is the unusual development of the blue, showing strong religious feeling; but unfortunately only a very small proportion of this is the pure light blue of unselfish devotion, the majority being of a dark and somewhat muddy hue, suggesting the admixture of a good deal of desire for personal gain.

Sẽ hữu ích nếu chúng ta kết thúc danh sách các trường hợp đặc biệt của các thể cảm dục bằng cách xem xét hai kiểu người rất khác biệt, từ đó có thể học được nhiều điều. Kiểu đầu tiên được hình trong hình XIX, và chúng ta có thể gọi y là người sùng đạo. Đặc điểm của y thể hiện qua các màu sắc, và chúng ta thấy y có một chút sắc tím nhạt, ám chỉ khả năng đáp ứng với sự trình bày một lý tưởng cao cả. Đặc điểm nổi bật nhất của y là sự phát triển bất thường của màu xanh lam, cho thấy cảm xúc tôn giáo mạnh mẽ; nhưng không may thay, chỉ có một phần rất nhỏ của màu này là màu xanh lam sáng trong của lòng sùng kính vị tha, phần lớn còn lại là màu xanh đậm và hơi đục, gợi ý sự pha trộn với rất nhiều mong muốn lợi ích cá nhân.

The very small proportion of yellow tells us that he has very little intelligence to direct his devotion into reasonable channels, or to save him from degenerating into senseless bigotry. He has a fair proportion of affection and adaptability, though not of very high order; but the amount of sensuality manifested is much above the average, and deceit and selfishness are also very prominent. It is a remarkable fact that extreme sensuality and the devotional temperament are so frequently seen in association; it would suggest that there must be some hidden connection between them—or it may be simply that both are characteristic of a man who lives chiefly in his feelings, and is governed by them instead of trying to control them by reason. Another point to which attention should be paid is the irregularity in the distribution of the colors and the vagueness of their outline; they all melt into one another, and there are no clear lines of demarcation anywhere. This also is very expressive of the vagueness of the devotional man's conceptions.

Phần màu vàng rất nhỏ cho chúng ta biết y có rất ít trí tuệ để định hướng lòng sùng kính của mình vào những kênh hợp lý, hoặc để cứu y khỏi sự thoái hóa thành lòng cuồng tín mù quáng. Y có một tỷ lệ tình cảm và khả năng thích ứng khá tốt, nhưng không thuộc loại cao cấp; tuy nhiên, lượng dục vọng biểu lộ lại vượt mức trung bình, và sự lừa dối cũng như ích kỷ cũng rất nổi bật. Thật đáng chú ý là sự kết hợp giữa dục vọng cực độ và tính sùng đạo thường xuyên được nhìn thấy cùng nhau; điều này gợi ý rằng có thể có một mối liên hệ tiềm ẩn giữa chúng—hoặc có thể đơn giản là cả hai đặc điểm này đều đặc trưng cho một người sống chủ yếu theo cảm xúc và bị chi phối bởi chúng thay vì cố gắng kiểm soát chúng bằng lý trí. Một điểm khác đáng lưu ý là sự phân bố không đều của các màu sắc và sự mờ nhạt của đường viền; tất cả các màu sắc hòa lẫn vào nhau, không có đường phân chia rõ ràng nào. Điều này cũng rất biểu cảm về sự mơ hồ trong các khái niệm của người sùng đạo.

It will be understood that in this case; as in all the others of this chapter, we are dealing merely with variants of the ordinary person. Consequently this is the astral body of an ordinary and non-intellectual religious man—not in the least that of the developed religious man whose devotion is evoked by full comprehension and guided by

Cần hiểu rằng trong trường hợp này, cũng như trong tất cả các trường hợp khác trong chương này, chúng ta chỉ đang xử lý các biến thể của người thông thường. Do đó, đây là thể cảm dục của một người tôn giáo bình thường và không trí thức—không phải của một người tôn giáo đã phát triển, người mà lòng sùng kính được khơi dậy bởi sự hiểu

reason. biết đầy đủ và được dẫn dắt bởi lý trí.

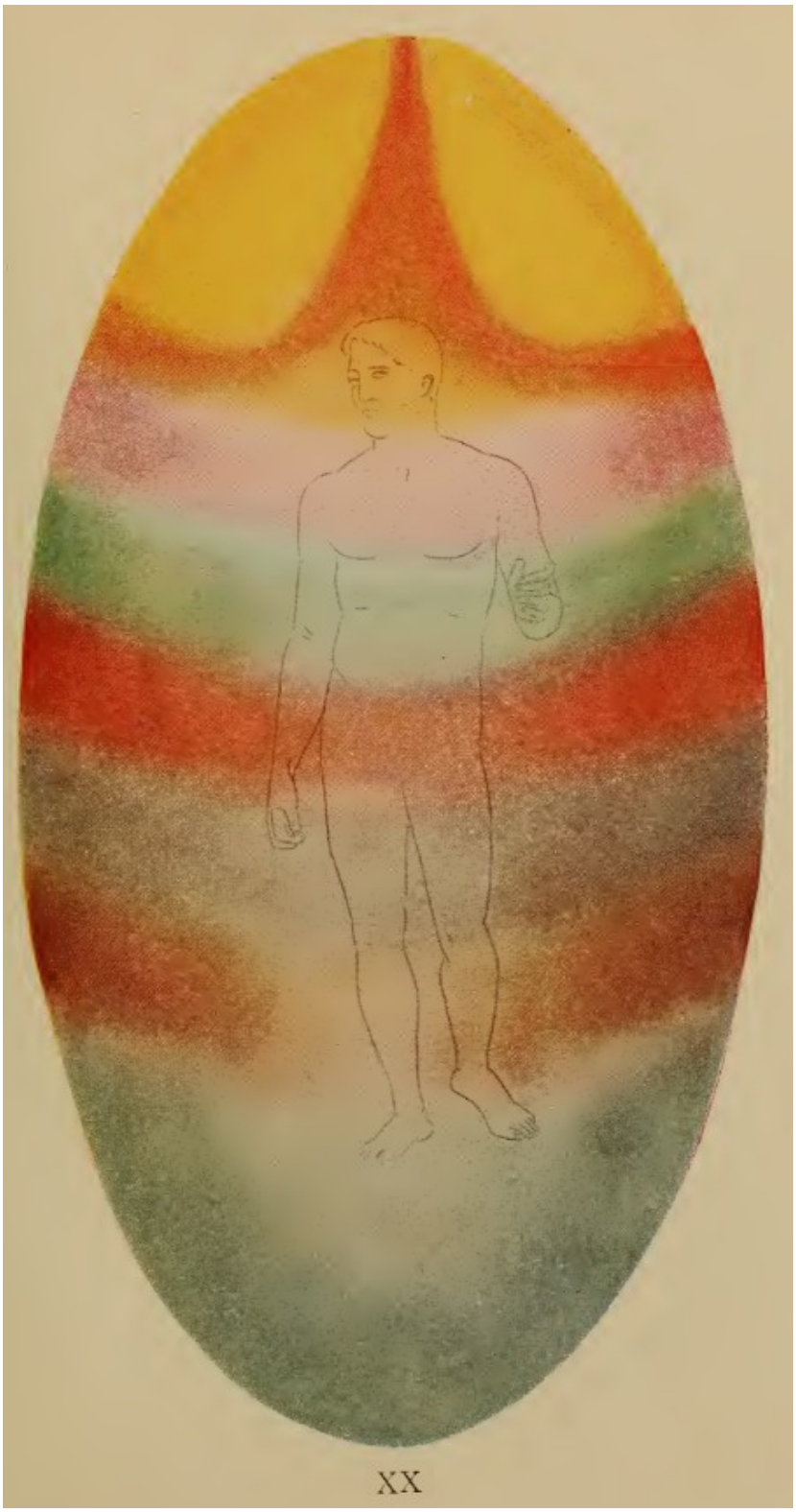


Plate 20-Người khoa học

The scientific type

The observer can hardly fail to be struck by the contrast between the body illustrated in Plate XX and that which we have just described. In Plate XIX we see that the principal features are devotion (of a sort) and sensuality, and a very small modicum of intellect is shown; in Plate XX we have no devotion at all, and far less than the average amount of sensuality, but the intellect is developed to a very abnormal degree. Affection and adaptability are both somewhat small in quantity and poor in quality, being apparently overshadowed by the intellectual development, as the man is not yet sufficiently advanced to possess all these qualities equally in their higher forms. There is a good deal of selfishness and avarice, and a certain capability of jealousy is also apparent. But the great feature of this man is the large proportion of golden yellow, showing a well-developed intelligence directed principally to the attainment of knowledge. A huge cone of bright orange rising in the midst of it indicates the presence of much pride and ambition in connection with that knowledge, but still the shade of the yellow precludes the idea that the intellect is debased to merely selfish ends.

It should be noticed also that the scientific and orderly habit of mind has a distinct influence upon the arrangement of the astral colors; they tend to fall into regular bands, and the lines of demarcation between them are decidedly more definite than in the previous illustration.

It is evident that the bodies pictured in Plate XIX and XX give us examples of two varieties of unequal development; and while each has its good points, each also has decided disadvantages. We shall now proceed to the consideration of the vehicles of the more developed man who possesses all these various qualities to a much greater extent, but has them well balanced, so that each supports and strengthens the other, instead of dominating or stifling it.

Loại Người Khoa Học

Người quan sát khó có thể không nhận thấy sự tương phản rõ rệt giữa thể được hình trong hình XX và thể mà chúng ta vừa mô tả. Trong hình XIX, chúng ta thấy các đặc điểm chính là lòng sùng kính (ở một mức độ nào đó) và dục vọng, và một lượng trí tuệ rất ít được thể hiện; trong hình XX, chúng ta hoàn toàn không thấy lòng sùng kính, và lượng dục vọng cũng thấp hơn mức trung bình, nhưng trí tuệ lại phát triển ở mức độ bất thường. Tình cảm và khả năng thích ứng đều tương đối ít về số lượng và thấp về chất lượng, dường như bị sự phát triển trí tuệ lấn át, vì người này chưa đủ tiến hóa để sở hữu tất cả các phẩm chất này ở dạng cao hơn và cân bằng. Có một lượng lớn ích kỷ và lòng tham, và một khả năng ghen tuông nhất định cũng xuất hiện. Nhưng đặc điểm nổi bật nhất của y là tỷ lệ lớn của màu vàng óng, cho thấy một trí tuệ phát triển tốt, chủ yếu hướng đến việc thu nhận tri thức. Một nón màu cam sáng lớn vươn lên giữa màu vàng này cho thấy sự hiện diện của nhiều tự hào và tham vọng liên quan đến tri thức đó, nhưng sắc thái của màu vàng lại loại trừ ý tưởng rằng trí tuệ bị làm cho thấp hèn chỉ vì mục đích ích kỷ.

Cũng cần lưu ý rằng thói quen khoa học và có trật tự của tư duy có ảnh hưởng rõ rệt đến sự sắp xếp các màu sắc trong thể cảm dục; chúng có xu hướng hình thành các dải màu đều đặn, và các đường phân cách giữa chúng rõ ràng hơn đáng kể so với trong hình trước đó.

Rõ ràng, các thể được mô tả trong hình XIX và XX cho chúng ta các ví dụ về hai kiểu phát triển không đồng đều; và trong khi mỗi kiểu đều có điểm tốt, mỗi kiểu cũng có những nhược điểm rõ rệt. Chúng ta sẽ tiếp tục xem xét các thể của người đã phát triển đầy đủ hơn, người sở hữu tất cả các phẩm chất này ở mức độ lớn hơn, nhưng đã cân bằng chúng để mỗi phẩm chất hỗ trợ và củng cố các phẩm chất khác thay vì chi phối hoặc làm lu mờ chúng.



Plate 21-Nhân thể của Người Phát triển



Plate 22-Thể trí của người phát triển



Plate 23-Thể cảm dục của người phát triển

CHAPTER XIX

THE DEVELOPED MAN—NGƯỜI PHÁT TRIỂN

THE term “developed” is a relative one, so it will be well to explain exactly what is here meant by it. The vehicles illustrated under this heading are such as might be possessed by any pure-minded person who had definitely and intelligently “set his affection on things above, and not on things of earth”. They are not those of one already far advanced upon the path which leads to adeptship, for in that case we should find a consider able difference in size as well as in arrangement. But they do distinctly imply that the man of whom they are expressions is a seeker after the higher truth, one who has risen above mere earthly aims, and is living for an ideal. Among such some may be found who are especially advanced in one direction, and some in another; this is an evenly-balanced man—simply a fair average of those who are at the level which I describe.

Khái niệm "phát triển" là một khái niệm tương đối, vì vậy cần giải thích rõ ý nghĩa của nó trong trường hợp này. Các thể được hình dưới tiêu đề này là những thể có thể thuộc về bất kỳ người nào có tâm hồn trong sáng, người đã dứt khoát và có ý thức “đặt tình cảm của mình vào những điều trên cao, chứ không phải những điều trên đất.” Đây không phải là các thể của người đã tiến xa trên con đường dẫn đến Chân Sư, vì nếu vậy, chúng ta sẽ thấy sự khác biệt đáng kể về kích thước cũng như sự sắp xếp. Tuy nhiên, chúng rõ ràng ám chỉ rằng người mà chúng thể hiện là một người tìm kiếm chân lý cao cả hơn, người đã vượt lên trên những mục tiêu trần tục và đang sống vì một lý tưởng. Trong số đó, có những người tiến xa hơn ở một khía cạnh, và có những người khác tiến xa hơn ở một khía cạnh khác; còn ở đây, chúng ta nói đến một người cân bằng—một ví dụ điển hình ở mức độ trung bình trong số những người đạt được cấp độ này.

We may first examine Plate XXI, which represents for us his causal body. By comparing this with Plates V and VIII we shall see what the man’s progress has been, and how it is expressed in his appearance. We observe that by this time many beautiful qualities have been developed within him, for the glorious iridescent film is now filled with the most lovely colors, typifying for us the higher forms of love, devotion and sympathy, aided by an intellect refined and spiritualized, and by aspirations reaching ever towards the divine. Let me quote from *The Devachanic Plane*, the sixth of our theosophical manuals:

Chúng ta hãy đầu tiên xem xét hình XXI, thể hiện thể nguyên nhân của người này. Bằng cách so sánh nó với các hình V và VIII, chúng ta sẽ thấy tiến trình của người này đã đạt đến đâu và nó được biểu hiện ra sao qua sự xuất hiện của y. Chúng ta nhận thấy rằng đến thời điểm này, nhiều phẩm chất đẹp đã được phát triển trong y, vì màng cầu vồng rực rỡ giờ đây đã được lấp đầy bởi những màu sắc tuyệt đẹp, biểu thị cho chúng ta các hình thức cao hơn của tình yêu, sự sùng kính và lòng trắc ẩn, được hỗ trợ bởi một trí tuệ tinh tế và tâm linh hóa, cùng những khát vọng luôn vươn tới thiêng liêng. Xin trích dẫn từ tác phẩm *Cõi Thượng Giới*, cuốn thứ sáu trong loạt sách minh triết của chúng ta:

“Composed of matter inconceivably fine, delicate and ethereal, intensely alive and pulsating with living fire, the causal body becomes as its evolution proceeds a radiant globe of flashing colors, its high vibrations sending ripples of changing hues over its surface—hues of which earth knows nothing—brilliant, soft and luminous beyond the power of language to describe. Take the colors of an

“Được tạo nên từ chất liệu không thể tưởng tượng nổi về độ tinh tế, nhạy cảm và thanh thoát, thể nguyên nhân, khi tiến hóa, trở thành một cầu sáng rực rỡ với những màu sắc biến đổi liên tục trên bề mặt của nó—những màu sắc mà thế gian không hề biết tới—rực rỡ, mềm mại và sáng ngời vượt xa khả năng mô tả của ngôn ngữ. Hãy lấy màu sắc của một hoàng hôn Ai Cập và thêm vào đó sự mềm mại kỳ

Egyptian sunset and add to them the wonderful softness of an English sky at eventide—raise these as high above themselves in light and translucency and splendour as they are above the colors given by a child's paint-box—and even then none who have not seen can image the beauty of these radiant orbs which flash into the field of clairvoyant vision as it is lifted to the level of this supernal world.

diệu của bầu trời Anh Quốc lúc chiều tà—nâng chúng lên một bậc cao hơn trong ánh sáng, độ trong suốt và huy hoàng, như chúng vượt trội so với màu sắc của hộp màu trẻ em—và ngay cả khi đó, ai chưa từng thấy sẽ không thể hình dung vẻ đẹp của những quả cầu sáng rực rỡ này, vốn lóe sáng trong tầm nhìn thông nhãn khi nó được nâng lên mức độ của thế giới siêu phàm này.

All these causal bodies are filled with living fire drawn from a higher plane, with which the globe appears to be connected by a quivering thread of intense light, vividly recalling to the mind the words of the stanzas of Dzyan, 'The spark hangs from the flame by the finest thread of Fohat'; and as the soul grows and is able to receive more and more from the inexhaustible ocean of the Divine Spirit which pours down through the thread as a channel, the latter expands and gives wider passage to the Hood, till on the next sub-plane it might be imaged as a waterspout connecting earth and sky, and higher still as itself a great globe through which rushes the living spring, until the causal body seems to melt into the in-pouring light. Once more the stanza says it for us: 'The thread between the watcher and his shadow becomes more strong and radiant with every change. The morning sunlight has changed into noonday glory. This is thy present wheel said the flame to the spark. Thou art myself, my image and my shadow. I have clothed myself in thee, and thou art my vahan to the day, "Be-with-us", when thou shalt re-become myself and others, thyself and me'."

Tất cả những thể nguyên nhân này đều tràn đầy lửa sống động được rút từ một cõi cao hơn, và quả cầu dường như được kết nối với cõi đó bằng một sợi chỉ ánh sáng run rẩy mãnh liệt, gợi lại mạnh mẽ lời của các bài kệ Dzyan: "Tia lửa treo trên ngọn lửa bằng sợi chỉ mỏng nhất của Fohat." Khi linh hồn phát triển và có khả năng tiếp nhận ngày càng nhiều từ đại dương vô tận của Thần Khí Thiêng Liêng tuôn xuống qua sợi chỉ như một kênh dẫn, sợi chỉ này sẽ mở rộng và tạo ra một lối thông thoáng hơn cho dòng chảy. Đến cõi phụ tiếp theo, sợi chỉ có thể được hình dung như một vòi nước nối liền đất và trời, và ở cõi cao hơn, chính nó trở thành một quả cầu lớn qua đó dòng suối sống động chảy qua, cho đến khi thể nguyên nhân dường như tan chảy vào dòng ánh sáng tuôn tràn. Một lần nữa, bài kệ đã diễn đạt điều đó cho chúng ta: "Sợi chỉ giữa người quan sát và cái bóng của y ngày càng trở nên mạnh mẽ và rực rỡ qua từng sự thay đổi. Ánh sáng ban mai đã chuyển thành hào quang giữa trưa. Đây là vòng quay hiện tại của ngươi," ngọn lửa nói với tia lửa. "Ngươi là ta, là hình ảnh và cái bóng của ta. Ta đã khoác lấy ngươi, và ngươi là phương tiện của ta cho đến ngày 'Hằng Hữu' khi ngươi sẽ tái hợp nhất với ta và những người khác, chính ngươi và ta.'"

How hopeless it seems to try to represent all this glory on paper! Yet our artist has skillfully contrived to suggest that which no brush could paint, and however far even the cleverest physical image may be from that transcendent reality, it at least gives our imagination a starting-point from which we may try to build up a conception.

Thật khó khăn làm sao khi cố gắng thể hiện tất cả vẻ huy hoàng này trên giấy! Tuy nhiên, họa sĩ của chúng ta đã khéo léo gợi lên điều mà không cây cọ nào có thể vẽ nên, và mặc dù ngay cả hình ảnh vật lý tài tình nhất cũng rất xa với thực tại siêu việt, nó ít nhất cung cấp cho trí tưởng tượng của chúng ta một điểm khởi đầu để từ đó cố gắng xây dựng một khái niệm.

We must not omit to notice one of the grandest characteristics of the developed man—his capacity to serve as a channel for higher force. It will be seen

Chúng ta không thể bỏ qua một trong những đặc điểm vĩ đại nhất của người phát triển—khả năng phụng sự như một kênh dẫn cho lực lượng cao hơn.

that from his causal body streams of this force pour out in various directions, for his attitude of unselfishness, of helpfulness and readiness to give, makes it possible for the divine strength to descend upon him in steady stream, and through him to reach many who are not yet strong enough to receive it directly.

Có thể thấy rằng từ thể nguyên nhân của y, các dòng sức mạnh tuôn tràn theo nhiều hướng khác nhau. Thái độ vị tha, sẵn sàng giúp đỡ và chia sẻ của y khiến sức mạnh thiêng liêng có thể tuôn xuống liên tục và qua y đến với nhiều người chưa đủ mạnh để tiếp nhận trực tiếp.

The crown of brilliant sparks which ascends from the upper part of the body proclaims the activity of spiritual aspiration, and adds very greatly to the beauty and dignity of the man's appearance. This rises constantly from the causal body, no matter how the lower man may be occupied on the physical plane: for when the soul of man is once awakened upon his own level, and is beginning to understand something of himself and his relation to the divine, he looks ever upwards towards the source from which he came, totally irrespective of any activities which he may at the same time be inspiring on lower planes. We must never forget how small and partial an expression of the Self even the noblest personality can be; so that as soon as the higher man begins to look round him, he finds almost unlimited possibilities opening before him, of which in this cramped physical life we can form no idea.

Vòng hào quang của những tia lửa sáng rực bốc lên từ phần trên của thể biểu thị hoạt động của khát vọng tâm linh và tăng thêm rất nhiều vẻ đẹp và sự trang nghiêm cho diện mạo của y. Khát vọng này bốc lên không ngừng từ thể nguyên nhân, bất kể con người hạ đẳng của y có đang bận rộn với những hoạt động gì trên cõi trần: bởi khi linh hồn của con người thức tỉnh ở cấp độ của riêng nó và bắt đầu hiểu được một phần về chính mình cũng như mối liên hệ của mình với thiêng liêng, y luôn hướng ánh mắt lên trên, về nguồn gốc mà từ đó y đã đến, hoàn toàn không phụ thuộc vào bất kỳ hoạt động nào y có thể truyền cảm hứng trên các cõi thấp hơn. Chúng ta phải luôn ghi nhớ rằng ngay cả nhân cách cao quý nhất cũng chỉ là một biểu hiện nhỏ bé và hạn chế của Chân Ngã; do đó, ngay khi con người cao cả bắt đầu quan sát xung quanh, y nhận thấy trước mặt mình những khả năng gần như vô tận đang mở ra—những khả năng mà trong cuộc sống chật hẹp ở cõi trần, chúng ta không thể hình dung.

This very upward rushing of spiritual aspiration, which makes so glorious a crown for our developed man, is itself the channel through which the divine power descends; so that the fuller and stronger his aspirations become, the larger is the measure of the grace from on high.

Chính sự khát vọng tâm linh bốc lên mạnh mẽ này, điều tạo nên vòng hào quang rực rỡ cho người đã phát triển của chúng ta, tự thân nó là kênh dẫn qua đó sức mạnh thiêng liêng tuôn xuống; do đó, khát vọng của y càng mãnh liệt và sâu sắc, ân điển từ cõi cao càng được ban xuống dồi dào.

His Mental Body

Thể Trí của Y

It can hardly fail to strike the observer, as we come to deal with the more developed man, that his various vehicles are not only all of them greatly refined and improved, but they are also very much more like one another. Allowing for the difference between what we may call the octaves of the color —between the hues belonging to the lower and the higher levels of the mental plane—Plate XXII is almost a reproduction of Plate XXI; and the resemblance between Plates XXII and XXIII is perhaps even more marked, though in comparing

Người quan sát khó có thể không nhận ra rằng khi chúng ta xem xét một người phát triển hơn, các thể của y không chỉ được tinh lọc và cải thiện đáng kể mà chúng cũng trở nên rất giống nhau hơn nhiều. Nếu chúng ta chấp nhận sự khác biệt giữa các "quãng tám" màu sắc—giữa các sắc thái thuộc các mức độ thấp và cao của cõi trí—thì hình XXII gần như là bản sao của hình XXI; và sự tương đồng giữa hình XXII và XXIII thậm chí còn rõ ràng hơn, mặc dù khi so sánh, cần nhớ rằng các màu sắc thuộc cõi cảm dục lại thuộc một quãng tám khác so với cả cõi

them we have to remember that astral colors are again of a different octave from even the lower mental.

Another useful comparison to make is that between Plates XXII, IX and VI, in order that we may see how the evolution from the savage to the unselfish man shows itself in the mind-body. It will appear upon examination that pride, anger and selfishness have altogether disappeared, and that the remaining colors have not only so expanded as to fill the whole oval, but have also so improved in tone as to give quite a different impression. Every one of them is more refined and delicate, for all thought of self has vanished from them; and in addition has appeared the pure violet with the golden stars, which betokens the acquisition of new and greater qualities. The power from above, which we saw radiating out through his causal body, acts also through the mental vehicle, though with somewhat less fore. This is on the whole a very fine mental body, already well developed, and having within it every promise of rapid progress along the Path, when the time for that shall come.

hạ trí.

Một so sánh hữu ích khác là giữa hình XXII, IX và VI, để chúng ta có thể thấy cách mà sự tiến hóa từ con người nguyên sơ đến con người vị tha thể hiện trong thể trí. Qua xem xét, chúng ta thấy rằng sự kiêu ngạo, tức giận và ích kỷ đã hoàn toàn biến mất, và các màu sắc còn lại không chỉ mở rộng để lấp đầy toàn bộ hình bầu dục, mà còn được cải thiện về sắc thái, mang lại một ấn tượng hoàn toàn khác. Mỗi màu sắc đều trở nên tinh tế và nhẹ nhàng hơn, vì mọi ý nghĩ về bản thân đã biến mất; và hơn nữa, màu tím tinh khiết với những ngôi sao vàng đã xuất hiện, biểu thị sự đạt được những phẩm chất mới và lớn hơn. Sức mạnh từ trên cao, mà chúng ta đã thấy lan tỏa qua thể nguyên nhân, cũng hoạt động thông qua thể trí, mặc dù với cường độ thấp hơn đôi chút. Đây là một thể trí rất tốt, đã phát triển toàn diện và mang trong nó mọi dấu hiệu hứa hẹn sự tiến bộ nhanh chóng trên Con Đường khi thời điểm đó đến.

His Astral Body

Thể Cảm Dục của Y

His astral body, which is pictured in Plate XXIII, will at once be seen to resemble the mental vehicle very closely. It is, in fact, little more than a reflection of it in the grosser matter of the astral plane. This indicates that the man has his desires thoroughly under the control of the mind, and is no longer liable to be swept away from the firm base of reason by wild surges of emotion. He will no doubt still be subject to occasional irritability, and to undesirable cravings of various sorts. But he knows enough now to repress these manifestations, to maintain a struggle against them whenever they appear, instead of yielding to them. So though they may temporarily change his astral body, they will hardly make any permanent impression upon it as against the much stronger vibrations of his higher qualities.

Thể cảm dục của y, được hình trong hình XXIII, ngay lập tức được nhận thấy rất giống với thể trí. Thực tế, nó chẳng khác gì một phản chiếu của thể trí trong chất liệu thô hơn của cõi cảm dục. Điều này cho thấy rằng các ham muốn của y đã hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của trí tuệ, và y không còn dễ bị cuốn trôi khỏi nền tảng lý trí vững chắc bởi những đợt sóng cảm xúc dữ dội. Dĩ nhiên, y vẫn có thể bị tác động bởi những cơn khó chịu thoáng qua và những ham muốn không mong muốn ở nhiều dạng khác nhau. Nhưng giờ đây, y đã biết cách kiềm chế những biểu hiện này, và chống lại chúng mỗi khi chúng xuất hiện, thay vì dễ dàng khuất phục. Vì vậy, mặc dù chúng có thể tạm thời làm thay đổi thể cảm dục của y, nhưng chúng khó có thể để lại dấu ấn lâu dài nào khi so sánh với những rung động mạnh mẽ hơn của các phẩm chất cao cả hơn.

In exactly the same way, at a still later stage of progress, the mental body itself becomes a

Theo cách tương tự, ở một giai đoạn tiến hóa cao hơn nữa, thể trí bản thân nó cũng trở thành một

reflection of the causal, since the man learns to follow solely the promptings of the higher self, and to guide his reason exclusively by them.

phản chiếu của thể nguyên nhân, khi người này học cách chỉ tuân theo những chỉ dẫn của chân ngã, và hướng dẫn lý trí của mình hoàn toàn dựa trên những chỉ dẫn đó.

This illustration brings clearly before us an interesting fact connected with the yellow light, which signifies intellect. When this color is present in the oval, it invariably shows itself in the upper part of it, in the neighbourhood of the head; consequently it is the origin of the idea of the nimbus or glory round the head of a saint, since this yellow is much the most conspicuous of the colors of the astral body, and the one most easily perceived by anyone who is approaching the verge of clairvoyance. Also, even without astral sight it may occasionally be perceived; for when any person of some development is making a special effort of any kind, as, for example, in preaching or lecturing, the intellectual faculties are in unusual activity, and the yellow glow is therefore intensified.

Hình hình này làm rõ một thực tế thú vị liên quan đến ánh sáng màu vàng, biểu thị trí tuệ. Khi màu này xuất hiện trong hình bầu dục, nó luôn hiển thị ở phần trên, gần khu vực đầu; do đó, đây là nguồn gốc của ý tưởng về hào quang hay vầng sáng quanh đầu của một vị thánh. Màu vàng này là màu nổi bật nhất trong các màu của thể cảm dục, và cũng là màu dễ nhận biết nhất đối với bất kỳ ai đang tiến gần đến ngưỡng thông nhãn. Thậm chí, ngay cả khi không có thị giác cảm dục, đôi khi màu này vẫn có thể được nhìn thấy; chẳng hạn, khi một người có sự phát triển nhất định đang nỗ lực đặc biệt, như khi giảng thuyết hay diễn thuyết, các năng lực trí tuệ của y hoạt động mạnh mẽ bất thường, và ánh sáng màu vàng do đó sẽ được tăng cường.

In some cases which I have seen, it has passed the bounds of physical visibility, and been seen by many who had no power of higher sight than that of this plane. In such a case, it is not that the astral vibration slackens until it sinks below the line which separates it from the physical, but that it becomes so much more vigorous than usual that it is able to arouse a sympathetic vibration even in the coarse and heavy matter of the physical plane. No doubt it was either from occasional glimpses of this phenomenon or from traditions derived from those who could see, that our mediaeval painters derived the idea of the glory round the head of the saint. It may be remembered that in the nimbus of the Christ a cross is usually drawn; and this also is strictly within the probabilities, from the point of view of occult investigation, for it has often been observed that in the auras of very highly developed persons various geometrical figures present themselves, signifying certain elevated and far-reaching thoughts. Some of these will be found among the illustrations given in *Thought-Forms*.

Trong một số trường hợp mà tôi đã quan sát, ánh sáng này đã vượt qua giới hạn của khả năng nhìn thấy vật lý và được nhiều người nhìn thấy, ngay cả khi họ không có khả năng thị giác cao hơn thuộc cõi này. Trong trường hợp đó, không phải rung động của thể cảm dục yếu đi đến mức chìm xuống dưới giới hạn phân tách nó với cõi trần, mà chính rung động đó trở nên mạnh mẽ hơn bình thường đến mức có thể khơi dậy một rung động đồng cảm ngay cả trong chất liệu thô và nặng của cõi trần. Không nghi ngờ gì, chính từ những thoáng nhìn tình cờ về hiện tượng này hoặc từ các truyền thống được truyền lại bởi những người có thể nhìn thấy, mà các họa sĩ thời trung cổ đã hình thành ý tưởng về vầng sáng quanh đầu của một vị thánh. Chúng ta có thể nhớ rằng trong hào quang của Đức Christ, thường có một cây thánh giá được vẽ; điều này cũng hoàn toàn phù hợp với các khả năng từ quan điểm điều tra huyền bí, vì đã nhiều lần quan sát thấy trong hào quang của những người phát triển cao, các hình học khác nhau xuất hiện, biểu thị những ý tưởng cao cả và rộng lớn. Một số hình hình về điều này có thể được tìm thấy trong tác phẩm *Hình Tư Tưởng*.

The student will find it useful to compare these illustrations carefully one with another; first, to examine each causal body in connection with the mental and astral bodies which are partial expressions of it, in order to understand the connection between these different vehicles; and secondly, to compare the three astral bodies in Plates VII, X, and XXIII, in order to understand how progress shows itself in the desire-body, which is naturally much the easiest of the various vehicles to see clairvoyantly, and in fact the only one which the ordinary psychically developed person is at all likely to see. The same comparison should be instituted between Plates VI, IX, and XXII, and also between Plates V, VIII, and XXI, to study the progress of the man as manifested in his higher bodies.

Học viên sẽ thấy hữu ích khi so sánh các hình hình này một cách cẩn thận với nhau. Đầu tiên, hãy xem xét từng thể nguyên nhân liên quan đến thể trí và thể cảm dục, vốn là những biểu hiện một phần của nó, để hiểu mối liên hệ giữa các thể này. Thứ hai, so sánh ba thể cảm dục trong các hình VII, X và XXIII, để hiểu cách sự tiến bộ thể hiện trong thể dục vọng, vốn là thể dễ quan sát nhất trong số các thể khác, và thực tế là thể duy nhất mà một người bình thường phát triển về mặt tâm linh có khả năng nhìn thấy. Cũng nên thực hiện các so sánh tương tự giữa hình VI, IX và XXII, cũng như giữa hình V, VIII và XXI, để nghiên cứu sự tiến hóa của con người được biểu hiện qua các thể cao hơn.

Among our Theosophical literature we have many books which treat of the other side of all this evolution, and catalog the moral qualifications required at its various stages. This is a subject of the very deepest interest, though somewhat outside of the scope of this little work. Those who wish to study it should turn to *Invisible Helpers*, Chapters XIX to XXI, and then read Annie Besant's books *In the Outer Court* and *The Path of Discipleship*.

Trong văn học Minh Triết Ngàn Đời của chúng ta, có nhiều sách đề cập đến khía cạnh khác của toàn bộ quá trình tiến hóa này, và liệt kê các phẩm chất đạo đức cần thiết ở từng giai đoạn khác nhau. Đây là một chủ đề vô cùng sâu sắc, mặc dù hơi nằm ngoài phạm vi của tác phẩm nhỏ này. Những ai muốn nghiên cứu sâu hơn nên tham khảo các chương XIX đến XXI của *Những Người Giúp Đỡ Vô Hình* và sau đó đọc các sách của Annie Besant như *Trong Tiền Đình* và *Con Đường Đệ Tử*.

From those books some idea may be gained not only of the conditions of progress, but of its goal and of the glorious future that awaits us when we shall have fulfilled those conditions—when after many incarnations upon this grand old world of ours we shall at last have learnt the lessons which its physical life is meant to teach us. Then we shall have attained that "resurrection of the dead" after which St. Paul was so earnestly striving, for we shall be free alike from death and from birth, we shall have transcended the cycle of necessity, and shall be free for evermore—free to help our fellow-men along the path that we have trodden, until they also gain the light and the victory which is ours. For this attainment is for every man, and to reach it is only a question of time, however young a soul may be. There is for man no doubt about "salvation", since there is nothing except his own error and ignorance from which any man needs to

Từ những cuốn sách đó, chúng ta không chỉ nắm được các điều kiện để tiến bộ mà còn cả mục tiêu và tương lai huy hoàng đang chờ đợi chúng ta khi đã hoàn thành các điều kiện đó—khi, sau nhiều kiếp sống trên thế giới cổ xưa tuyệt vời này của chúng ta, chúng ta cuối cùng đã học được những bài học mà đời sống vật lý của nó muốn truyền dạy. Lúc đó, chúng ta sẽ đạt được "sự phục sinh từ cõi chết" mà Thánh Phao-lô đã nỗ lực theo đuổi, bởi vì chúng ta sẽ được tự do khỏi cả sự chết và sự sinh, vượt qua chu kỳ cần thiết và tự do mãi mãi—tự do để giúp đỡ đồng loại trên con đường mà chúng ta đã đi qua, cho đến khi họ cũng đạt được ánh sáng và chiến thắng như chúng ta. Sự đạt được này là dành cho mọi người, và việc đạt được nó chỉ là vấn đề thời gian, dù linh hồn đó còn trẻ đến đâu. Không có gì nghi ngờ về "sự cứu rỗi" đối với nhân loại, bởi vì không có gì ngoài lỗi lầm và sự vô minh của chính mình mà con người cần được cứu thoát; đối với y,

be saved; there is for him not even an “eternal hope”, but an eternal certainty. All shall attain, because that is God’s will for them, that is the sole object for which He called them into existence. Even already the world is progressing, and the powers are beginning to develop; and assuredly this morning sunrise shall increase into noonday glory. To the vistas of advancement that stretch before man, our keenest sight can see no end; we know only that they extend into splendours indescribable, illimitable and divine.

thậm chí không tồn tại một “hy vọng vĩnh cửu”, mà là một “chắc chắn vĩnh cửu”. Tất cả sẽ đạt được, bởi đó là ý chí của Thượng Đế dành cho họ, đó là mục đích duy nhất mà Ngài đã gọi họ vào tồn tại. Ngay cả hiện tại, thế giới đã và đang tiến bộ, và các năng lực đã bắt đầu phát triển; chắc chắn rằng bình minh hôm nay sẽ gia tăng ánh sáng cho đến vinh quang giữa trưa. Đối với những viễn cảnh tiến bộ trải dài trước nhân loại, tầm nhìn sắc bén nhất của chúng ta không thể thấy được giới hạn; chúng ta chỉ biết rằng chúng trải rộng đến những huy hoàng không thể tả, vô biên và thiêng liêng.

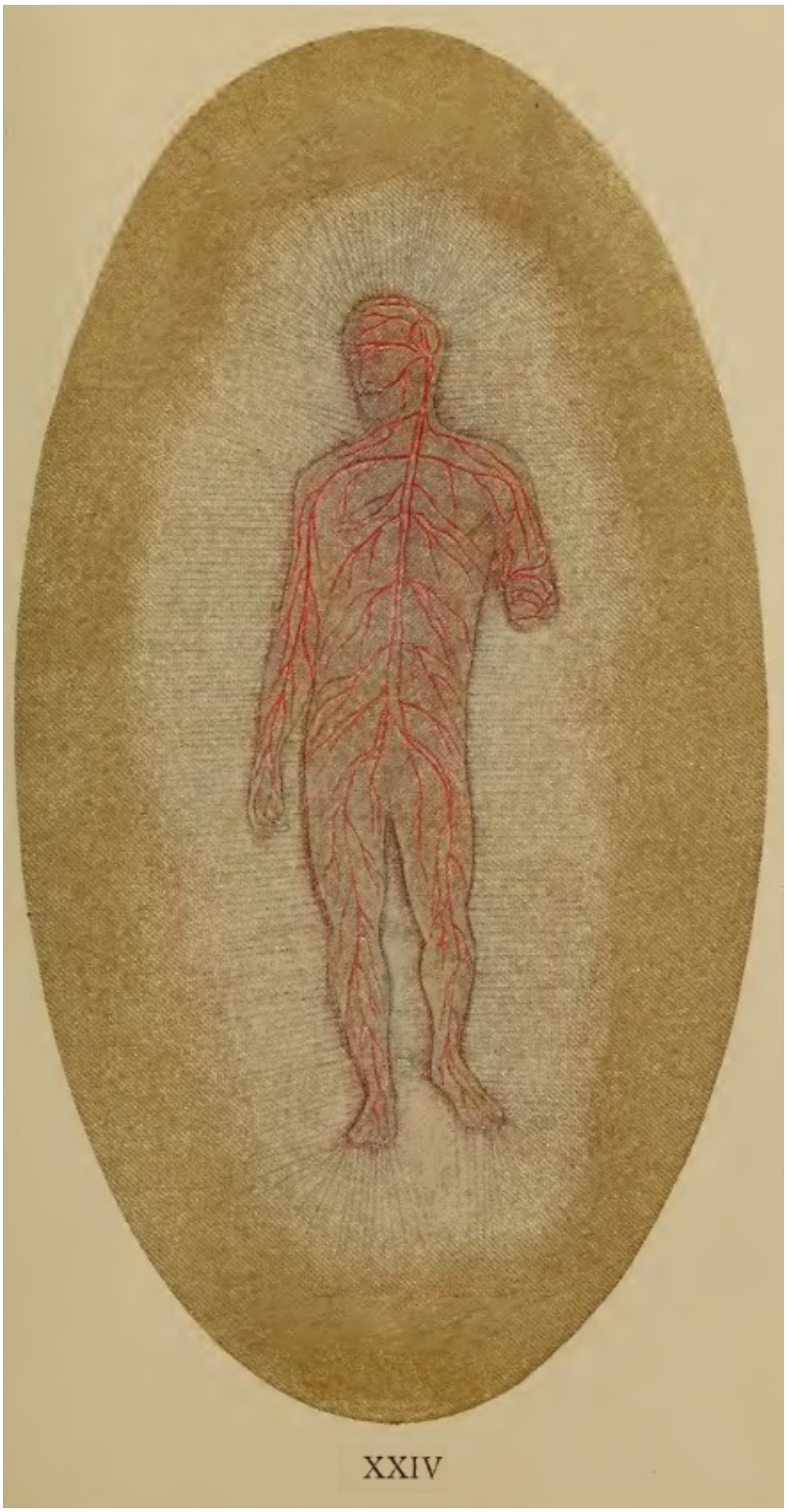


Plate 24-Hào quang sức khoẻ bình thường

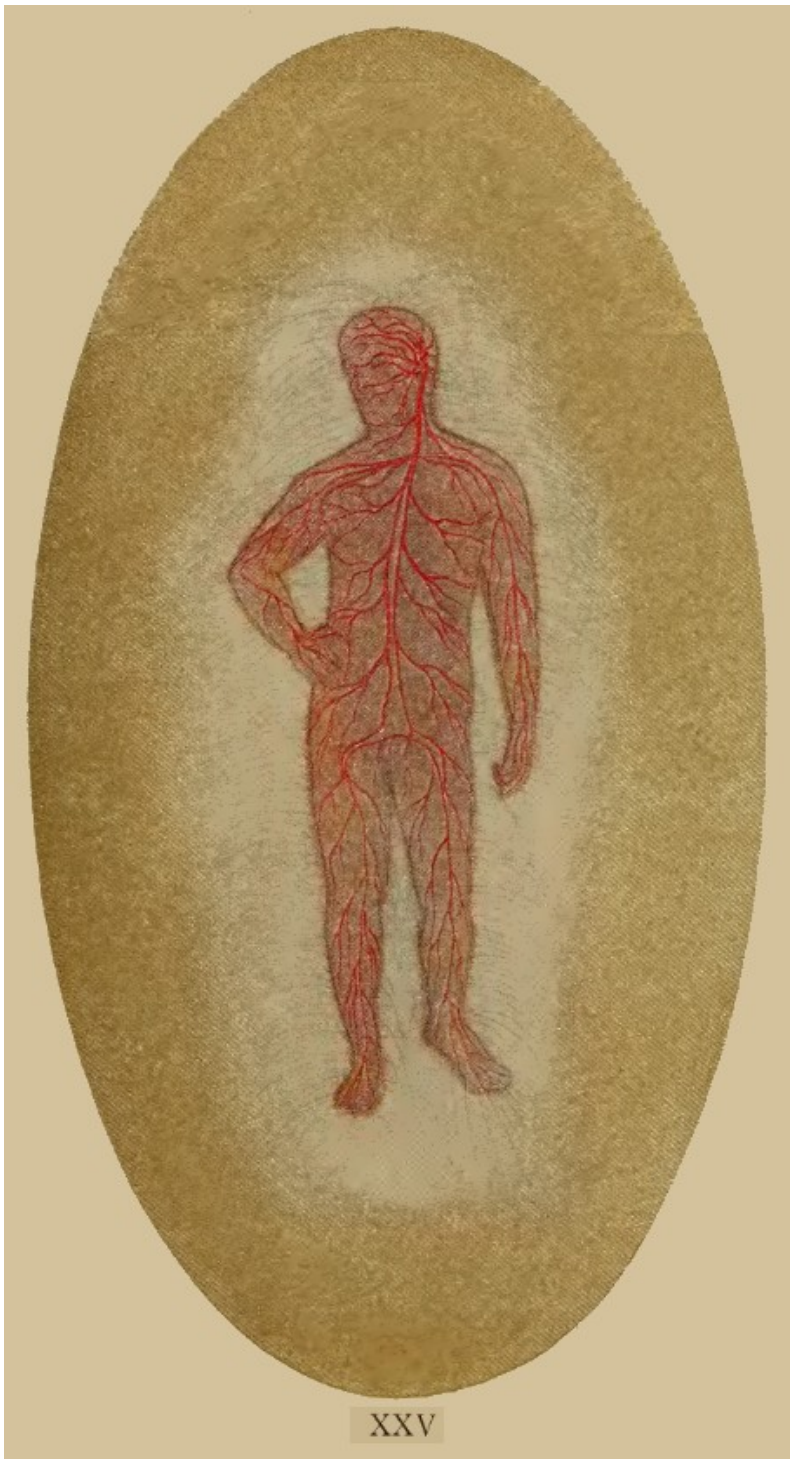


Plate 25-Hào quang sức khoẻ của người bệnh

CHAPTER XX

THE HEALTH-AURA—HÀO QUANG SỨC KHOẺ

HITHERTO we have been dealing exclusively with those bodies of man which are connected with the higher planes, but our subject would not be completely treated if we omitted all reference to the minutely subdivided physical matter which is seen by clairvoyant sight to be part of the aura of man. Much of that matter is in the etheric state, and constitutes what is often called the etheric double. This is not in any sense a separate vehicle, but must be considered simply as part of the physical body. It is clearly visible to the clairvoyant as a mass of faintly luminous violet-grey mist, interpenetrating the denser part of the physical body, and extending very slightly beyond it, as will be seen in Plates XXIV and XXV. This etheric matter is the link between the astral and the physical, but it has also a very important function as the vehicle of the vital force on the physical plane.

Cho đến nay, chúng ta đã thảo luận độc quyền về những thể của con người liên quan đến các cõi cao hơn, nhưng chủ đề của chúng ta sẽ không hoàn chỉnh nếu không đề cập đến vật chất thể chất được phân chia rất nhỏ, mà theo tầm nhìn thông nhãn được xem là một phần của hào quang con người. Nhiều phần trong số đó ở trạng thái dĩ thái và cấu thành điều thường được gọi là *thể dĩ thái kép*. Điều này không phải là một phương tiện riêng biệt, mà cần được xem đơn thuần như một phần của thể xác. Nó rõ ràng có thể được nhìn thấy qua tầm nhìn thông nhãn như một khối sương mù mờ nhạt, màu tím xám, thẩm thấu phần đặc hơn của thể xác và mở rộng ra ngoài một chút, như hình trong các hình XXIV và XXV. Vật chất dĩ thái này là liên kết giữa thể cảm dục và thể xác, nhưng nó cũng có một chức năng rất quan trọng như là phương tiện dẫn truyền năng lượng sống trên cõi trần.

This vital force is poured upon us from the sun, which is the source of life in this inner sense as well as by means of its light and heat in the outer world. The earth's atmosphere is full of this force at all times, though it is in special activity in brilliant sunlight; and it is only by absorbing it that our physical bodies are able to live. The absorption of this vital energy is one of the functions of the etheric part of that organ which we call the spleen; and that organ possesses the curious property of specializing and transmuting the force as it passes through it, so that it presents a totally different appearance.

Năng lượng sống này được truyền từ mặt trời, nguồn sống không chỉ theo nghĩa ánh sáng và nhiệt trong thế giới bên ngoài, mà còn ở khía cạnh sâu xa hơn. Bầu khí quyển của Trái đất luôn tràn ngập năng lượng này, mặc dù nó hoạt động mạnh nhất dưới ánh sáng mặt trời rực rỡ. Chỉ bằng cách hấp thụ năng lượng này, các thể xác của chúng ta mới có thể duy trì sự sống. Việc hấp thụ năng lượng sống là một trong những chức năng của phần dĩ thái trong cơ quan mà chúng ta gọi là *lá lách*; cơ quan này có một đặc tính kỳ lạ là chuyên biệt hóa và chuyển hóa năng lượng khi nó đi qua, khiến năng lượng có một diện mạo hoàn toàn khác.

The force itself is naturally invisible, like all other forces; but as it exists around us in the atmosphere it clothes itself in millions of tiny particles which are colorless though intensely active. After it has been absorbed into the human body through the spleen, however, these particles take on a beautiful pale rose-color, and they flow in a constant stream over and through the whole body along the nerves, in the same manner as the blood-corpuscles flow

Năng lượng này, vốn tự nhiên là vô hình như mọi dạng năng lượng khác, trong khí quyển hiện diện dưới dạng hàng triệu hạt nhỏ, không màu nhưng vô cùng linh hoạt. Tuy nhiên, sau khi được hấp thụ vào cơ thể con người qua lá lách, các hạt này chuyển sang màu hồng nhạt tuyệt đẹp, và chúng chảy trong một dòng liên tục xuyên khắp cơ thể dọc theo các dây thần kinh, giống như cách các tế bào máu lưu thông qua động mạch và tĩnh mạch,

along the arteries and veins, the brain being the centre of this nervous circulation. An attempt is made in our illustrations to represent the general appearance of this stream, but this must not of course be supposed to be an accurate map of the nervous system.

với não bộ là trung tâm của dòng tuần hoàn thần kinh này. Hình của chúng tôi cố gắng mô tả diện mạo chung của dòng năng lượng này, nhưng tất nhiên không thể coi đây là một bản đồ chính xác của hệ thần kinh.

It is evident that this flow is necessary to the proper working of the nerves, for when it is withdrawn there is no sensation. We know how a limb may be so numbed by cold as to be absolutely insensible to the touch; and the reason of such insensibility is that the vital force is no longer flowing through it. It might be supposed that it was rather due to the failure of the circulation of the blood, but those who have studied mesmerism are aware that one of the commonest experiments is to produce similar insensibility in a limb by magnetic passes. This does not at all interfere with the circulation of the blood, for the limb remains warm; but it does check the circulation of the subject's life-fluid, and substitutes for it that of the magnetizer. The nerves of the subject are still there, and (so far as physical sight can see) in perfect working order; yet they do not perform their office of reporting to his brain, because the fluid which animates them is not connected with that brain, but with the brain of the operator.

Dòng chảy này rõ ràng là cần thiết cho hoạt động đúng đắn của hệ thần kinh, vì khi nó bị ngừng lại, sẽ không có cảm giác nào. Chúng ta biết rằng một bộ phận cơ thể có thể bị tê cứng bởi lạnh đến mức không còn cảm giác; và lý do của sự tê liệt này là năng lượng sống không còn chảy qua nó. Có thể giả định rằng điều này liên quan đến sự đình trệ của tuần hoàn máu, nhưng những người nghiên cứu thuật thôi miên biết rằng một trong những thí nghiệm phổ biến nhất là gây ra tình trạng mất cảm giác tương tự ở một chi bằng các động tác thôi miên. Điều này không hề cản trở tuần hoàn máu, vì chi vẫn ấm áp; nhưng nó làm gián đoạn dòng chảy của năng lượng sống và thay thế nó bằng năng lượng của người thực hiện thôi miên. Các dây thần kinh của người bị thôi miên vẫn tồn tại và (trong tầm nhìn vật lý) ở trạng thái hoạt động hoàn hảo; nhưng chúng không thực hiện chức năng báo hiệu đến não của y, vì chất lỏng kích hoạt chúng không được kết nối với não của y, mà với não của người thực hiện thôi miên.

In a healthy man the spleen does its work in so generous a fashion that the specialized life-force is present in very large quantities, and is constantly radiating from the body in all directions. A man in perfect health, therefore, not only is able to impart some of it to another intentionally, but is also constantly though unconsciously shedding strength and vitality on those around him. On the other hand, a man who from weakness or other causes is unable to specialize for his own use a sufficient amount of the world's life-force, sometimes, equally unconsciously, acts as a sponge and absorbs the already specialized vitality of any sensitive person who is unfortunate enough to come into contact with him, to his own temporary benefit, no doubt, but often to the injury of his victim. Probably most people have experienced this in minor degree, and have found that there is some one among their acquaintances

Ở một người đàn ông khỏe mạnh, lá lách hoạt động một cách hào phóng đến mức sinh lực chuyên biệt hiện diện với số lượng rất lớn và liên tục tỏa ra từ cơ thể theo mọi hướng. Do đó, một người có sức khỏe hoàn hảo không chỉ có thể truyền sinh lực này cho người khác một cách có ý thức mà còn thường xuyên, dù vô thức, lan tỏa sức mạnh và sinh khí đến những người xung quanh. Ngược lại, một người vì yếu đuối hoặc những nguyên nhân khác không thể chuyên biệt hóa đủ lượng sinh lực của thế giới cho chính mình đôi khi cũng vô thức hành động như một miếng bọt biển, hấp thụ sinh lực đã được chuyên biệt hóa từ bất kỳ người nhạy cảm nào không may tiếp xúc với y. Điều này có thể mang lại lợi ích tạm thời cho y, nhưng thường gây tổn hại cho nạn nhân của y. Có lẽ hầu hết mọi người đều đã trải nghiệm điều này ở mức độ nhẹ, khi nhận thấy rằng có một người nào đó trong số quen biết của họ mà sau mỗi lần tiếp xúc, họ luôn cảm thấy một sự

after whose visits they always feel a quite unaccountable weariness and languor; and a similar lassitude is frequently felt by persons who attend spiritualistic seances without taking special precautions against the drain upon their vital force set up in the course of the manifestations.

mệt mỏi và uể oải không thể giải thích được. Một trạng thái mệt mỏi tương tự cũng thường được cảm nhận bởi những người tham dự các buổi đồng cốt mà không thực hiện các biện pháp phòng ngừa đặc biệt để chống lại việc tiêu hao sinh lực xảy ra trong quá trình hiện tượng này diễn ra.

This radiation produces a striking effect upon the appearance of what we may call the purely physical part of the man's aura. It is well known that tiny particles of dense physical matter are constantly being thrown off from man's body, in insensible perspiration and in other ways; and these particles also are visible to clairvoyant sight as a faint grey mist. These particles are in many cases crystals, and therefore are seen in certain geometrical forms; for example, the tiny cubes of sodium chloride or common salt, are among the most frequent. This purely physical part of man's surrounding is sometimes called the health-aura, from the fact that its condition is greatly affected by the health of the body from which it emanates. It is a faint bluish-white, almost colorless, and has the appearance of being striated; that is, it is full of, or perhaps it might rather be said to be composed of, infinitude of straight lines radiating evenly in all directions from the pores of the body. That at least is the normal condition of these lines when the body is in perfect health; they are separate, orderly, and as nearly parallel as their radiation allows. But on the advent of disease there is an instant change, the lines in the neighborhood of the part affected becoming erratic, and lying about in all directions in the wildest confusion, or drooping like the stems of faded flowers.

Hiện tượng bức xạ này tạo ra một hiệu ứng đáng chú ý lên cái mà chúng ta có thể gọi là phần hoàn toàn vật lý của hào quang con người. Người ta biết rằng các hạt vật chất vật lý đậm đặc nhỏ bé liên tục bị thải ra từ cơ thể con người thông qua việc tiết mồ hôi không cảm thấy được và các cách khác. Những hạt này cũng có thể được nhìn thấy bởi nhãn thông như một làn sương mỏng màu xám nhạt. Trong nhiều trường hợp, các hạt này là tinh thể và do đó có thể được nhìn thấy dưới các hình dạng hình học nhất định; chẳng hạn, các khối nhỏ của natri clorua hoặc muối ăn là một trong những dạng phổ biến nhất. Phần hoàn toàn vật lý này của hào quang con người đôi khi được gọi là "hào quang sức khỏe" bởi vì tình trạng của nó bị ảnh hưởng rất nhiều bởi sức khỏe của cơ thể mà nó xuất phát. Nó có màu trắng xanh nhạt, gần như không màu, và có vẻ như có dạng sọc; nghĩa là, nó đầy các đường thẳng nhỏ bé hoặc có thể nói đúng hơn là được cấu thành bởi vô số các đường thẳng phát ra đều đặn từ các lỗ chân lông của cơ thể theo mọi hướng. Đây là trạng thái bình thường của các đường này khi cơ thể hoàn toàn khỏe mạnh; chúng tách biệt, có trật tự, và gần như song song với nhau trong phạm vi mà sự bức xạ của chúng cho phép. Nhưng khi bệnh tật xuất hiện, có một sự thay đổi tức thì, các đường trong khu vực bị ảnh hưởng trở nên rối loạn, nằm lộn xộn theo mọi hướng, hoặc rủ xuống giống như thân cây của những bông hoa héo.

The reasons for this curious appearance is itself an interesting one. We find that the rigidity and parallelism of the lines of this health-aura are caused by the constant radiation of life-force from the healthy body; and as soon as this radiation ceases, the lines fall into the confused condition described above. As the patient recovers, the normal radiation of this magnetic form of vital energy is gradually resumed, and the lines of the health-aura are thereby combed into order once more. As long as the lines are firm and straight, and

Lý do dẫn đến sự xuất hiện kỳ lạ này cũng là một điều thú vị. Chúng ta nhận thấy rằng độ cứng cáp và tính song song của các đường trong hào quang sức khỏe được gây ra bởi sự bức xạ liên tục của sinh lực từ cơ thể khỏe mạnh; và ngay khi sự bức xạ này ngừng lại, các đường này rơi vào trạng thái rối loạn như đã mô tả ở trên. Khi bệnh nhân hồi phục, sự bức xạ bình thường của dạng năng lượng sinh khí từ tính này dần được khôi phục, và các đường của hào quang sức khỏe do đó lại được chải chuốt vào trật tự. Khi các đường còn cứng cáp và thẳng, và

the force steadily radiates between them, the body seems to be almost entirely protected from the attack of evil physical influences, such as germs of disease, for example—such germs being repelled and carried away by the outrush of the life-force; but when from any cause—through weakness, through wound or injury, through over-fatigue, through extreme depression of spirits, or through the excesses of an irregular life—an unusually large amount of vitality is required to repair damage or waste within the body, and there is consequently a serious diminution in the quantity radiated, this system of defence becomes dangerously weak, and it is comparatively easy for the deadly germs to effect an entrance.

năng lượng tiếp tục bức xạ ổn định giữa chúng, cơ thể dường như được bảo vệ gần như hoàn toàn khỏi sự tấn công của các ảnh hưởng vật lý xấu, chẳng hạn như các vi khuẩn gây bệnh. Các vi khuẩn này bị đẩy lùi và cuốn đi bởi luồng sinh lực phát ra; nhưng khi vì bất kỳ lý do nào—do yếu đuối, do vết thương hoặc chấn thương, do mệt mỏi quá mức, do tinh thần sa sút nghiêm trọng, hoặc do lối sống thất thường—một lượng sinh lực lớn hơn bình thường được yêu cầu để sửa chữa những tổn hại hoặc hao mòn trong cơ thể, và do đó dẫn đến sự giảm sút nghiêm trọng lượng sinh lực được bức xạ, hệ thống phòng thủ này trở nên nguy hiểm yếu đi, và các vi khuẩn độc hại có thể dễ dàng xâm nhập.

It may also be mentioned that it is possible by an effort of will to check this radiation of vitality at the outer extremity of its lines, and there to build it into a kind of wall or shell, which will be absolutely impervious to these germs—and, with a little further effort, impervious also to any kind of astral or elemental influence—so long as such effort of the will is maintained.

Cũng cần nhắc đến rằng có thể, thông qua một nỗ lực ý chí, kiểm soát sự bức xạ sinh lực này ở phần đầu ngoài của các đường, và xây dựng nó thành một dạng tường hoặc vỏ bao quanh, tuyệt đối không thể xuyên thủng đối với các vi khuẩn này—và với một chút nỗ lực thêm, cũng không thể xuyên thủng đối với bất kỳ loại ảnh hưởng cảm dục hay tinh linh nào—miễn là nỗ lực ý chí này được duy trì.

Illustrations of this aura, showing its appearance in health and disease respectively, will be found in Plates XXIV and XXV. It must be remembered that it is almost colorless, so that although it is physical matter, and so needs less-developed sight than the astral part of the aura, yet this latter is so much more conspicuous by reason of the brilliancy of its flashing colors and its constant movement, that it is very often seen at an earlier stage of the man's progress than the other.

Hình hình của hào quang này, thể hiện sự xuất hiện của nó trong tình trạng khỏe mạnh và trong bệnh tật, có thể được tìm thấy ở các Bản Vẽ XXIV và XXV. Cần ghi nhớ rằng nó gần như không màu, vì vậy, mặc dù nó thuộc về vật chất vật lý và do đó cần khả năng nhìn phát triển ít hơn so với phần hào quang cảm dục, nhưng phần hào quang cảm dục này lại nổi bật hơn nhiều nhờ vào sự rực rỡ của các màu sắc lấp lánh và sự chuyển động liên tục của nó, đến mức nó thường được nhìn thấy ở giai đoạn sớm hơn trong quá trình tiến hóa của con người so với phần còn lại.



Plate 26-Nhân thể của vị Chân sư

CHAPTER XXI

THE CAUSAL BODY OF THE ADEPT—NHÂN THỂ CỦA VỊ CHÂN SƯ

PROBABLY to those who cannot yet see any of the higher bodies of man, the illustrations given in this book will be to some extent suggestive and even illuminative, and it is in the hope that that may be so that it has been published. Yet those who *can* see, while recognizing to the full the painstaking care and skill of the artist, will all agree that even the lowest of these superphysical planes can never be adequately portrayed on paper or canvas. If this be true, as it assuredly is, how much more hopelessly impossible (if one may be pardoned the use of an improper but expressive phrase) must it be to try to represent the adept—the man who has attained the goal of humanity—who has become something more than man!

Có lẽ đối với những người chưa thể nhìn thấy bất kỳ thể cao cấp nào của con người, các hình hình được cung cấp trong cuốn sách này sẽ mang tính gợi ý và thậm chí là soi sáng ở một mức độ nào đó. Và chính với hy vọng điều đó có thể xảy ra mà cuốn sách đã được xuất bản. Tuy nhiên, những người có khả năng nhìn thấy, dù hoàn toàn công nhận sự tận tâm và tài năng của họa sĩ, đều sẽ đồng ý rằng ngay cả những cõi siêu vật lý thấp nhất cũng không bao giờ có thể được miêu tả đầy đủ trên giấy hay trên vải. Nếu điều này đúng, như chắc chắn nó là, thì việc cố gắng miêu tả vị Chân sư—người đã đạt được mục tiêu của nhân loại và đã trở thành điều gì đó vượt xa con người—sẽ càng bất khả thi hơn (nếu có thể được tha thứ cho việc sử dụng một cụm từ không chính xác nhưng biểu cảm).

In his case the size of the causal body has enormously increased, and shines with a sunlike splendour far beyond all imagination in its glorious loveliness. Of the beauty of form and color here no words can speak, for mortal language has no terms in which those radiant spheres may be described. Such a vehicle would be a separate study in itself, but one quite beyond the powers of any but those who are already far on the Path.

Ở trường hợp này, thể nhân quả của Ngài đã phát triển to lớn một cách phi thường và tỏa sáng với sự rực rỡ như mặt trời, vượt xa mọi trí tưởng tượng về vẻ đẹp huy hoàng của nó. Vẻ đẹp của hình dáng và màu sắc ở đây không lời nào có thể diễn tả, vì ngôn ngữ con người không có thuật ngữ để mô tả những hình cầu rực rỡ ấy. Một thể như vậy sẽ là một đề tài nghiên cứu riêng biệt, nhưng hoàn toàn vượt quá khả năng của bất kỳ ai ngoại trừ những người đã đi rất xa trên Thánh đạo.

This at least may be seen, that such a body is not only much larger than that of the ordinary man, but also has its colors differently arranged. These no longer move in whirling clouds, but are arranged in great concentric shells, yet penetrated everywhere by radiations of living light always pouring forth from him as a centre. The order of the colors differs according to the type to which the Adept belongs, so that there are several well-marked varieties amid their glory. Strangely enough, considering the recondite character of the subject, a tradition—a perfectly accurate tradition—of this fact has been preserved in many of the roughly-drawn pictures of the Lord Buddha which one sees upon temple walls in Ceylon. The Great

Điều này ít nhất có thể thấy được: thể này không chỉ lớn hơn nhiều so với của một người bình thường mà còn có sự sắp xếp màu sắc khác biệt. Những màu sắc này không còn chuyển động trong các đám mây xoáy mà được sắp xếp thành các lớp vỏ đồng tâm lớn, nhưng vẫn được xuyên thấu khắp nơi bởi các bức xạ ánh sáng sống động không ngừng tuôn ra từ Ngài như một trung tâm. Trật tự của các màu sắc khác nhau tùy thuộc vào loại hình mà vị Chân sư thuộc về, do đó có một số loại hình đặc trưng giữa sự huy hoàng của chúng. Một điều thú vị là, xét đến tính chất huyền bí của chủ đề này, một truyền thống—một truyền thống hoàn toàn chính xác—về thực tế này đã được lưu giữ trong nhiều bức tranh thô sơ về Đức Phật mà ta thấy trên

Teacher is usually represented there surrounded by an aura; and the strange thing is that, though the coloring and general arrangement of those surroundings would be grotesquely inaccurate and even impossible if intended for that of an ordinary man, or even for that of an ordinary adept (if one may without irreverence use such an expression), yet it is a rough and material representation of the actual higher vehicle of the Adept of that particular type to which this Great One belongs. It is noteworthy also that the lines of the health-aura are drawn in some of these primitive pictures.

tường đền ở Tích Lan. Đức Đại Huấn Sư thường được miêu tả ở đó với một hào quang bao quanh; và điều kỳ lạ là, mặc dù màu sắc và cách sắp xếp chung của những phần bao quanh ấy sẽ vô cùng phi lý và thậm chí là không thể nếu áp dụng cho một người bình thường, hoặc ngay cả cho một vị Chân sư bình thường (nếu có thể nói như vậy mà không bất kính), nhưng chúng lại là một sự miêu tả thô sơ và mang tính vật chất về thể cao cấp thực sự của vị Chân sư thuộc loại hình đặc biệt mà vị Đại Giác Ngộ này thuộc về. Cũng đáng chú ý rằng các đường của hào quang sức khỏe được vẽ trong một số bức tranh nguyên sơ này.

If it is impossible to attempt to illustrate the causal body of the Master; it may yet be worth while to give some idea of the relative size and appearance of that of one of his more advanced pupils—one who has attained that fourth stage of the path which in Oriental books is called that of the Arhat. (See *Invisible Helpers*, p.) Such an endeavor has been made in Plate XXVI, but an effort of the imagination even greater than usual is necessary to complete the picture, by reason of the fact that the colors of this causal body have two characteristics which are irreconcilable here on the physical plane. They are distinctly more delicate and ethereal than any that have been previously described; yet at the same time they are far fuller, more brilliant, and more luminous. Until we can paint with fire instead of mere color, we shall find ourselves always on one horn or other of the dilemma; for if we attempt to represent the depth and richness of the color it must look dense and solid; if we try instead to give its marvellous transparency and luminosity, then the colors must be entirely lacking in the wonderful power and brilliance which is so prominent a characteristic of the glorious reality.

Nếu không thể cố gắng hình thể nhân quả của một vị Chân sư, thì có lẽ vẫn đáng để đưa ra một ý niệm về kích thước tương đối và hình dáng của thể nhân quả của một trong những đệ tử tiến hóa cao của Ngài—người đã đạt đến giai đoạn thứ tư của Thánh đạo, mà trong các sách phương Đông được gọi là bậc A-la-hán. (Xem *Invisible Helpers*, trang...) Một nỗ lực như vậy đã được thực hiện ở Bản Vẽ XXVI, nhưng cần một nỗ lực tưởng tượng thậm chí lớn hơn bình thường để hoàn thiện bức tranh, do thực tế rằng màu sắc của thể nhân quả này có hai đặc điểm không thể dung hòa ở đây trên cõi trần. Chúng rõ ràng tinh tế và thanh thoát hơn bất kỳ màu sắc nào đã được mô tả trước đó; tuy nhiên, đồng thời chúng lại phong phú, rực rỡ và sáng chói hơn nhiều. Cho đến khi chúng ta có thể vẽ bằng lửa thay vì chỉ bằng màu sắc, chúng ta sẽ luôn thấy mình mắc kẹt giữa hai khó khăn này; vì nếu chúng ta cố gắng thể hiện chiều sâu và sự phong phú của màu sắc, chúng phải trông đậm đặc và cứng nhắc; còn nếu chúng ta cố gắng thể hiện sự trong suốt và sáng chói tuyệt diệu của chúng, thì các màu sắc sẽ hoàn toàn thiếu đi sức mạnh và sự rực rỡ tuyệt vời vốn là đặc điểm nổi bật của thực tại huy hoàng.

Since, however, an effort has been made in the case of the other causal bodies to give an idea of the transparent ovoid form, it seems better in this case to try to give the depth of color, its arrangement, and the relative size. This last can be brought into proportion only by the expedient of decreasing many times the size of the physical body in our picture; for if we retained the same scale as that

Tuy nhiên, vì đã có một nỗ lực trong trường hợp các thể nhân quả khác nhằm đưa ra một ý niệm về hình dạng hình cầu trong suốt, nên ở trường hợp này, có vẻ hợp lý hơn khi cố gắng thể hiện chiều sâu màu sắc, sự sắp xếp của chúng và kích thước tương đối. Điều này chỉ có thể đạt được bằng cách giảm kích thước của hình thể vật lý trong hình hình; vì nếu giữ nguyên tỷ lệ như đã sử dụng trước đó, thể nhân

previously employed, the causal body of the Arhat would need to be represented as some yards in length and breadth. Consequently we are compelled to reduce very much the drawing of the physical form, in order that the causal body, when drawn in proportion to it, may come within the size of even a double plate. But even at the best, such a drawing can only be regarded as a help to stimulate us in an effort to make a mental image—an image which may perchance be less hopelessly inadequate than the physical representation.

quả của vị A-la-hán sẽ cần được biểu diễn với chiều dài và chiều rộng tính bằng thước. Do đó, chúng ta buộc phải giảm rất nhiều kích thước của hình dạng vật lý, để thể nhân quả, khi được vẽ theo tỷ lệ với nó, có thể nằm trong kích thước của một bản vẽ đôi. Nhưng ngay cả trong trường hợp tốt nhất, một hình hình như vậy chỉ có thể được coi như một công cụ giúp kích thích chúng ta trong nỗ lực tạo ra một hình ảnh tâm trí—một hình ảnh mà có lẽ sẽ ít không đủ hơn so với sự miêu tả vật lý.

In examining this illustration we are at once struck by the magnificent development of the highest types of intellect, love and devotion, by the wealth of sympathy and of the highest spirituality which it displays. The outrush of the Divine influence which we saw in Plate XXI is enormously intensified here, for this man has become an almost perfect channel for the life and the power of the Logos. Not only in white light does the glory radiate from him, but all the colors of the rainbow play round him in ever-changing gleams like mother-of-pearl; so that there is something in that radiation to strengthen the highest qualities in every person who approaches him, no matter what those qualities may be. Thus none can come within the range of his influence without being the better for it he shines upon all around him like the sun, for, like it, he has become a manifestation of the Logos.

Khi quan sát hình hình này, chúng ta ngay lập tức bị ấn tượng bởi sự phát triển rực rỡ của các phẩm chất cao nhất về trí tuệ, tình thương và sự tận hiến, bởi sự phong phú của lòng trắc ẩn và tính tâm linh cao cấp nhất mà nó thể hiện. Sự tuôn tràn ảnh hưởng thiêng liêng mà chúng ta thấy ở Bản Vẽ XXI được gia tăng mạnh mẽ ở đây, vì con người này đã trở thành một kênh gần như hoàn hảo cho sự sống và năng lượng của Thượng đế. Vinh quang không chỉ tỏa ra từ y trong ánh sáng trắng, mà tất cả các màu sắc của cầu vồng cũng chơi đùa quanh y với những tia sáng không ngừng thay đổi, giống như xà cừ; vì vậy, có điều gì đó trong sự bức xạ này để củng cố những phẩm chất cao nhất trong mỗi người tiếp cận y, bất kể những phẩm chất ấy là gì. Do đó, không ai có thể đến trong phạm vi ảnh hưởng của y mà không nhận được lợi ích; y chiếu sáng tất cả xung quanh mình như mặt trời, vì giống như mặt trời, y đã trở thành một biểu hiện của Thượng đế.

The mind-body and astral body connected with this have very little characteristic color of their own, but are reproductions of the causal body in so far as their lover, octaves can express it. They have a lovely shimmering iridescence—a sort of opalescent, mother-of-pearl effect—which is far beyond either description or representation.

Thể trí và thể cảm dục liên kết với thể này hầu như không có màu sắc đặc trưng riêng, mà là những sự sao chép của thể nhân quả, trong phạm vi mà các quãng tám thấp hơn của chúng có thể thể hiện điều đó. Chúng có một sự óng ánh tuyệt đẹp—một dạng hiệu ứng xà cừ, giống như mẹ ngọc trai—vượt xa mọi sự miêu tả hay tái hiện.

One thing at least we may perhaps hope that our study of these inner vehicles will do for us: it may help us to understand that it is this higher presentation of him which is the real man, and not that aggregation of physical matter crystallized in the midst of it, to which we in our blindness attach such undue importance. The very man himself—

Ít nhất, chúng ta có thể hy vọng rằng việc nghiên cứu các thể bên trong này sẽ giúp chúng ta hiểu rằng chính khía cạnh cao cấp hơn này mới là con người thật, chứ không phải tập hợp vật chất vật lý được kết tinh ở giữa, mà chúng ta trong sự mù quáng của mình lại gán cho tầm quan trọng quá mức. Con người thật—tam vị thiêng liêng bên

the divine trinity within—we may not see; but the more our sight and knowledge increase, the more nearly we approach that which veils itself in him; and if for the moment the highest vehicle of his which is perceptible to us is the causal body, then that is the nearest to a conception of the true man that our sight will at present give us. But if the same man be looked upon from the standpoint of the lower mental levels, naturally only so much of him can be seen as can be expressed in that mind-body which is the manifestation of the personality. Examining him on the astral plane, we find that an additional veil has descended, and only that lower part of him is visible which can find expression through the vehicle of desire. Here on the physical plane we are still worse off, since the true man is more effectually hidden from us than ever.

trong—chúng ta không thể nhìn thấy; nhưng càng nâng cao tầm nhìn và tri thức, chúng ta càng tiến gần hơn đến điều ẩn mình trong y. Nếu trong thời điểm hiện tại, thể cao nhất mà chúng ta có thể nhận thức được là thể nhân quả, thì đó là hình dung gần nhất về con người thật mà tầm nhìn của chúng ta hiện tại có thể mang lại. Nhưng nếu cùng một con người được nhìn từ góc độ các cõi hạ trí hơn, tự nhiên chỉ có phần nào của y được thấy, đó là phần có thể được biểu lộ qua thể trí là biểu hiện của phàm ngã. Khi quan sát y trên cõi cảm dục, chúng ta nhận thấy một tấm màn bổ sung đã buông xuống, và chỉ có phần thấp hơn của y, phần có thể biểu lộ qua thể dục vọng, mới hiển lộ. Ở đây, trên cõi trần, chúng ta thậm chí còn khó khăn hơn, vì con người thật bị che giấu hiệu quả hơn bao giờ hết.

Perhaps the knowledge of this may lead us to form a somewhat higher opinion of our fellow-man, since we realize that he is always so much more than he seems to the physical eye. There is always the higher possibility in the background, and often an appeal to the better nature will arouse it from its latency, and bring it down into manifestation where all can see it. When we have studied the man as he is, it may be easier for us to pierce through the dense physical veil, and image the reality which is behind. Our faith in human nature may become greater when we realize how entirely it is part of the divine nature; and so we may be able to help our fellow-man the better, because we grasp the certainty that he and we are one.

Có lẽ sự hiểu biết này sẽ khiến chúng ta hình thành một quan điểm cao hơn về đồng loại của mình, bởi vì chúng ta nhận ra rằng y luôn là điều gì đó vượt xa những gì mắt vật lý nhìn thấy. Luôn có một tiềm năng cao hơn ở phía sau, và thường một lời kêu gọi đến bản chất tốt đẹp hơn sẽ đánh thức nó từ trạng thái tiềm tàng và mang nó xuống biểu hiện mà tất cả đều có thể nhìn thấy. Khi chúng ta đã nghiên cứu về con người như y vốn là, có lẽ chúng ta sẽ dễ dàng xuyên qua bức màn vật chất dày đặc để hình dung ra thực tại nằm phía sau. Niềm tin của chúng ta vào bản chất con người có thể lớn hơn khi chúng ta nhận ra rằng bản chất này hoàn toàn là một phần của bản chất thiêng liêng; và vì vậy, chúng ta có thể giúp đỡ đồng loại của mình tốt hơn, vì chúng ta nắm bắt được sự chắc chắn rằng y và chúng ta là một.

If through us the divine light shines out more brightly, it is only in order that we may share that light with him; if we have gained a higher step upon the ladder, it is only that we may stretch out a helping hand to him. The more we understand this glorious scheme of evolution whose progress we have been studying in its outward manifestation, the more fully shall we see the true intention of the mighty self-sacrifice of the Logos; and so beautiful is this, so perfect beyond all thought of ours, that to see it once is to be devoted for ever to its realization. To see it is to throw

Nếu thông qua chúng ta, ánh sáng thiêng liêng tỏa sáng rực rỡ hơn, thì đó chỉ là để chúng ta chia sẻ ánh sáng đó với y; nếu chúng ta đã đạt được một bậc cao hơn trên nấc thang, thì đó chỉ là để chúng ta có thể vươn tay ra giúp đỡ y. Càng hiểu rõ kế hoạch tiến hóa huy hoàng này mà chúng ta đã nghiên cứu thông qua các biểu hiện bên ngoài của nó, chúng ta sẽ càng thấy rõ hơn ý định thực sự của sự hy sinh vĩ đại của Thượng Đế. Và điều này quá đỗi đẹp đẽ, hoàn hảo vượt ngoài mọi ý tưởng của chúng ta, đến mức chỉ cần nhìn thấy nó một lần là sẽ dâng hiến mãi mãi để hiện thực hóa nó. Nhìn

oneself into it, to strive for ever more to be one with it, even though in the very humblest capacity; for he who works with God is working for eternity and not for time, and in all the eons that lie before us his work can never fail.

thấy nó là dấn thân vào đó, là nỗ lực không ngừng để trở thành một với nó, dù ở vị trí khiêm tốn nhất; vì ai làm việc với Thượng Đế là làm việc cho vĩnh cửu, không phải cho thời gian, và trong tất cả những kiếp sống kéo dài trước mắt, công việc của y không bao giờ thất bại.

---

[3] [Adyar Edition, Vol.]

[4] See Appendix.

[5] See Appendix.